

# **BÁO CÁO VĨ MÔ & THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN**



Biến cơ hội thành giá trị

**Tháng 12 năm 2023**

## Mục Lục

<b>Tóm tắt.....</b>	<b>tr.3</b>
<b>Kinh tế Vĩ mô tháng 11.....</b>	<b>tr.4</b>
<b>Tổng quan TTCK tháng 11.....</b>	<b>tr.17</b>
<b>Triển vọng TTCK tháng 12.....</b>	<b>tr.34</b>
<b>Lịch sự kiện tháng 12.....</b>	<b>tr.38</b>
<b>Danh sách mã khuyến nghị năm 2023.....</b>	<b>tr.39</b>
<b>Tuyên bố miễn trừ.....</b>	<b>tr.58</b>

# TÓM TẮT

- **VN-Index phục hồi tăng 6,41% MoM và quay trở lại vùng 1.100 điểm.** Nhóm cổ phiếu vừa và nhỏ đại diện là VNMID và VNSML tăng vượt trội lần lượt +15,32% và +13,39% trong tháng 11/2023 nhờ sự tích cực của các cổ phiếu thuộc nhóm chứng khoán, bất động sản trong khi VN30 chỉ tăng 4,07% do áp lực bán ròng của khối ngoại và một số cổ phiếu vốn hóa lớn giảm điểm như VCB (-2,4%), VNM (-0,88%).
- **Thanh khoản phục hồi lên trên mức trung bình trong tháng 11,** giá trị giao dịch bình quân toàn thị trường tháng 11/2023 đạt 19.292,47 tỉ đồng/phiên, +14,12% MoM.
- **Nhà đầu tư cá nhân và tổ chức trong nước mua ròng trong khi tổ chức nước ngoài duy trì bán ròng trong tháng 11.** Số lượng tài khoản mở mới trong tháng 11 là 148.592 tài khoản (-11,37% MoM) trong khi có thêm 341.393 tài khoản được đóng (2 tháng gần nhất có tổng cộng 886.779 tài khoản được đóng) qua đó tổng số tài khoản nhà đầu tư tính đến cuối tháng 11 tiếp tục giảm xuống còn 7,25 triệu tài khoản.
- **Nhà đầu tư nước ngoài bán ròng 8 tháng liên tiếp.** Trong tháng 11, khối ngoại bán ròng 3.531 tỷ đồng và lũy kế 11 tháng đầu năm 2023 bán ròng tổng cộng 12.722,03 tỷ đồng tại thị trường Việt Nam. Dòng tiền ETF trong tháng 11 tiếp tục tích cực khi hút ròng nhẹ 5 triệu USD.
- **Kinh tế tiếp tục có sự cải thiện trong tháng 11** đặc biệt trong giải ngân vốn FDI với 20,25 tỷ USD, tăng 2,9% YoY (năm 2022 ghi nhận vốn thực hiện FDI cao nhất giai đoạn 2018 – 2022). Tuy nhiên tín dụng vẫn tăng chậm do khả năng hấp thụ vốn thấp, PMI sản xuất suy giảm và nằm dưới ngưỡng 50 điểm tháng thứ 3 liên tiếp.
- **Xu hướng thị trường trong tháng 12 được dự báo sẽ tiếp đà phục hồi** và Vn-Index kết thúc năm 2023 trong kịch bản tích cực là phía trên khu vực 1.150 điểm. Trong kịch bản kém tích cực hơn Vn-Index sẽ nằm trong khoảng từ 1.120 điểm – 1.150 điểm.
- Danh mục cổ phiếu khuyến nghị duy trì tổng cộng 19 mã cổ phiếu. Trước diễn biến phục hồi của thị trường chung, các cổ phiếu trong danh mục đều tăng điểm trong tháng 11 trong đó tích cực nhất tháng là SZC (+35,32% MoM; +81,12% YTD), GVR (+20,47% MoM; +47,5% YTD), PVT (+19,36% MoM; +20,45% YTD), PVS (+16,97% MoM; +71,17% YTD)...cổ phiếu kém tích cực nhất trong danh mục tháng 11 là VNM (-0,88% MoM; -8,54% YTD), GAS (-0,13% MoM; -6,34% YTD).

The image features a blue-toned view of Earth from space, showing the Eastern Hemisphere. A network of white lines and dots is overlaid on the globe, suggesting a global network or data flow. A white rectangular frame is positioned on the right side of the image, partially enclosing the text. The text is centered within this frame.

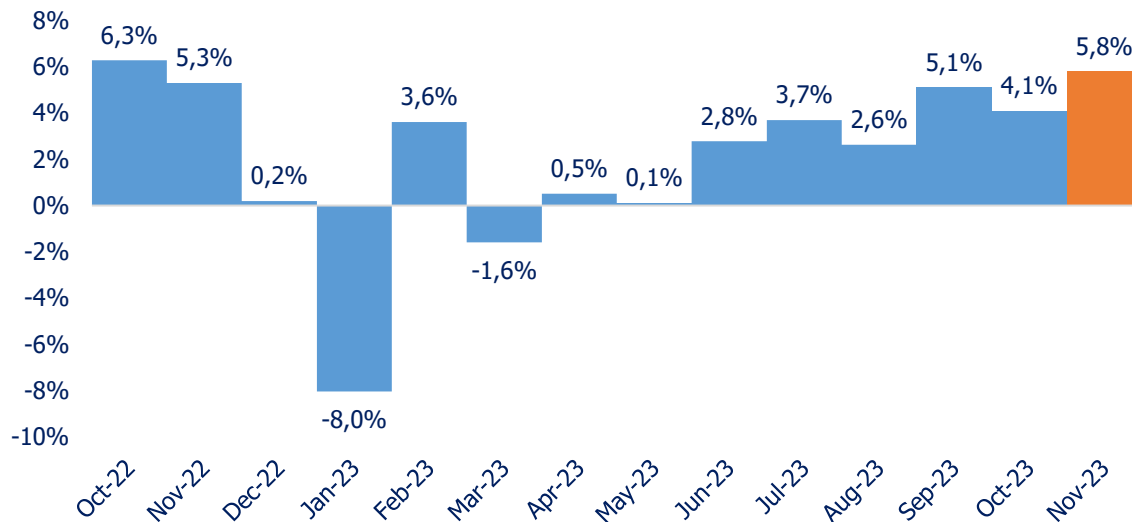
**KINH TẾ VĨ MÔ  
THÁNG 11**

# KINH TẾ VĨ MÔ THÁNG 11

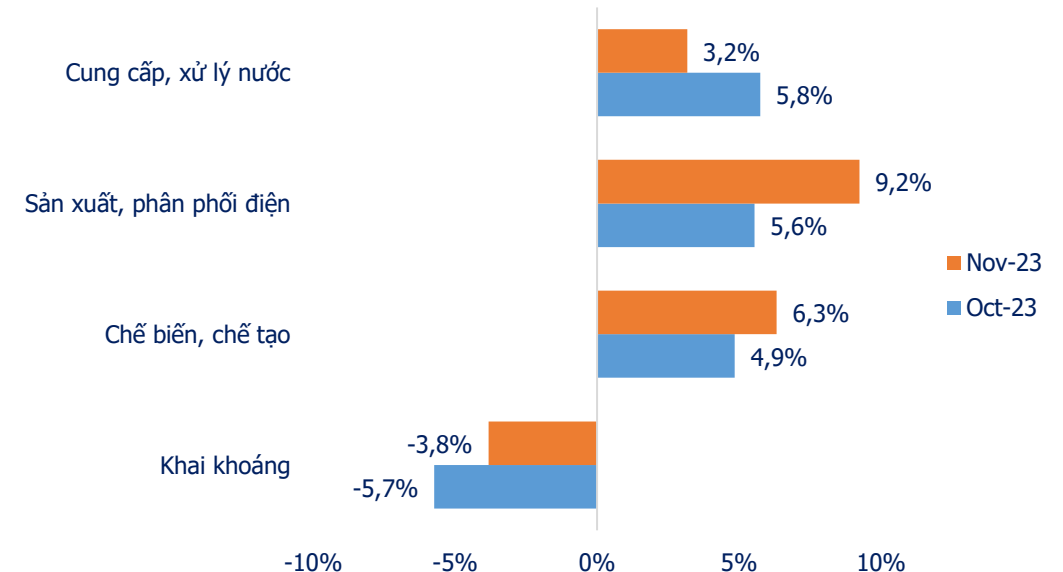
**Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) tiếp tục xu hướng tích cực.** Các doanh nghiệp sản xuất đang nỗ lực tìm kiếm đơn hàng để hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh của năm cũng như chuẩn bị hàng hóa phục vụ tiêu dùng dịp cuối năm nên sản xuất công nghiệp tháng 11 tiếp tục xu hướng tích cực, ước tính chỉ số sản xuất công nghiệp tăng 3,0% so với tháng trước và tăng 5,8% so với cùng kỳ năm trước. Đây là mức tăng trưởng so với cùng kỳ cao nhất kể từ tháng 11/2022. Mức tăng trưởng theo tháng tuy nhiên lại chậm hơn so với tháng trước, đây là điều thường thấy trong tháng 11 và tháng 12 hàng năm do hoạt động sản xuất tăng mạnh hơn trong tháng 10 để đáp ứng tuần lễ mua sắm trong tháng 11 như Black Friday hay 11.11.

- Ngành Chế biến chế tạo (+6,3% YoY so với +4,9% YoY trong tháng 10) và ngành Sản xuất, phân phối điện (+9,2% YoY so với +5,6% YoY trong tháng 10) là hai nhân tố đóng góp chính vào mức tăng trưởng trong tháng 11.
- Đối với lĩnh vực xuất khẩu: Sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính và sản phẩm quang học (+3,35% YoY so với +3,38% YoY trong tháng 10), trong đó sản xuất linh kiện điện tử +6,32%, sản xuất điện tử dân dụng +26,5%; Giày da có mức tăng trưởng 2 con số ở mức +10,29% YoY; May mặc cũng có mức tăng nhẹ 2,45%.

**Tăng trưởng IIP YoY theo tháng**



Nguồn: GSO, SHS tổng hợp



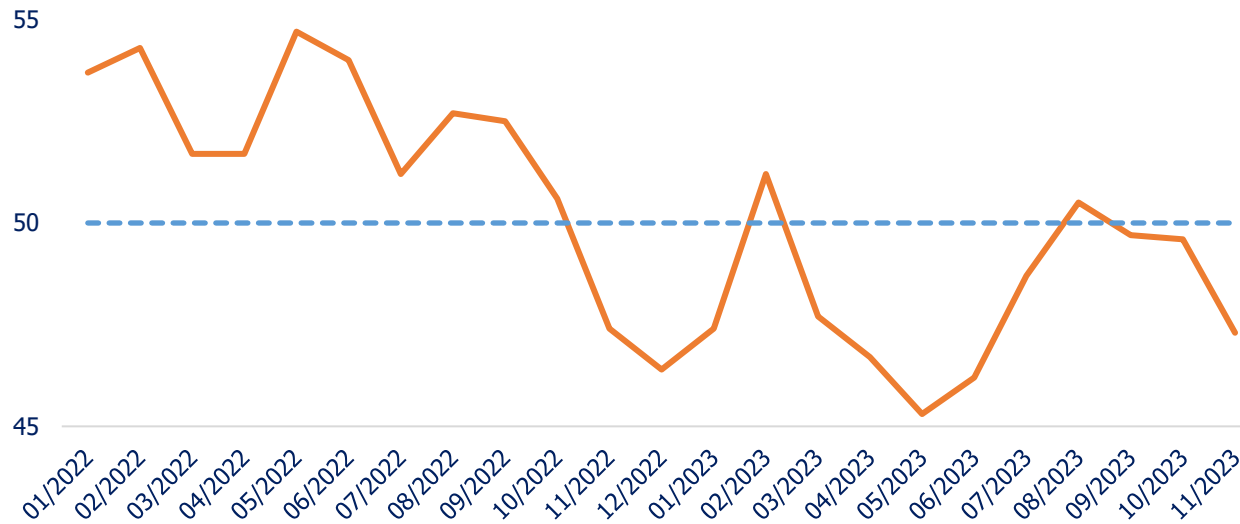


# KINH TẾ VĨ MÔ THÁNG 11

**PMI giảm tháng thứ 3 liên tiếp.** Theo S&P Global, PMI của Việt Nam chỉ đạt 47,3 điểm trong tháng 11 so với mức 49,6 điểm tháng trước, cho thấy các điều kiện kinh doanh trong ngành sản xuất đã giảm mạnh so với tháng trước, đánh dấu tháng thứ 3 liên tiếp suy giảm.

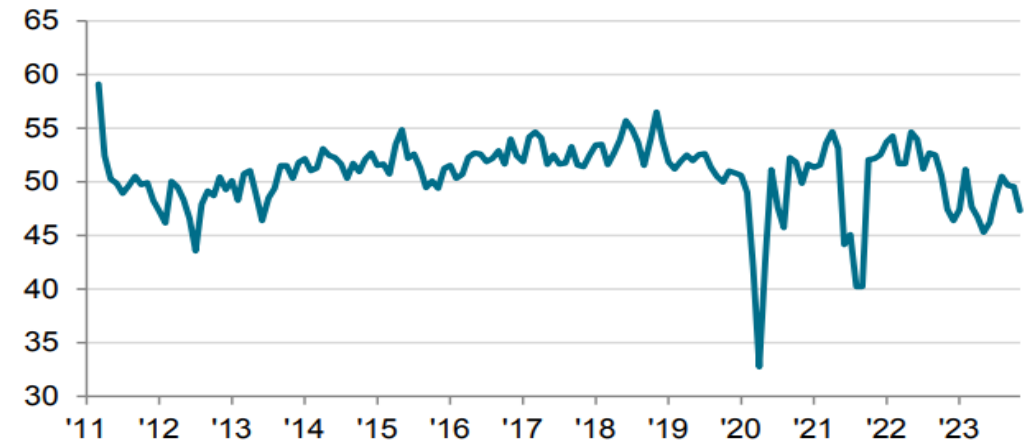
- Sau 3 tháng đơn hàng mới tăng, số lượng đơn đặt hàng mới quay lại giảm trở lại trong tháng 11. Tốc độ giảm là mạnh và là đáng kể nhất kể từ tháng 5 do nhu cầu khách hàng giảm. Tình trạng nhu cầu yếu kém cũng được ghi nhận với khách hàng quốc tế khi số lượng đơn đặt hàng xuất khẩu mới giảm lần đầu tiên trong bốn tháng.
- Trong điều kiện đó, các công ty tiếp tục giảm sản lượng. Sản lượng đã giảm liên tục trong ba tháng qua. Hơn nữa, tốc độ giảm đã nhanh hơn nhiều và đáng kể nhất kể từ tháng 5. Do đó, các nhà sản xuất đã giảm hoạt động mua hàng và việc làm trong tháng 11.
- Áp lực chi phí tiếp tục tăng vào giữa quý cuối của năm khiến các nhà sản xuất đã tăng giá bán hàng tháng thứ tư liên tiếp.

### Chỉ số PMI



### PMI Ngành Sản xuất Việt Nam của S&P Global PMI

Điều chỉnh theo mùa, >50 = cải thiện so với tháng trước



Nguồn: S&P Global PMI.

Dữ liệu được thu thập từ ngày 9 đến ngày 22 tháng 11 năm 2023.

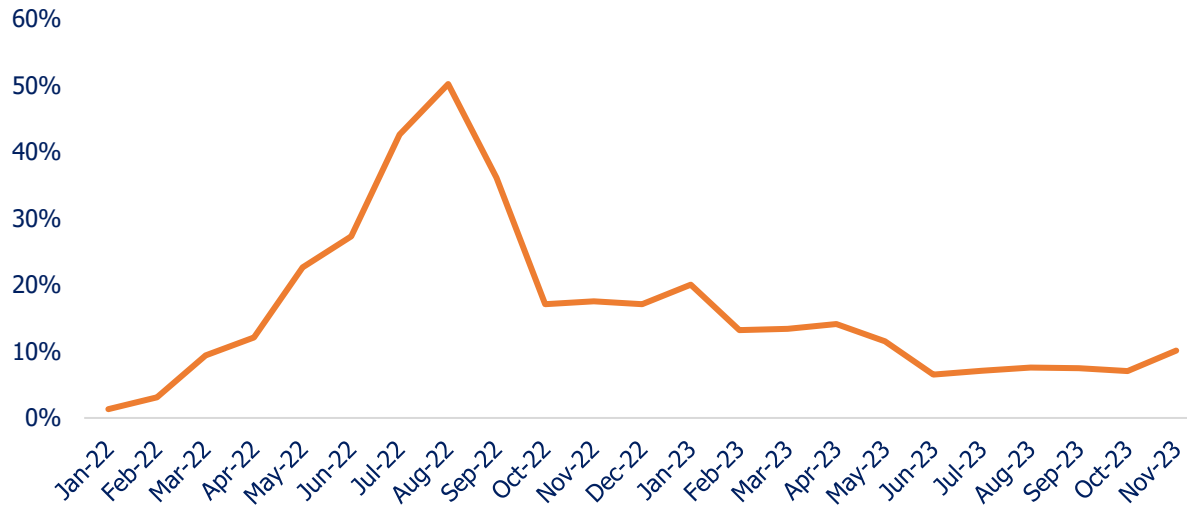


# KINH TẾ VĨ MÔ THÁNG 11

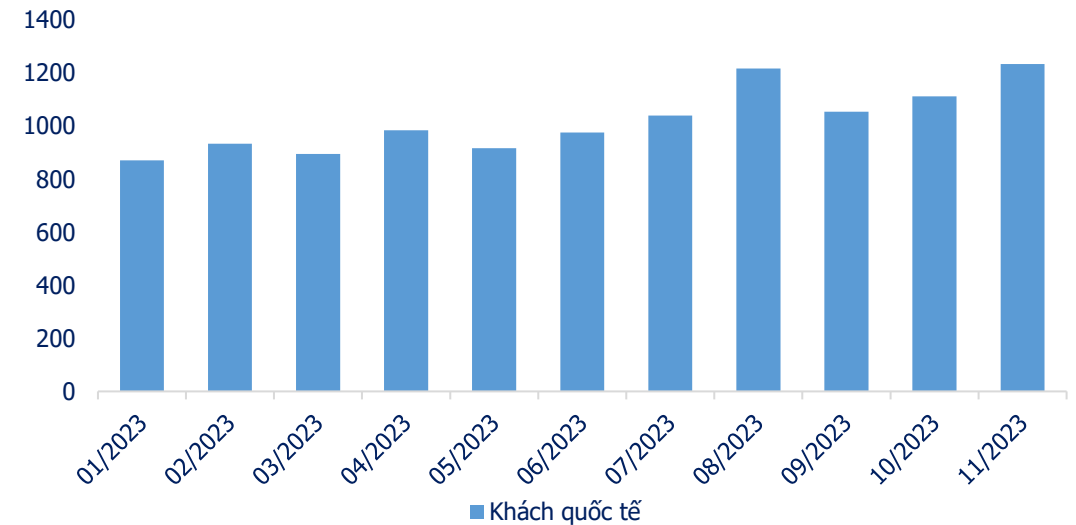
**Tổng mức bán lẻ hàng hóa (BLHH) và doanh thu dịch vụ tiêu dùng (DVTĐ) sôi động hơn nhằm phục vụ các ngày lễ lớn cuối năm**, ước đạt 552,7 nghìn tỷ đồng tháng 11, tăng 1,4% MoM và tăng 10,1% YoY do nhu cầu tiêu dùng lương thực, thực phẩm, các vật phẩm văn hóa, giáo dục và dịch vụ lưu trú, ăn uống, du lịch lữ hành tiếp tục duy trì xu hướng tăng so với cùng kỳ năm trước. Đây là mức tăng trưởng cao nhất so với cùng kỳ từ tháng 5/2023, tuy nhiên tăng trưởng theo tháng lại hạ nhiệt. Tính chung 11 tháng năm 2023, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng theo giá hiện hành ước đạt 5.667 nghìn tỷ đồng, tăng 9,6% so với cùng kỳ năm trước (cùng kỳ năm 2022 tăng 20,2%), nếu loại trừ yếu tố giá tăng 7,0% (cùng kỳ năm 2022 tăng 16,6%)

**Khách quốc tế đến Việt Nam đạt 1,23 triệu lượt trong tháng 11**, tăng 10,9% so với tháng trước và gấp 2,1 lần cùng kỳ năm trước, chủ yếu từ Trung Quốc, Hàn Quốc, và các nước ASEAN. Tính chung 11 tháng năm 2023, khách quốc tế đến nước ta đạt hơn 11,2 triệu lượt người, gấp 3,8 lần cùng kỳ năm trước và bằng 68,9% so với cùng kỳ năm 2019 – năm chưa xảy ra dịch Covid-19.

### Tăng trưởng bán lẻ (YoY)



### Khách du lịch (nghìn lượt)



Nguồn: GSO, SHS tổng hợp

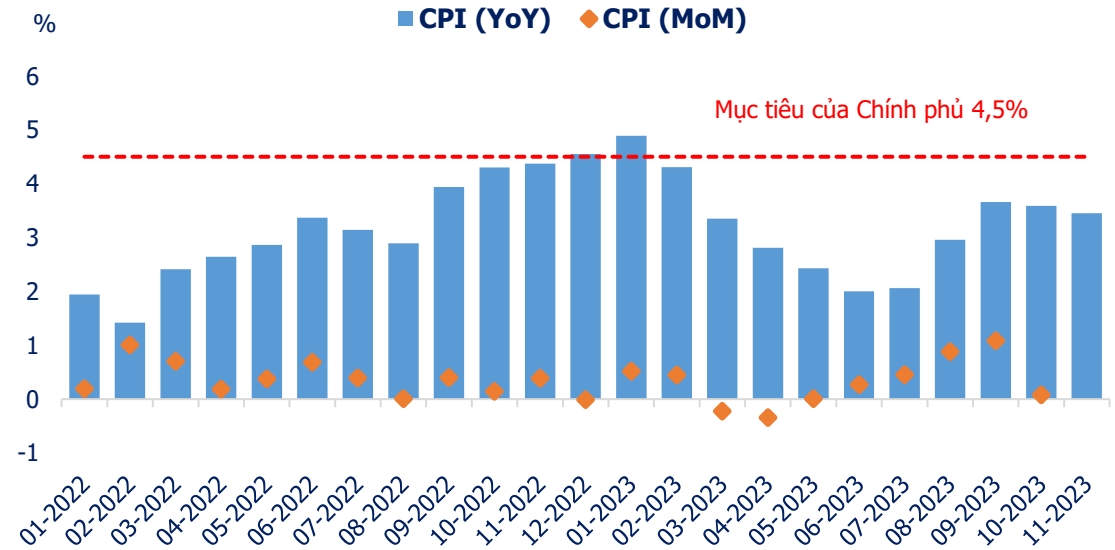
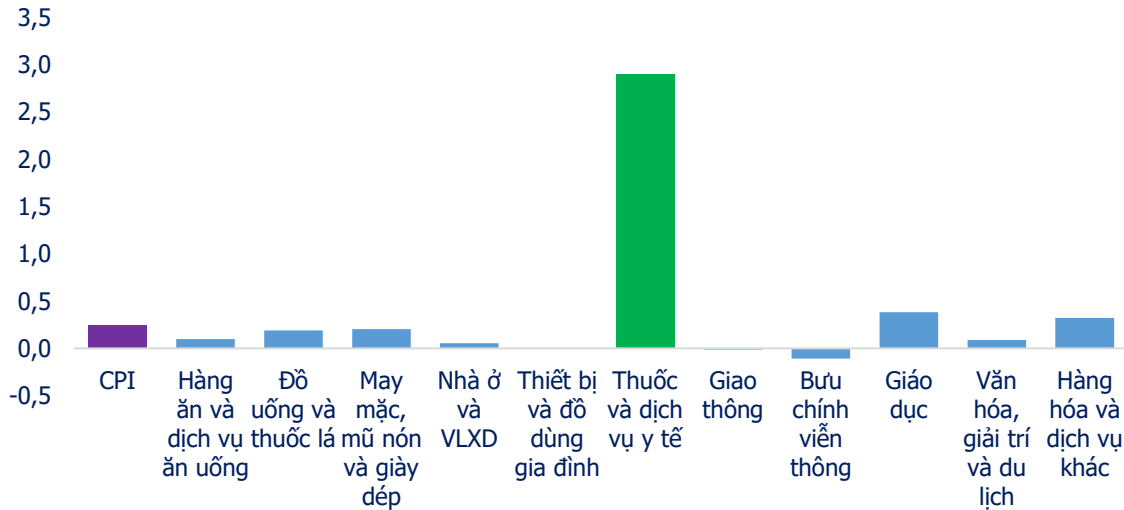
# KINH TẾ VĨ MÔ THÁNG 11

**Lạm phát hạ nhiệt.** CPI toàn phần tháng 11 đã giảm xuống 3,45% YoY (so với mức 3,59% trong tháng 10), tăng 0,25% MoM (tháng 10 tăng 0,08%) do một số địa phương tăng giá dịch vụ y tế theo Thông tư số 22/2023/TT-BYT. So với tháng 12/2022, CPI tháng 11 tăng 3,46%. Lạm phát cơ bản duy trì xu hướng giảm, tháng 11 tăng 3,15% so với mức 3,4% trong tháng 10, chạm mức thấp nhất kể từ tháng 08/2022. Bình quân 11T/2023, CPI tăng 3,22% so với cùng kỳ năm trước; lạm phát cơ bản tăng 4,27%.

- Nhóm nhà ở và vật liệu xây dựng tăng 0,05% MoM (tháng 10 tăng 0,27%) do mức tiêu thụ điện thấp khi thời tiết mát mẻ. Tuy nhiên, dự kiến nhóm này sẽ tăng trở lại vào tháng 12 do EVN điều chỉnh tăng 4,5% giá điện vào ngày 9/11. Nhóm giao thông giảm 0,01% chủ yếu do giá xăng giảm 1,4% và giá dầu diezen giảm 7,14% trước các đợt điều chỉnh giá xăng dầu trong nước vào ngày 1/11/2023, 13/11/2023 và 23/11/2023.

- Nhóm thuốc và dịch vụ y tế tăng cao nhất với 2,9% (làm CPI chung tăng 0,16 điểm phần trăm), trong đó dịch vụ khám chữa bệnh ngoại trú tăng 2,27%; khám chữa bệnh nội trú tăng 5,13%.

**Tốc độ tăng/giảm CPI tháng 11 so với tháng trước (%)**



Nguồn: GSO, SHS tổng hợp

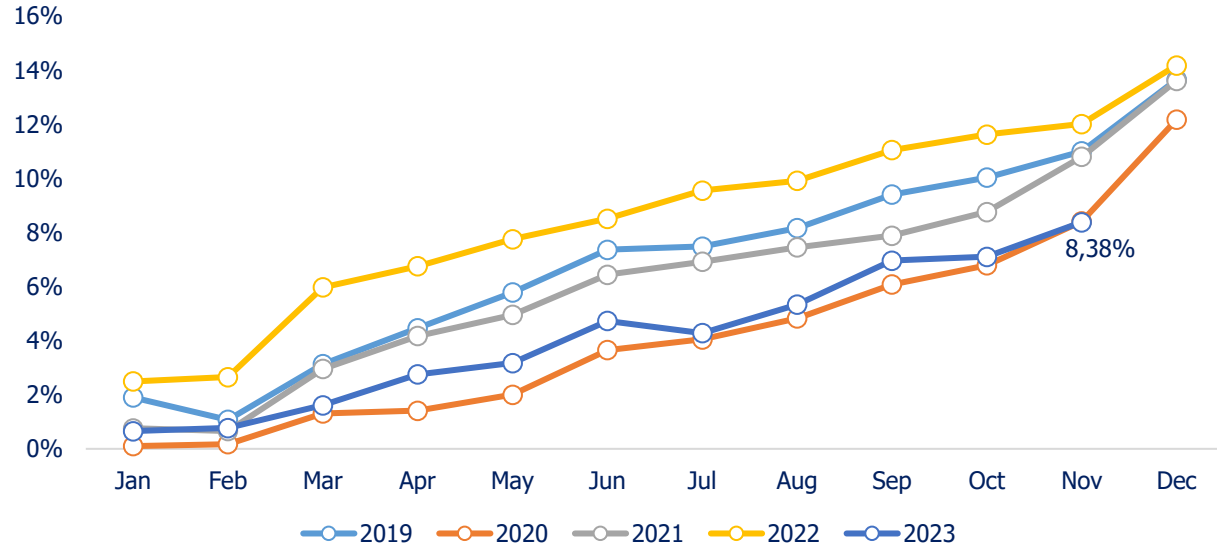




Biến cơ hội thành giá trị

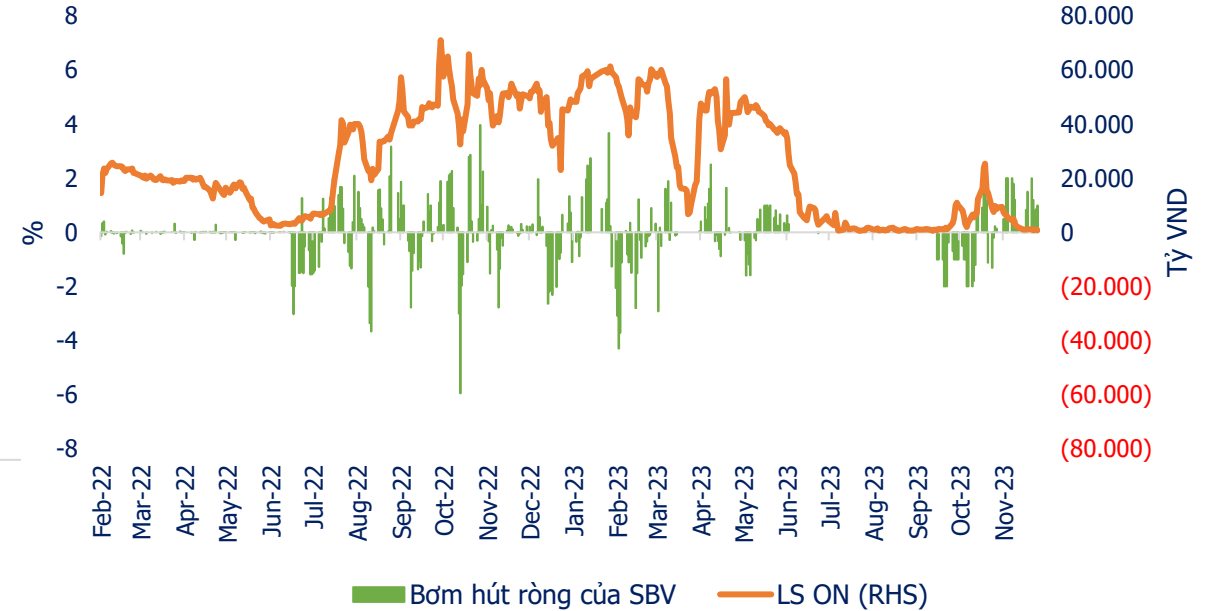
# KINH TẾ VĨ MÔ THÁNG 11

### Tăng trưởng tín dụng YTD giai đoạn 2019-2023



Nguồn: Bloomberg, SBV, GSO, SHS tổng hợp

### Lãi suất liên ngân hàng ON và bơm hút ròng của SBV qua OMO



NHNN dừng phát hành tín phiếu từ 09/11/2023, bơm ròng trở lại hệ thống Ngân hàng qua tín phiếu đáo hạn khi áp lực tỷ giá giảm trong tháng 11. Tại thời điểm cuối tháng 11, NHNN chỉ còn hút ròng 25.000 tỷ đồng qua phát hành tín phiếu. Lãi suất liên Ngân hàng kỳ hạn qua đêm lại giảm xuống sát 0% khi thanh khoản hệ thống Ngân hàng tiếp tục dồi dào. Tính đến ngày 23/11/2023, dư nợ tín dụng toàn hệ thống tăng 8,38% YTD, tốc độ tăng trưởng không đồng đều giữa các Ngân hàng. Cuối tháng 11.2023, NHNN đã điều chỉnh hạn mức tăng trưởng tín dụng giữa các Ngân hàng, từ ngân hàng không sử dụng hết sang các ngân hàng cần được tiếp tục mở rộng. Còn khoảng 735 nghìn tỷ đồng tín dụng cần được cung ứng ra nền kinh tế để hoàn thành mục tiêu tăng trưởng tín dụng cả năm (14,5%). Chúng tôi duy trì dự báo tăng trưởng tín dụng trong năm 2023 khoảng 10% – 12%.

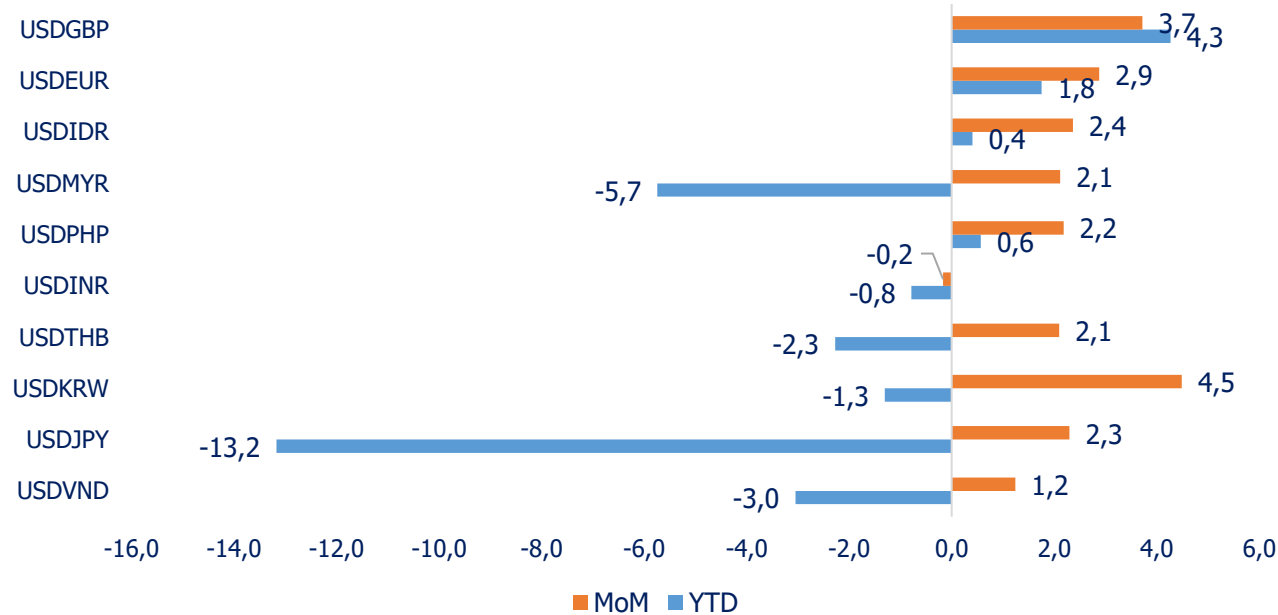
Lãi suất huy động tiếp tục giảm nhẹ trong tháng 11, dẫn đầu từ động thái giảm lãi suất của Vietcombank. Tăng trưởng tín dụng thấp khiến VCB là Ngân hàng có lãi suất huy động thấp nhất toàn hệ thống, với 2,4%/năm kỳ hạn 1 tháng, 4,8%/năm kỳ hạn 1-5 năm. Lãi suất huy động ở các NHTMCPNN đã giảm về mức thấp nhất lịch sử, chỉ từ 4,3%-4,8%/năm kỳ hạn 12 tháng cho cả cá nhân và TCKT. Tiền gửi từ dân cư vẫn tăng trưởng khá so với cùng kỳ và so với tăng trưởng tín dụng, dù trong bối cảnh lãi suất thấp.



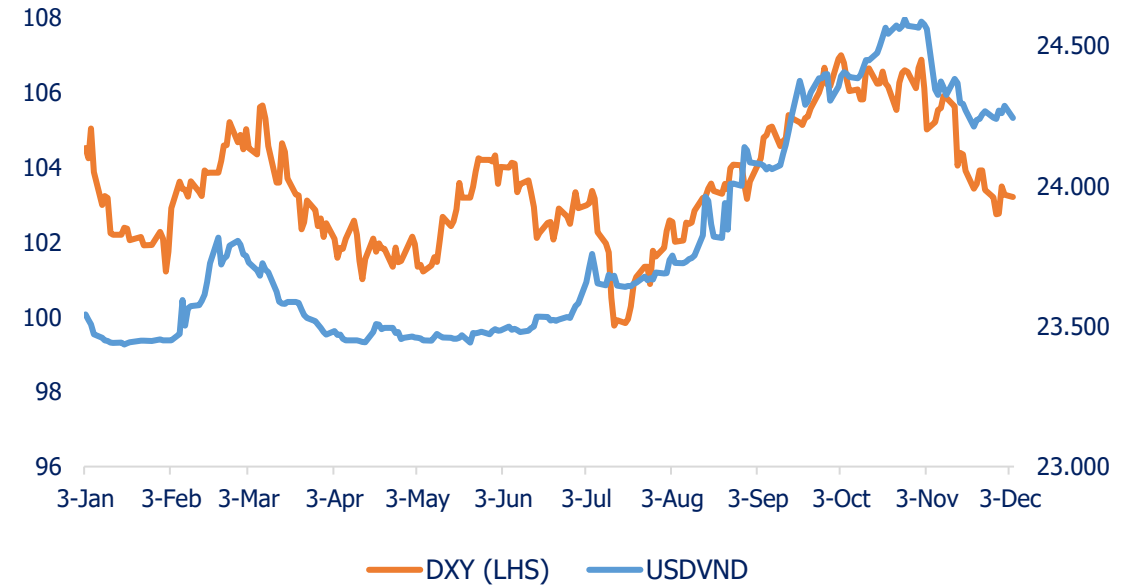
Biến cơ hội thành giá trị

# KINH TẾ VĨ MÔ THÁNG 11

### Biến động tỷ giá một số đồng tiền trong tháng 11 và từ đầu năm



### Chỉ số DXY và tỷ giá USDVND năm 2023



Nguồn: Bloomberg, FiinGroup, SHS tổng hợp

Đồng VND phục hồi nhẹ 1,2% trong tháng 11/2023 nhờ xu hướng giảm của chỉ số DXY. Nhà đầu tư đánh giá FED sẽ kết thúc chu kỳ thắt chặt sớm hơn khi chỉ số giá tiêu dùng hạ nhiệt và chỉ số PMI sản xuất yếu hơn kì vọng và điều này làm suy yếu đồng bạc xanh. Theo CME FedWatch Tool, thị trường đang dự báo FED sẽ giữ nguyên mức lãi suất 5,25-5,5% tại kỳ họp cuối cùng của năm 2023 với xác suất tăng lãi suất chỉ ở mức 2,3%. Nhà đầu tư cũng kỳ vọng FED sẽ đảo ngược chu kỳ thắt chặt sớm hơn với 51,7% kỳ vọng FED giảm lãi suất lần đầu 0,25% vào tháng 3.2024 và tỷ lệ 86,5% kỳ vọng vào tháng 5.2024.

Chỉ số DXY giảm giúp hầu hết các đồng tiền chủ chốt đều tăng giá so với USD trong tháng 11. Tính từ đầu năm, đồng VND đang giảm 3% so với USD.



# KINH TẾ VĨ MÔ THÁNG 11

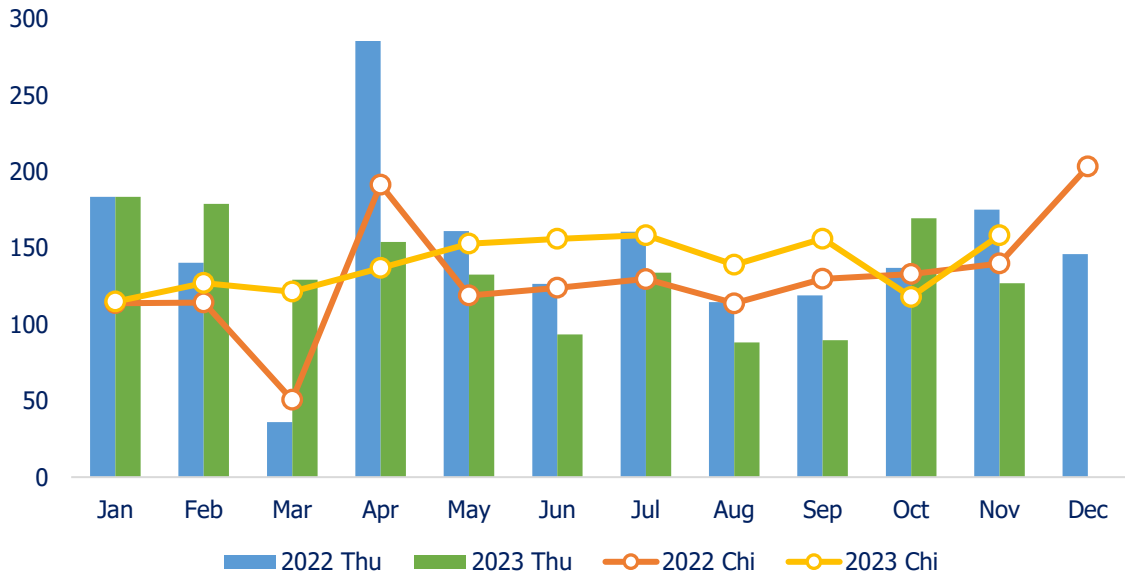
Biến cơ hội thành giá trị

Thu NSNN tháng 11/2023 ước đạt gần 127 nghìn tỷ đồng (7,8% dự toán) trong đó thu nội địa ước đạt 106,1 nghìn tỷ đồng (8% dự toán), thấp hơn khoảng 48 nghìn tỷ đồng so với tháng trước. Số thu thấp hơn chủ yếu do một số khoản thu theo quý như thuế TNDN, thuế TNCN, thuế VAT của hộ kinh doanh, lợi nhuận sau thuế, chênh lệch thu chi NHNN... đã được kê khai và nộp trong tháng 10. Tính chung 11 tháng năm 2023, thu NSNN ước đạt 1.537,6 nghìn tỷ đồng, bằng 94,9% dự toán, tuy nhiên vẫn giảm 7,1% so với cùng kỳ. Mặc dù số thu ngân sách đã gần về đích, nhưng nếu so với cùng kỳ năm 2022, số thu ngân sách 11 tháng giảm 7,1%.

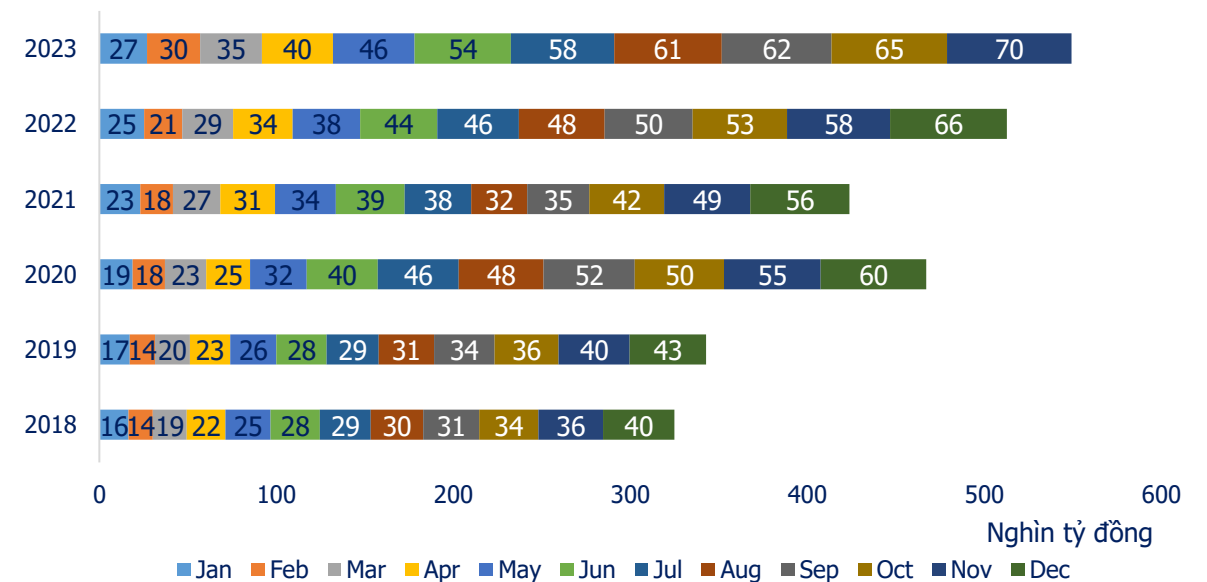
Chi NSNN tháng 11/2023 ước đạt 158,2 nghìn tỷ đồng, lũy kế 11 tháng đạt 1.502,9 nghìn tỷ đồng, bằng 72,4% dự toán năm và tăng 10,9% YoY. NSNN quay trở lại bội chi trong tháng 11, tuy nhiên tính chung 11 tháng năm 2023, NSNN vẫn đang bội thu 34,7 nghìn tỷ đồng.

Vốn đầu tư thực hiện từ nguồn NSNN tháng 11 ước đạt 70,3 nghìn tỷ đồng, tăng 19,9% YoY, tính chung 11 tháng ước đạt 549,1 nghìn tỷ đồng, bằng 75% kế hoạch năm và tăng 22,1% YoY. Chính phủ đã đặt mục tiêu hoàn thành tối thiểu 95% kế hoạch đầu tư công năm 2023 (713 nghìn tỷ đồng), tương đương còn 164 nghìn tỷ đồng vốn đầu tư công cần giải ngân trong tháng cuối năm.

### Thu chi NSNN hàng tháng giai đoạn 2022-2023



### Đầu tư công từ NSNN hàng tháng



Nguồn: GSO, SHS tổng hợp

# KINH TẾ VĨ MÔ THÁNG 11

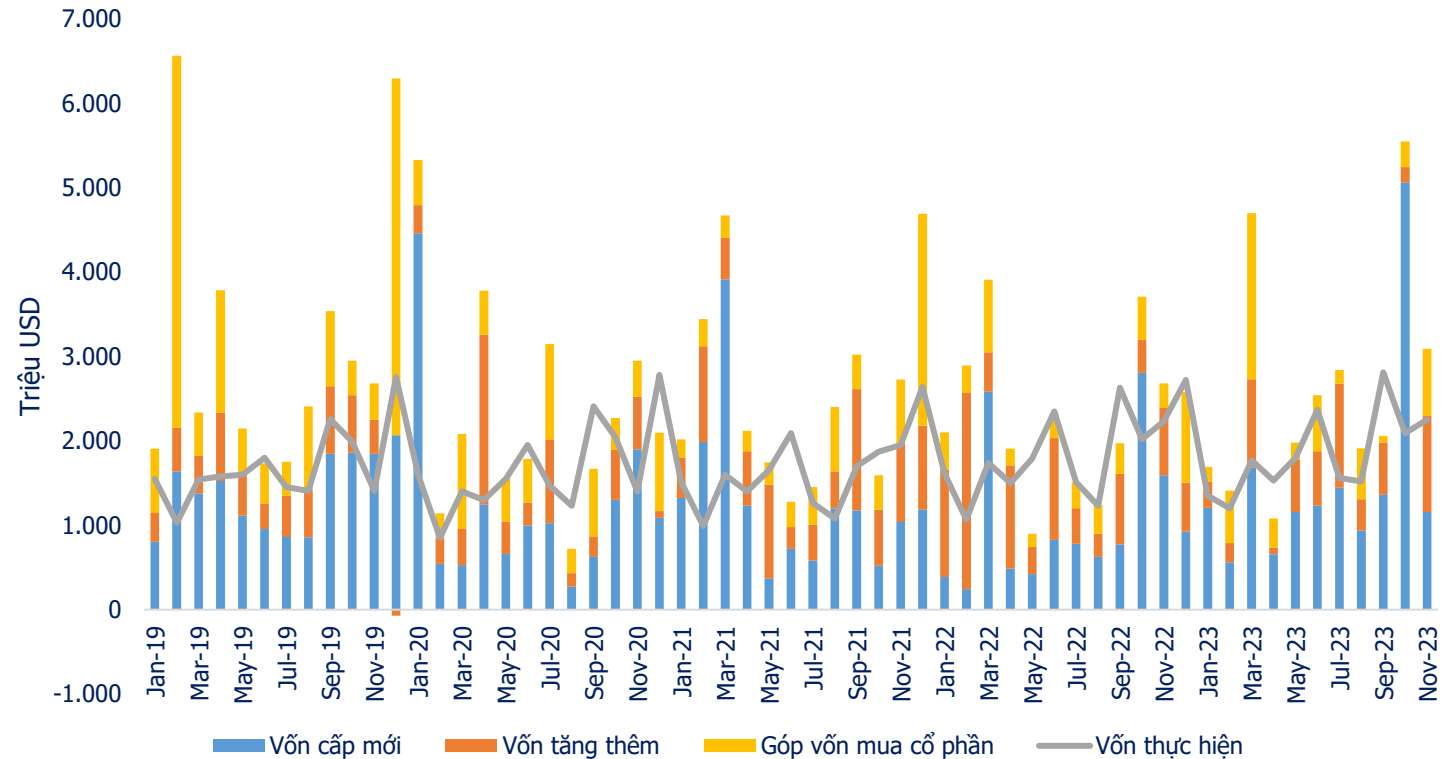
Vốn FDI đăng ký vào Việt Nam tháng 11.2023 đạt 3,09 tỷ USD, giảm so với mức kỷ lục trong tháng trước nhưng vẫn tăng 15% YoY. Vốn FDI đăng ký vào Việt Nam 11 tháng năm 2023 ước đạt 28,85 tỷ USD, tăng 14,8% YoY, trong đó, vốn cấp mới đạt 16,45 tỷ USD (+42,8% YoY), vốn tăng thêm đạt 6,47 tỷ USD (-32% YoY), góp vốn mua cổ phần đạt 5,92 tỷ USD (+45% YoY).

Vốn đầu tư thực hiện trong tháng 11 đạt 2,25 tỷ USD, 11 tháng đạt 20,25 tỷ USD, tăng 2,9% YoY. Vốn thực hiện vẫn là điểm sáng khi vốn thực hiện trong năm 2022 đạt mức cao nhất trong 5 năm 2018 – 2022.

Tại kỳ họp Quốc hội tháng 11.2023, Quốc hội đã thông qua Nghị quyết về Thuế tối thiểu toàn cầu. Theo đó Việt Nam sẽ áp thuế tối thiểu toàn cầu từ 1/1/2024 với thuế suất 15% với các doanh nghiệp đa quốc gia có tổng doanh thu hợp nhất từ 750 triệu euro (khoảng 800 triệu USD) trở lên trong hai năm của 4 năm liền kề nhất. Ngân sách ước tính sẽ thu được hơn 14.600 tỷ đồng khi 122 tập đoàn đầu tư nước ngoài vào Việt Nam nộp thuế này, theo rà soát của cơ quan thuế.

Ngoài Nghị quyết về việc áp thuế tối thiểu toàn cầu, Quốc hội giao Chính phủ trong năm 2024 xây dựng dự thảo Nghị định về thành lập, quản lý và sử dụng Quỹ hỗ trợ đầu tư từ nguồn thu thuế tối thiểu toàn cầu và các nguồn hợp pháp khác. Chính sách này nhằm ổn định môi trường đầu tư, thu hút các nhà đầu tư chiến lược, tập đoàn đa quốc gia và hỗ trợ các doanh nghiệp trong nước trong một số lĩnh vực cần khuyến khích.

Vốn FDI đăng ký và giải ngân theo tháng



Nguồn: GSO, OECD, SHS tổng hợp



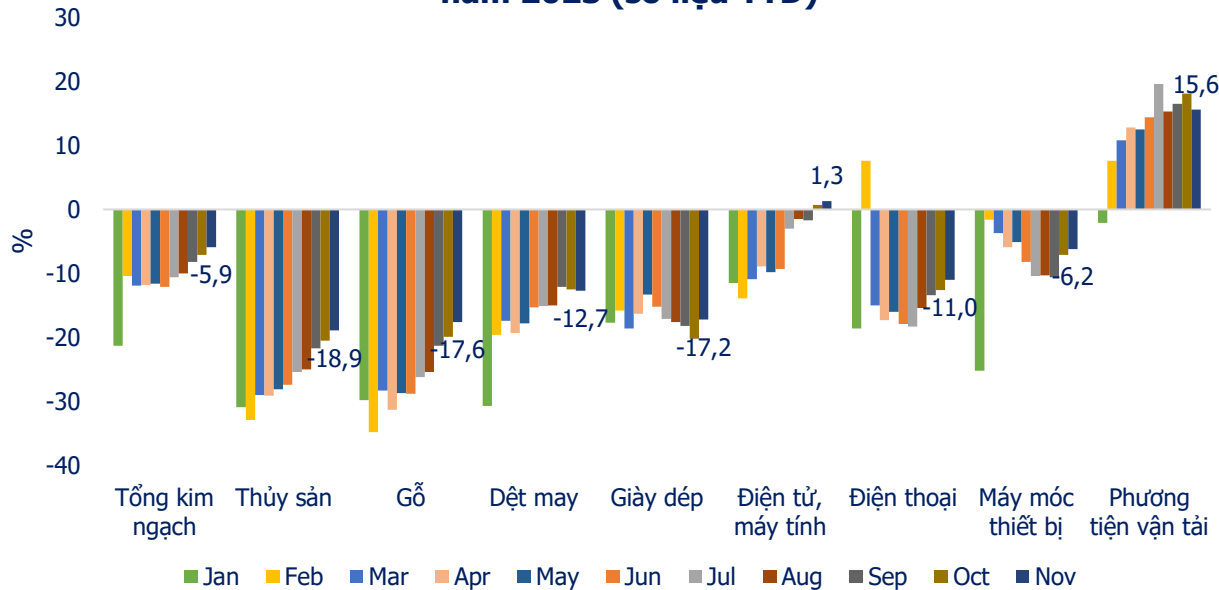
# KINH TẾ VĨ MÔ THÁNG 11

Biến cơ hội thành giá trị

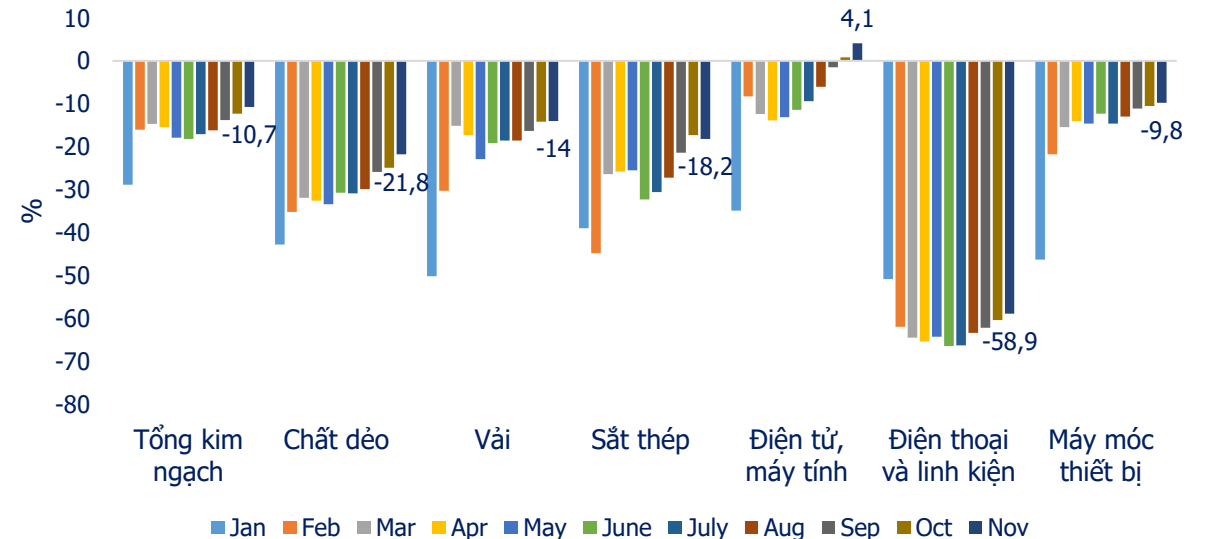
Hoạt động XNK của Việt Nam tiếp tục có tín hiệu cải thiện trong tháng 11, với kim ngạch XK hàng hoá đạt 31,08 tỷ USD (-3,6% MoM và +6,7% YoY), kim ngạch NK hàng hóa đạt 29,8 tỷ USD (+1% MoM và +5,1% YoY). Tính chung 11 tháng, kim ngạch XK hàng hóa ước đạt 322,5 tỷ USD (-5,9% YoY), NK hàng hóa ước đạt 296,67 tỷ USD (-10,7% YoY), cán cân thương mại hàng hóa ước tính xuất siêu 25,83 tỷ USD (khu vực kinh tế trong nước nhập siêu 19,99 tỷ USD, khu vực có vốn đầu tư nước ngoài (kể cả dầu thô) xuất siêu 45,82 tỷ USD).

Việt Nam ghi nhận hoạt động XNK thu hẹp mạnh từ cuối năm 2022 do sự chậm lại của kinh tế thế giới, đặc biệt là các thị trường chính như Trung Quốc, châu Âu, Mỹ làm giảm nhu cầu tiêu thụ, đặc biệt khi đa số doanh nghiệp đã tăng mạnh tích trữ hàng tồn kho trong giai đoạn Covid. Tín hiệu bước đầu tích cực khi đà giảm kim ngạch XNK có cải thiện theo từng quý dù tốc độ còn chậm. Tuy nhiên điểm đáng lưu ý là số lượng đơn đặt hàng mới giảm trong tháng 11 sau 3 tháng tăng, chỉ số PMI tháng 11 giảm so với tháng 10 và vẫn dưới ngưỡng 50 cho thấy sự phục hồi còn yếu, đặc biệt khi cuối năm thường là cao điểm xuất nhập khẩu của Việt Nam.

### Kim ngạch xuất khẩu một số mặt hàng chủ lực so với cùng kỳ năm 2023 (số liệu YTD)



### Kim ngạch nhập khẩu một số mặt hàng chủ lực so với cùng kỳ năm 2023 (số liệu YTD)



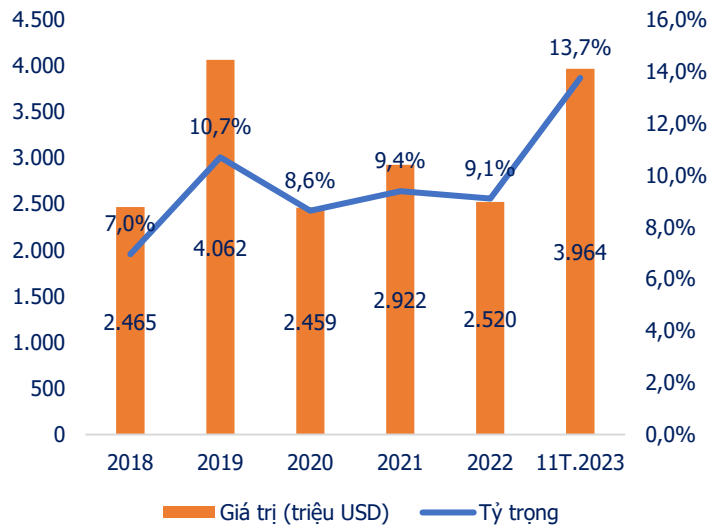
Nguồn: GSO, SHS tổng hợp



# KINH TẾ VĨ MÔ THÁNG 11

**Thương mại hàng hóa giữa Việt Nam và Trung Quốc tiếp tục cải thiện, kim ngạch xuất nhập khẩu 11 tháng đầu năm 2023 ước đạt 155,6 tỷ USD, -4,07% YoY** trong đó xuất khẩu tăng 6% còn nhập khẩu thu hẹp đà giảm xuống còn 9%. Lượng khách du lịch từ Trung Quốc 11 tháng đạt trên 1,5 triệu lượt, gấp hơn 21 lần của cả năm 2022 và tương ứng 139% tổng số lượng của 3 năm dịch 2020-2022. Vốn FDI từ Trung Quốc lũy kế 11 tháng đạt 3,96 tỷ USD, gấp 1,57 lần số liệu của cả năm 2022.

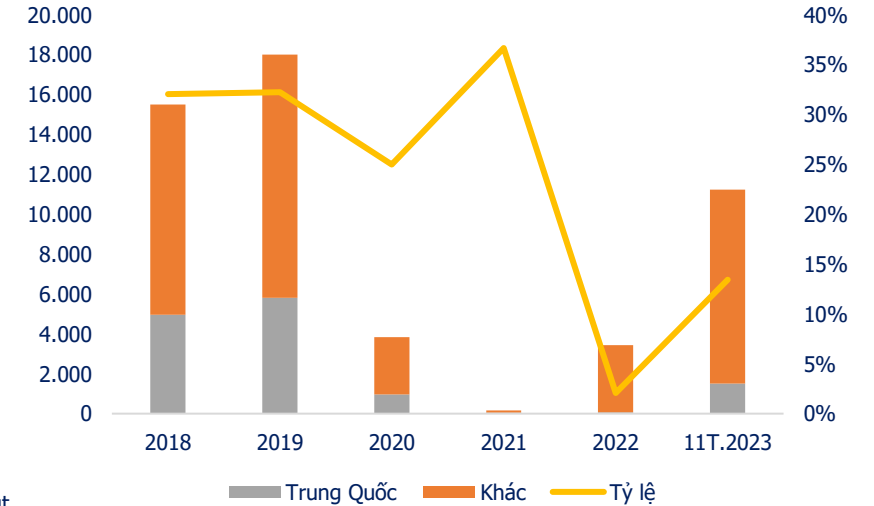
### FDI từ Trung Quốc



### XNK Việt Nam - Trung Quốc



### Số lượng khách du lịch quốc tế (nghìn lượt)



Nguồn: GSO, Bloomberg, SHS tổng hợp



Biến cơ hội thành giá trị

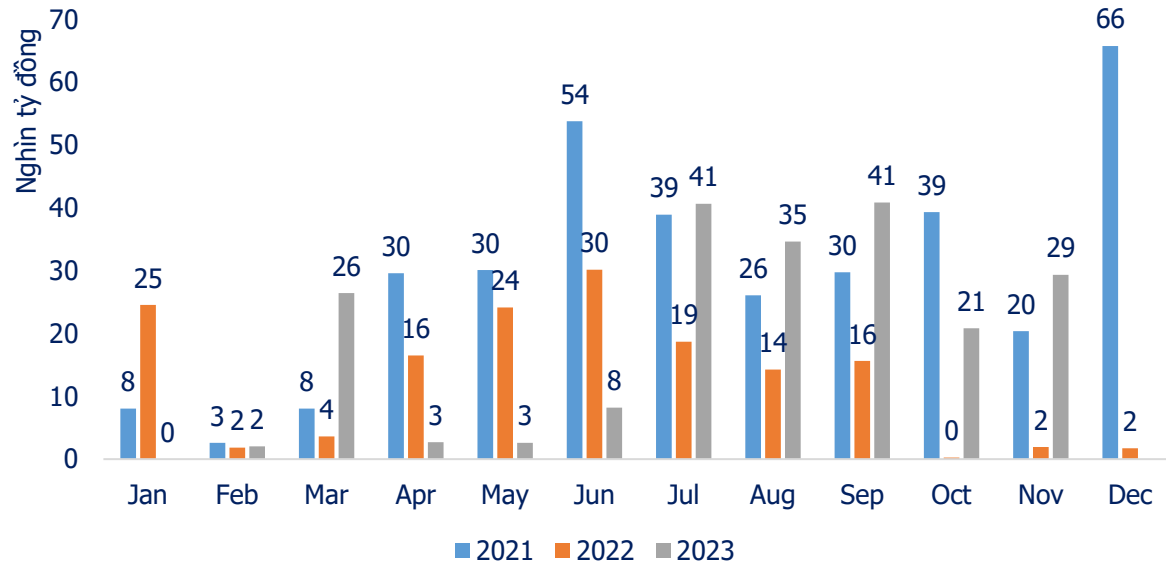
# TRÁI PHIẾU DOANH NGHIỆP THÁNG 11

Trong tháng 11, có 35 đợt phát hành riêng lẻ với tổng giá trị hơn 29.331 tỷ đồng, lãi suất trung bình 8,2%/năm, kỳ hạn trung bình 6 năm. Lũy kế từ đầu năm đến nay, tổng giá trị phát hành TPDN được ghi nhận là 249.454 tỷ đồng, với 28 đợt phát hành ra công chúng trị giá 27.070 tỷ đồng (chiếm 10,9% tổng giá trị phát hành) và 217 đợt phát hành riêng lẻ trị giá 222.384 tỷ đồng (chiếm 89,1% tổng số).

Các doanh nghiệp đã mua lại 10.664 tỷ đồng trái phiếu trong tháng 11 nâng tổng giá trị trái phiếu đã được các doanh nghiệp mua lại trước hạn lũy kế từ đầu năm đến hết tháng 11 đạt 210.003 tỷ đồng, tăng 16,9% YoY và tương đương 84,2% giá trị phát hành. Ngân hàng là nhóm ngành dẫn đầu, chiếm 47,9% tổng giá trị mua lại trước hạn (tương ứng 100.490 tỷ đồng). Trong phần còn lại của năm 2023, tổng giá trị trái phiếu sẽ đến hạn là 26.761 tỷ đồng, trong đó 46% thuộc nhóm Bất động sản với hơn 12.372 tỷ đồng, theo sau là nhóm Ngân hàng với 4,030 tỷ đồng (chiếm 15%).

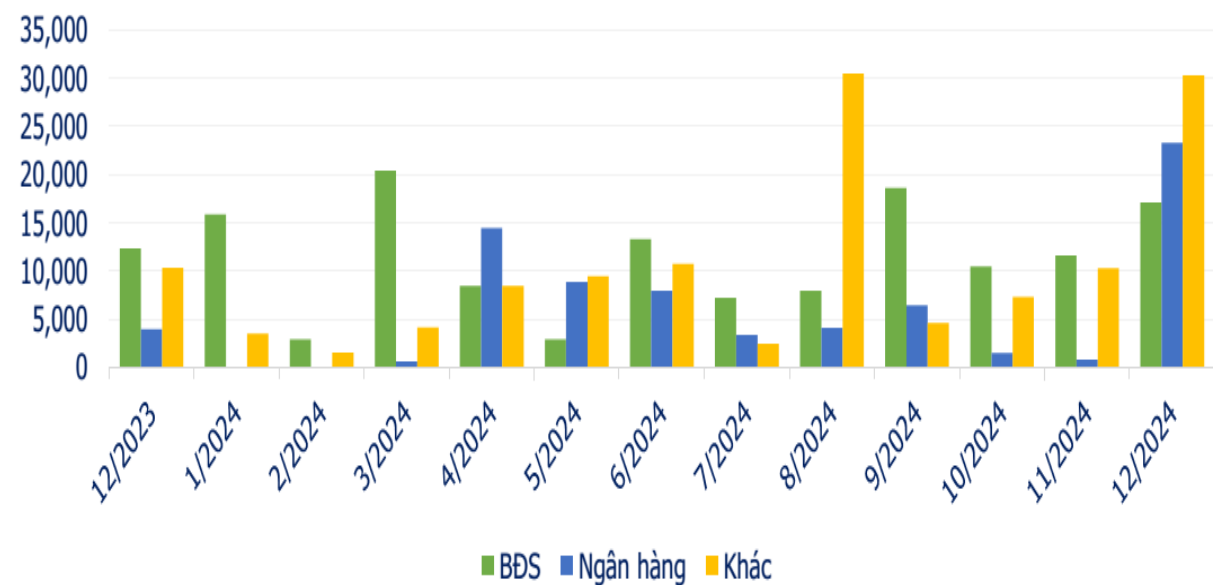
Theo thống kê của Bộ Tài chính, dư nợ trái phiếu riêng lẻ tính đến cuối tháng 10 khoảng 1 triệu tỷ đồng, chiếm 10,5% GDP năm 2022, bằng 8% tổng dư nợ tín dụng của nền kinh tế.

### Giá trị phát hành TPDN trong nước giai đoạn 2021-2023



Nguồn: HNX, VBMA

### Giá trị TPDN đáo hạn đến hết 2024






# KINH TẾ VĨ MÔ THÁNG 11

Biến cơ hội thành giá trị

Chỉ tiêu	Dec-22	Jan-23	Feb-23	Mar-23	Apr-23	May-23	Jun-23	Jul-23	Aug-23	Sep-23	Oct-23	Nov-23
<b>Chỉ số kinh tế</b>												
Chỉ số sản xuất công nghiệp (hàng tháng, % YoY)	0.2%	-8.0%	3.6%	-1.6%	0.50%	0.10%	2.80%	3.70%	2.60%	5.10%	4.10%	5.80%
PMI (điểm)	46.4	47.4	51.2	47.7	46.7	45.3	46.2	48.7	50.5	49.7	49.6	47.3
Tăng trưởng bán lẻ (lũy kế, %YoY)	19.80%	20%	13%	13.90%	12.80%	12.60%	10.90%	10.40%	10.00%	9.70%	9.40%	9.60%
FDI giải ngân (lũy kế, % YoY)	13.50%	-16.30%	-4.90%	-2.30%	-1.20%	-0.80%	0.50%	0.80%	1.30%	2.20%	2.40%	2.90%
FDI đăng ký (lũy kế, % YoY)	-11%	-19.80%	-38%	7.40%	-17.90%	-7.30%	-4.30%	4.50%	8.20%	7.70%	14.70%	14.80%
Tăng trưởng xuất khẩu (lũy kế, %YoY)	10.60%	-21.30%	-10.40%	-11.90%	-11.80%	-11.60%	-12.10%	-10.60%	-10.00%	-8.20%	-7.10%	-5.90%
Tăng trưởng nhập khẩu (lũy kế, % YoY)	8.40%	-28.90%	-16%	-14.70%	-15.40%	-17.90%	-18.20%	-17.10%	-16.20%	-13.80%	-12.30%	-10.70%
Cán cân thương mại (hàng tháng, tỷ USD)	0.5	0.52	2.30	0.65	1.51	2.24	2.59	2.15	3.82	2.29	3.00	1.28
<b>Ổn định vĩ mô</b>												
Lạm phát (% YoY)	4.55%	4.89%	4.31%	3.4%	2.81%	2.43%	2%	2.06%	2.96%	3.66%	3.59%	3.45%
Lạm phát cơ bản (BQ YTD % YoY)	2.59%	5.21%	5.08%	5.0%	4.90%	4.83%	4.74%	4.65%	4.57%	4.49%	4.38%	4.27%
Tăng trưởng tín dụng (% YTD)	14.50%	0.65%	0.77%	1.6%	3.03%	3.27%	4.73%	4.28%	5.33%	6.96%	7.39%	8.38%
Tăng trưởng cung tiền M2 (% YTD)	6.15%	0.79%	0.32%	1.32%	1.71%	2.05%	3.71%	2.91%	4.04%	5.62%		
Lãi suất tái cấp vốn (%)	6%	6%	6%	5.5%	5.5%	5%	4.50%	4.50%	4.50%	4.50%	4.50%	4.50%
Lãi suất tái chiết khấu (%)	4.50%	4.50%	4.50%	3.5%	3.5%	3.50%	3.00%	3.00%	3.00%	3.00%	3.00%	3.00%
Lãi suất liên ngân hàng ON (%)	4.55%	5.90%	5.20%	1.0%	4.41%	3.68%	0.33%	0.08%	0.07%	0.15%	0.75%	0.10%
Lợi suất trái phiếu 10 năm (%)	4.95%	4.40%	4.40%	3.5%	3.33%	3.28%	2.70%	2.65%	2.71%	2.90%	3.10%	2.58%
CDS 5 năm	140.12	125.62	118.37	134.4	133.85	124.91	120.18	110.34	128.00	145.49	145.76	126.77
USD/VND (% MoM)	-4.30%	-0.80%	1.50%	-1.35%	-0.05%	0.10%	0.36%	0.45%	1.70%	0.90%	1.10%	-1.20%





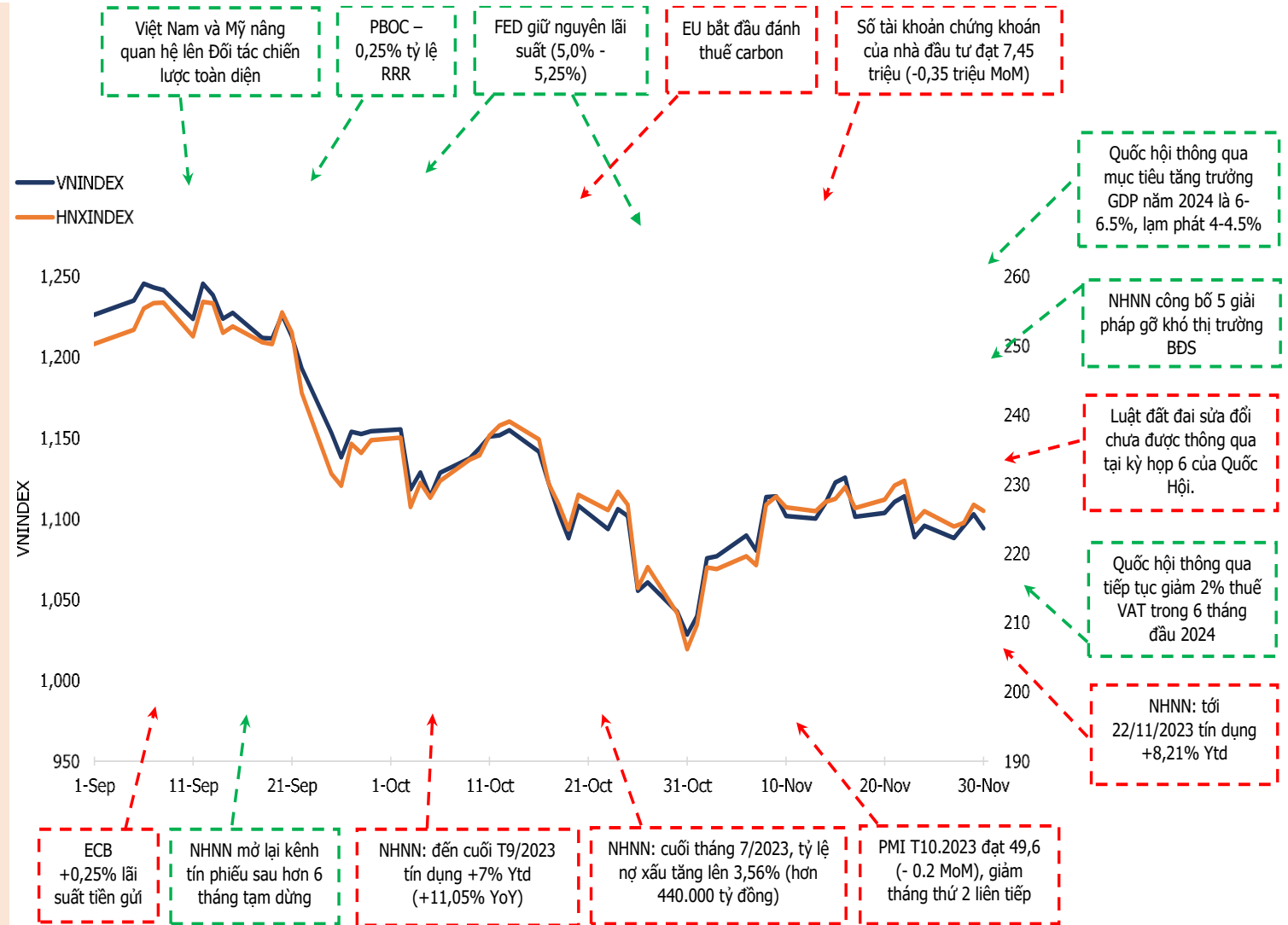
**TỔNG QUAN  
TTCK  
THÁNG 11**

# TỔNG QUAN TTCK THÁNG 11

## Hồi phục từ vùng hỗ trợ mạnh, VN-INDEX tăng 6,41% sau 02 tháng giảm mạnh.

Sau 02 tháng liên tiếp chịu áp lực giảm giá mạnh từ vùng đỉnh quanh 1.250 điểm về vùng hỗ trợ trend\_line tăng trưởng kéo dài từ năm 2000 (tương ứng quanh 1.020 điểm), thị trường phục hồi tốt trở lại trong nửa đầu tháng 11/2023 khi tăng lên lại vùng giá quanh 1.130 điểm sau đó chịu áp lực điều chỉnh và tích lũy trở lại trong biên độ hẹp quanh vùng giá 1.100 điểm. VN-INDEX kết thúc tháng 11/2023 tại 1.094,13 điểm, tăng 6,41% so với tháng 10/2023 với thanh khoản cải thiện tốt.

Một số động lực cho đà phục hồi trong tháng 11/2023 là định giá thị trường ở mức thấp, tổng vốn hóa thị trường trên cả 03 sàn giao dịch chỉ tương đương 50% GDP năm 2023 ở vùng giá VN-INDEX 1.020 điểm, trong khi nền kinh tế vẫn duy trì tăng trưởng tương đối tốt. Bên cạnh đó áp lực tỷ giá giảm, ngân hàng Nhà nước ngừng phát hành tín phiếu khi lợi tức trái phiếu Mỹ đạt đỉnh và giảm, tâm lý thị trường tích cực hơn khi FED ngừng tăng lãi suất. Tuy nhiên những yếu tố tiêu cực vẫn duy trì như 1/Căng thẳng địa chính trị vẫn kéo dài, cuộc chiến Nga – Ukraine, cuộc chiến tranh tại Israel; 2/Nhà đầu tư nước ngoài duy trì bán ròng mạnh liên tiếp.



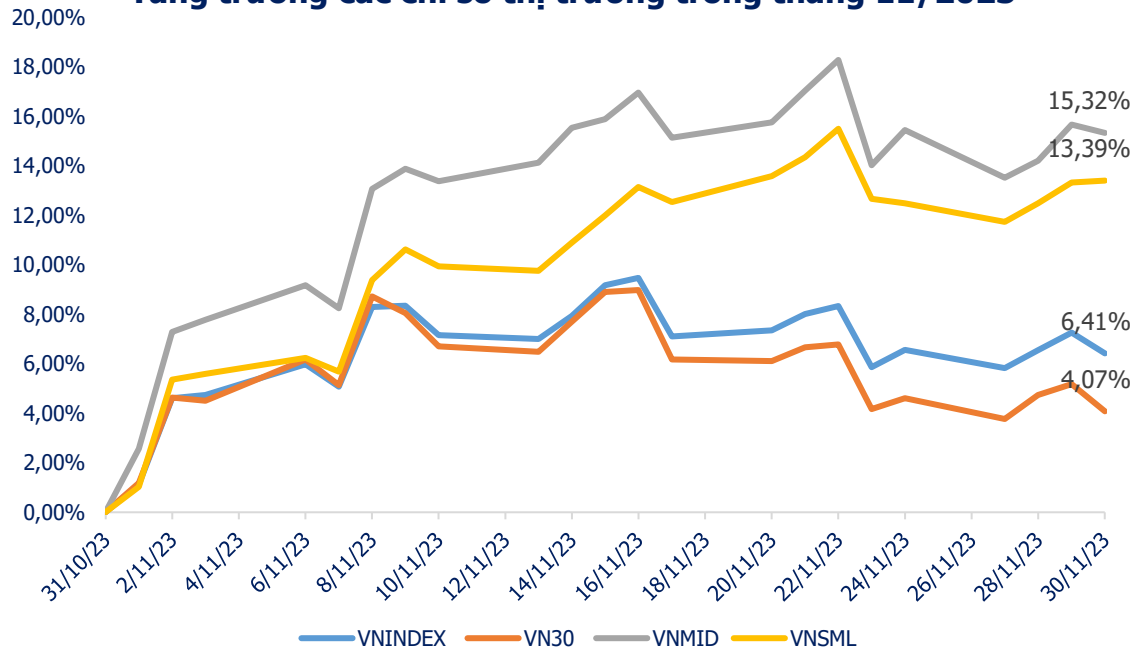


# TỔNG QUAN TTCK THÁNG 11

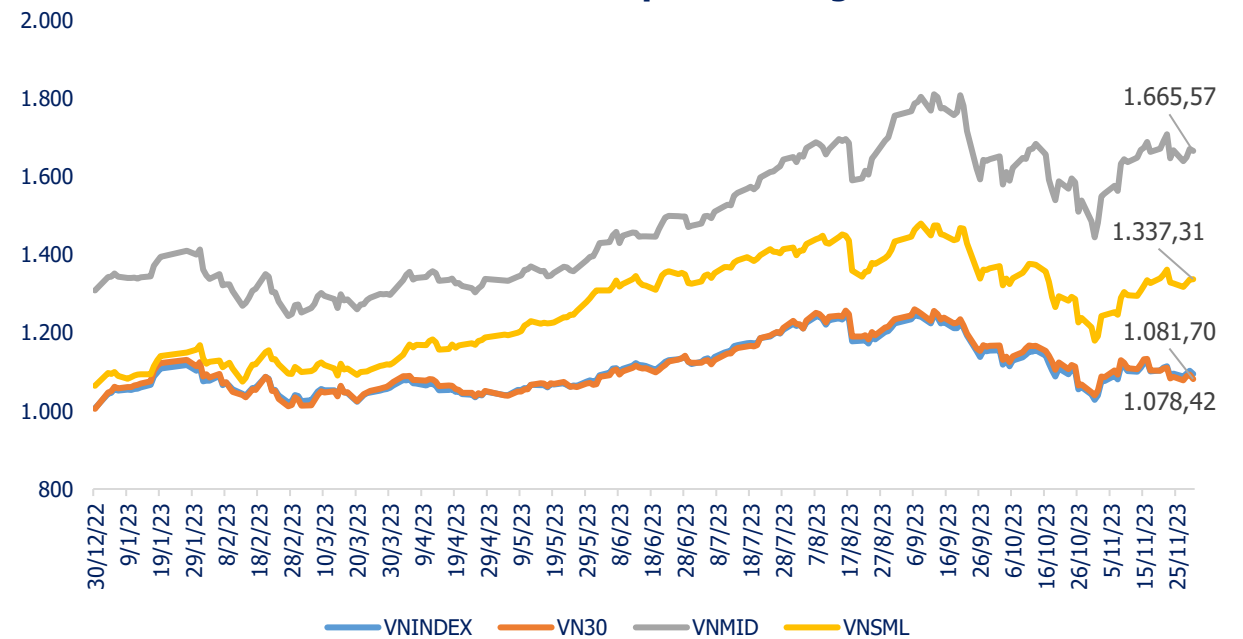
Nhóm cổ phiếu vốn hóa trung bình, đại diện là VNMID có mức tăng tốt nhất (+15,32% so với tháng 10/2023) nhờ sự tích cực của các cổ phiếu thuộc nhóm chứng khoán, bất động sản. Các nhóm cổ phiếu vốn hóa nhỏ VNSML sau khi giảm 13,62% trong tháng 10 cũng phục hồi tốt trở lại khi tăng 13,39% trong tháng 11. Các cổ phiếu vốn hóa lớn trong VN30 sau khi giảm mạnh 10,88% trong tháng 10 chỉ phục hồi tăng 4,07% trong tháng 11 dưới áp lực bán rông của khối ngoại và một số cổ phiếu lớn giảm điểm như VCB (-2,4%), VNM (-0,88%).

Sau 11 tháng năm 2023, chỉ số chính VN-INDEX đang phục hồi tăng 8,64% so với cuối năm 2022 sau khi giảm mạnh 32,8% trong năm 2022, chỉ cao hơn VN30 (+7,61%) trong khi VNMID và VNSML đều tăng mạnh lần lượt 27,29% và 25,68% so với cuối năm 2022.

### Tăng trưởng các chỉ số thị trường trong tháng 11/2023



### Diễn biến TTCK Việt Nam trong năm 2023



Nguồn: Bloomberg, SHS Research



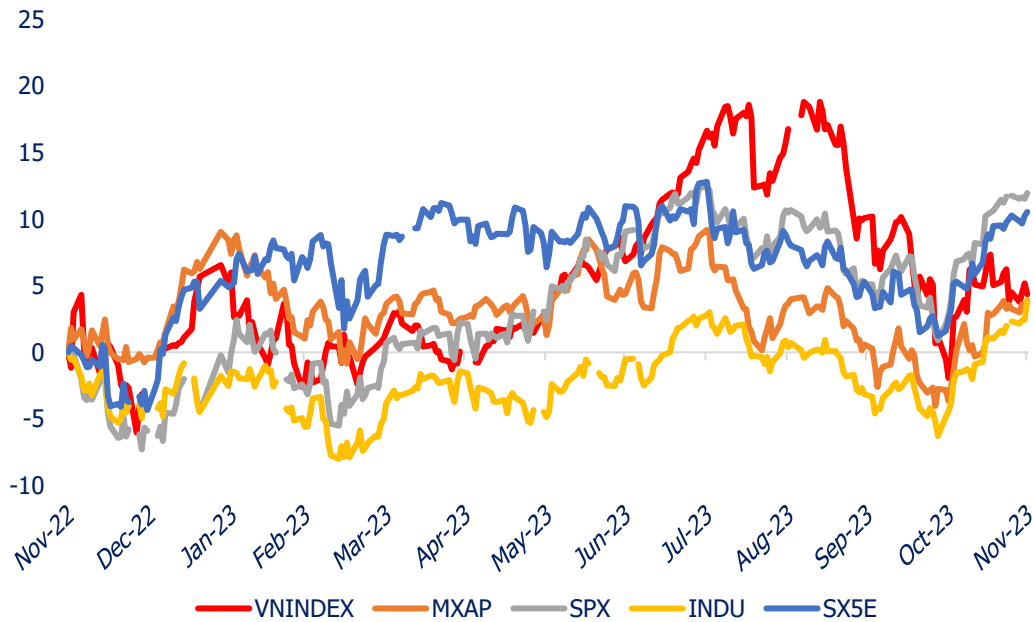
# TỔNG QUAN TTCK THÁNG 11

Biến cơ hội thành giá trị

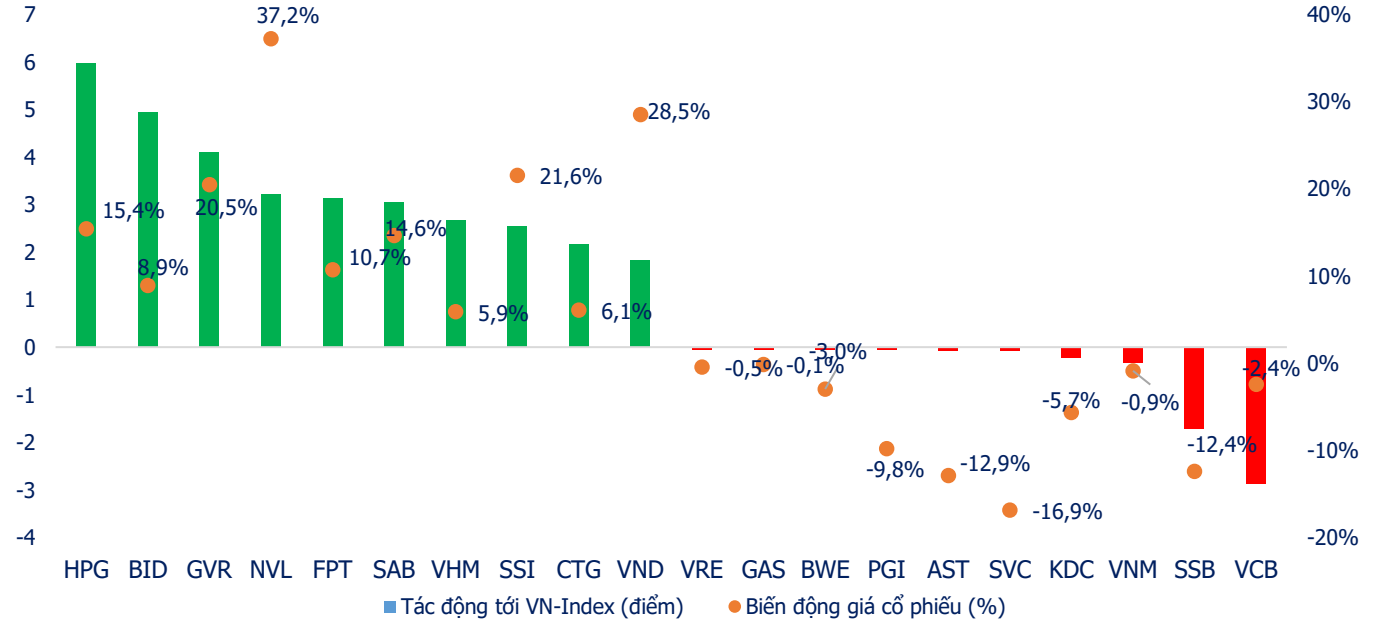
**Thị trường chứng khoán Việt Nam biến động mạnh so với khu vực:** Sau tháng 10 giảm mạnh nhất khu vực, VN-INDEX lại có diễn biến giao dịch biến động mạnh nhất trong tháng 11 khi có rất nhiều phiên giao dịch biến động tăng/giảm mạnh đan xen liên tục.

Với thị trường phục hồi, thanh khoản cải thiện thì nhóm chứng khoán có mức tăng giá tốt, thu hút nhà đầu tư cá nhân giao dịch khi có SSI (+21,6%), VND (+28,5%) góp phần ảnh hưởng tích cực lên VN-INDEX. Trong khi đó ảnh hưởng tích cực nhất lên chỉ số là HPG (+15,4%) khi tăng giá tốt nhờ diễn biến giá thép HRC tăng mạnh. Tiếp theo nhóm ngân hàng nhà nước với BID (+8,9%), CTG (+6,1%) với những thông tin chia cổ tức tăng vốn. Các cổ phiếu vốn hóa lớn đại diện các nhóm ngành khu công nghiệp, cao su như GVR(+20,5%), Bất động sản NVL (+37,2%), VHM (+5,9%), công nghệ FPT (+10,7%)... cũng có ảnh hưởng tích cực lên thị trường chung và phản ánh mức độ ưu tiên đầu tư vào các nhóm ngành trên thị trường. Trong khi đó ở chiều ngược lại VCB (-2,4%), SSB (-12,49%), VNM (-0,9%)... có ảnh hưởng kém tích cực lên thị trường.

### Tăng trưởng % chỉ số chứng khoán trong khu vực



### Top cổ phiếu ảnh hưởng nhất đến VN-Index trong tháng 11/2023



Nguồn: Fingroup, SHS Research



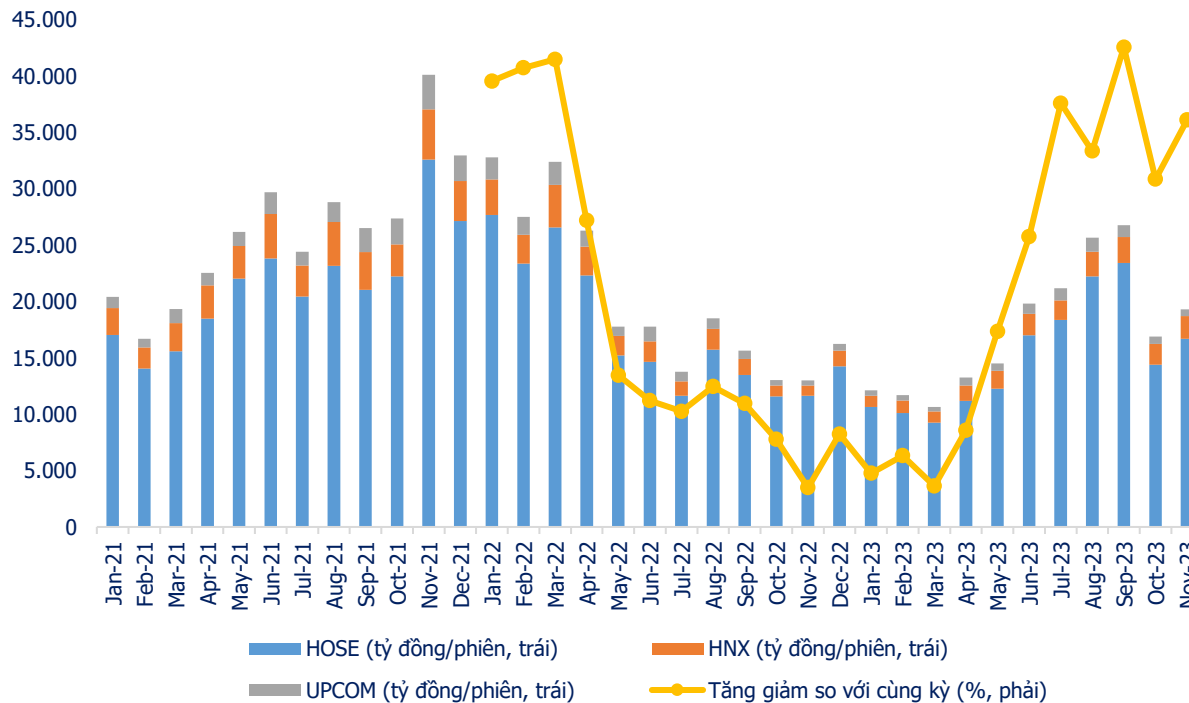
# TỔNG QUAN TTCK THÁNG 11

Biến cơ hội thành giá trị

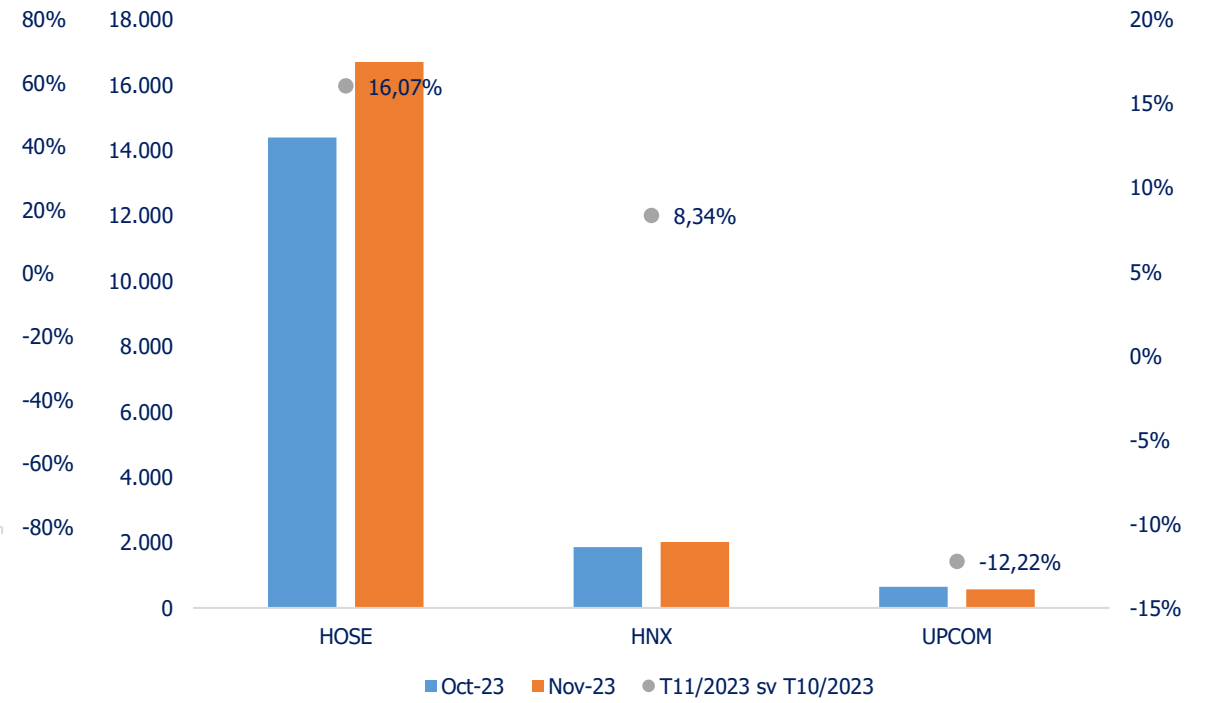
**Thanh khoản phục hồi lên trên mức trung bình trong tháng 11.** Giá trị giao dịch toàn thị trường đã phục hồi khá tốt trở lại trong tháng 11/2023 với mức tăng 14,12% so với tháng 10, trung bình 03 sàn đạt 19.292,47 tỉ đồng/phiên. Trong đó tại HOSE đạt 16.703,8 tỉ đồng/phiên (+16,07% MoM), tại HNX là 2016,31 tỉ đồng (+8,34% MoM), trong khi tại Upcom là 572,4 tỉ đồng/phiên (-12,22% MoM).

Thanh khoản tăng trở lại thể hiện thị trường vẫn giao dịch khá sôi động trong nhóm cổ phiếu vốn hóa trung bình, đặt biệt ở các nhóm ngành bất động sản, chứng khoán, khu công nghiệp và dầu khí. Tính chung 11 tháng đầu năm 2023, giá trị giao dịch toàn thị trường đạt bình quân 17.446,68 tỉ đồng/phiên, giảm 14,46% so với trung bình năm 2022.

### GTGD trung bình (tỷ đồng/phiên)



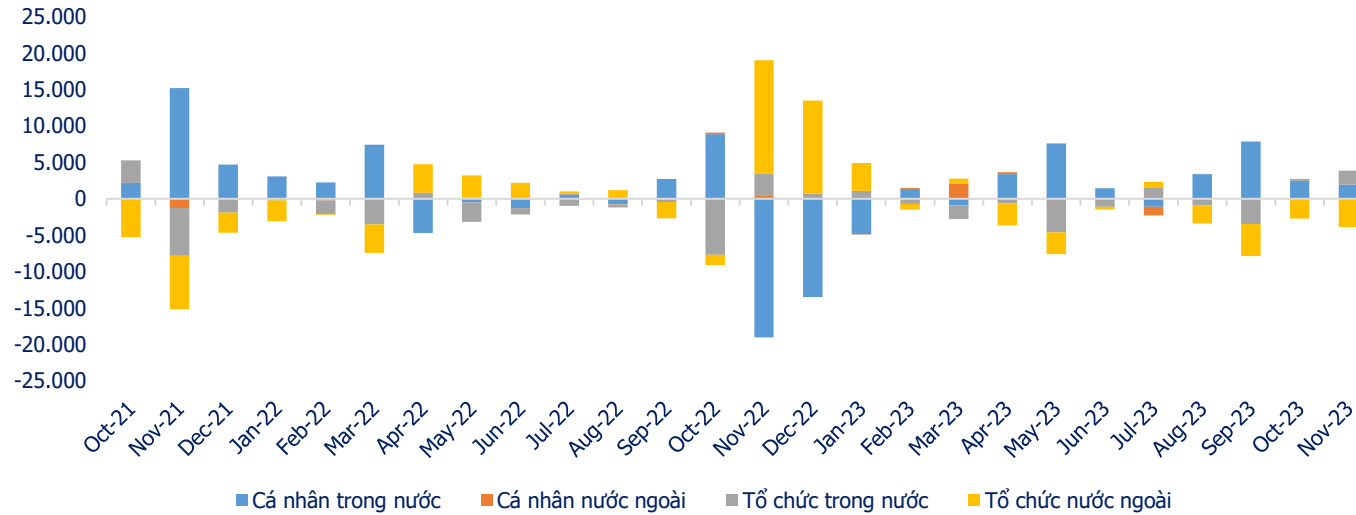
### GTGD trung bình (tỷ đồng/phiên)



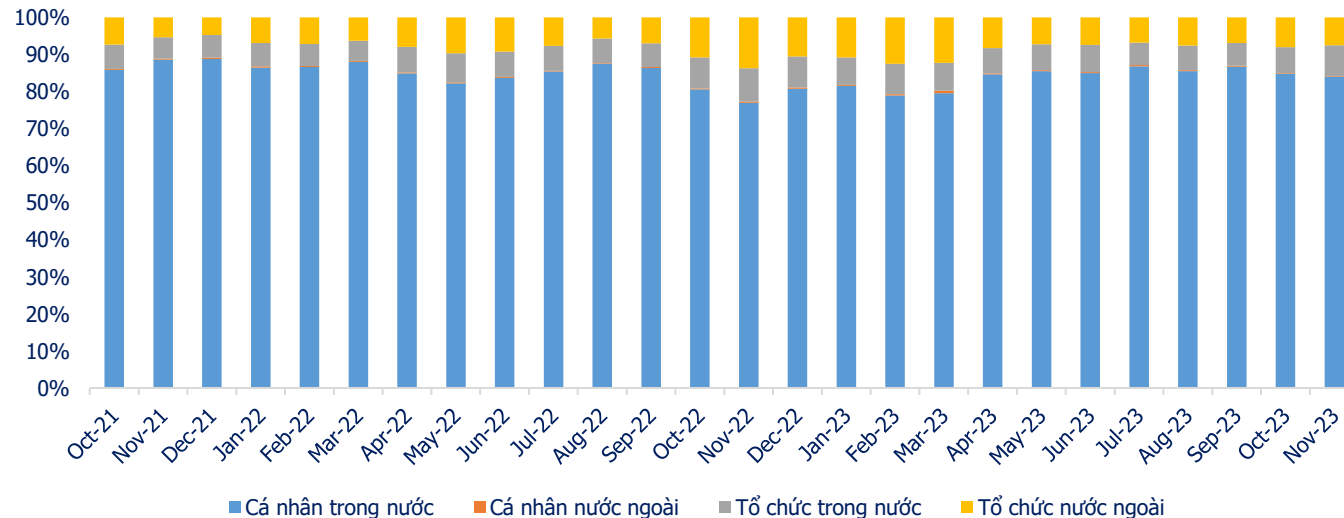
Nguồn: Fingroup, SHS Research

# TỔNG QUAN TTCK THÁNG 11

### Giá trị giao dịch ròng theo loại nhà đầu tư (tỷ đồng)



### Tỷ trọng giao dịch theo loại nhà đầu tư theo tháng



Tháng 11/2023 đánh dấu tỷ trọng của nhà đầu tư tổ chức trong nước tăng trở lại vượt mức trung bình 1 năm kể từ tháng 2/2023, với tỷ lệ 8,28% và cũng là tỷ trọng cao nhất trong năm 2023. Khối này duy trì mua ròng khá mạnh tháng thứ 2 liên tiếp với giá trị 1.935,45 tỉ đồng, cao nhất kể từ đầu năm 2023. Đây là động thái tích cực đáng chú ý của thị trường.

Tỷ trọng giao dịch của nhà đầu tư tổ chức nước ngoài sau khi tăng mạnh trong tháng 10 đã giảm xuống 7,50% trong tháng 11, dưới mức trung bình 03 năm. Nhóm này tiếp tục duy trì bán ròng mạnh trong tháng 11.

Trong khi đó mặc dù với tỉ trọng giao dịch giảm tháng thứ 2 liên tiếp từ mức 86,72% trong tháng 9/2023, nhà đầu tư cá nhân trong nước vẫn duy trì giao dịch trên mức trung bình với tỉ trọng 84,01% trong tháng 11. Khối này tiếp tục duy trì mua ròng tháng thứ 4 liên tiếp, tuy nhiên mức độ mua ròng giảm dần với 1.920,41 tỉ đồng. Lũy kể từ đầu năm 2023, nhà đầu tư cá nhân vẫn mua ròng mạnh với giá trị 22.437,80 tỉ đồng sau khi bán ròng 14.857,85 tỉ đồng trong năm 2022.

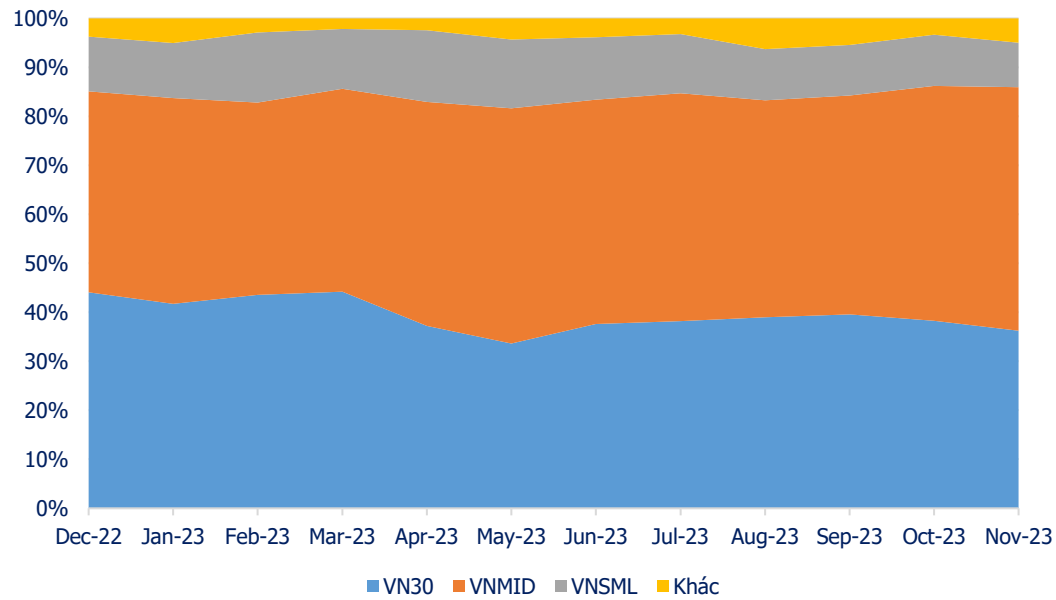


# TỔNG QUAN TTCK THÁNG 11

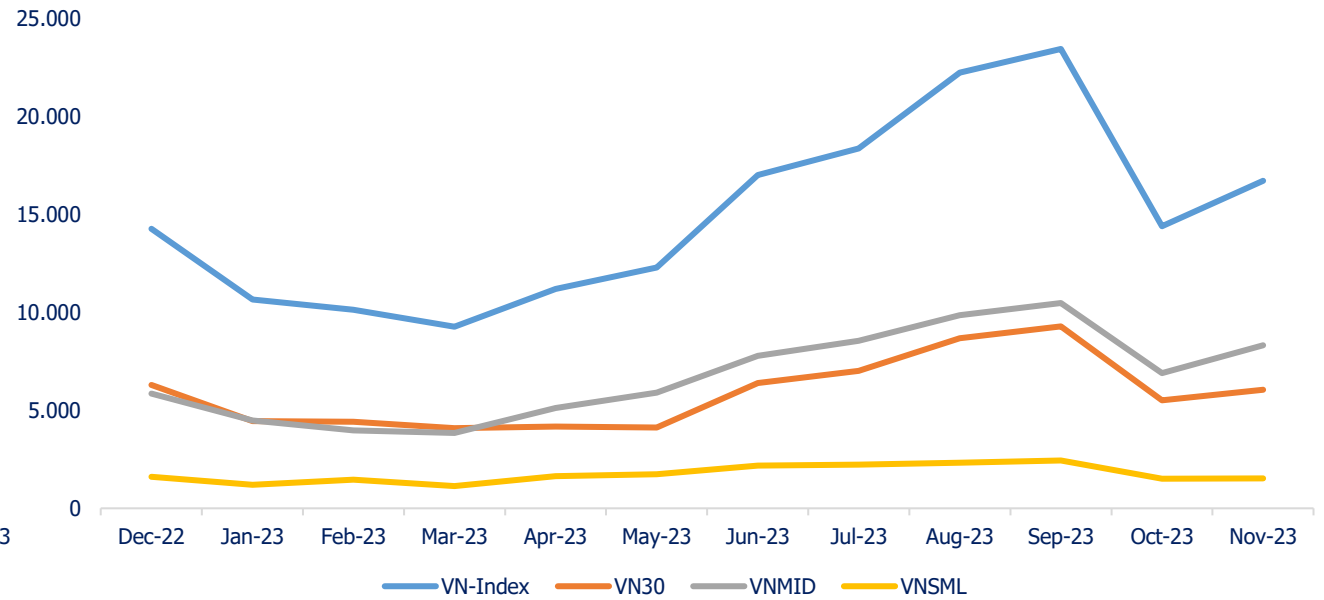
Diễn biến tăng giá của nhóm vốn hóa trung bình VNMID trong tháng 11 thu hút được dòng tiền qua đó đưa tỷ trọng giao dịch của nhóm này tiếp tục tăng mạnh lên mức 49,74%, vượt xa mức trung bình 45% trong năm 2023. Trong khi đó tỷ trọng giao dịch của nhóm VN30 tiếp tục suy giảm về mức 36,21% dưới mức trung bình 40% dưới áp lực bán ròng liên tiếp của khối ngoại. Nhóm VNSML tỷ trọng giao dịch cũng giảm về mức 9,08%, dưới mức trung bình.

Xét về giá trị giao dịch bình quân, trong tháng 11 nhóm cổ phiếu VNMID có mức tăng mạnh 20,42% so với tháng 10/2023 tương ứng giá trị bình quân 8.307,79 tỉ đồng/phiên. Trong khi đó VN30 (+9,90% MoM) với giá trị 6.048,53 tỉ đồng/phiên, VNSML (+1,07% MoM) tương ứng 1.517,31 tỉ đồng/phiên.

### Tỷ trọng giá trị giao dịch bình quân trên VN-Index



### Giá trị giao dịch bình quân phiên trong 12 tháng gần nhất (tỷ đồng)



Nguồn: Bloomberg, Fiigroup, SHS Research

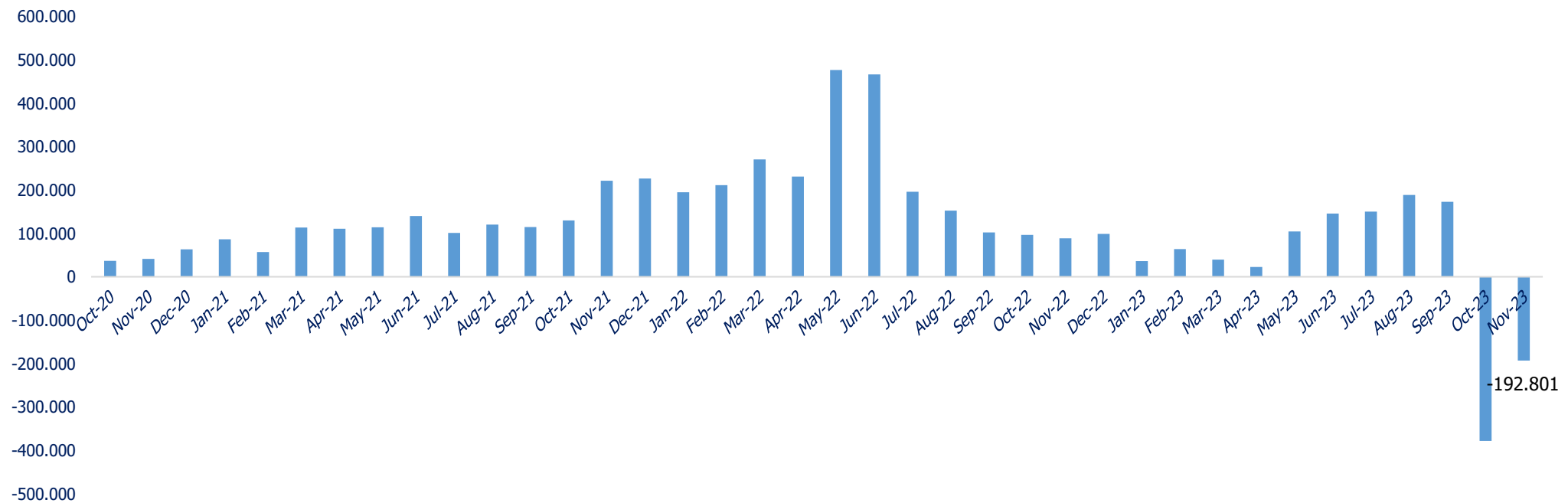


# TỔNG QUAN TTCK THÁNG 11

Trong tháng 11, nhà đầu tư mở mới 148.592 tài khoản chứng khoán, nhưng số tài khoản đóng lên tới 341.393 tài khoản dẫn tới tổng số tài khoản nhà đầu tư tính đến cuối tháng 11 còn 7,25 triệu tài khoản. Đây là tháng thứ 2 số tài khoản cá nhân bị đóng ở mức đỉnh lịch sử, trong đó số tài khoản được đóng nhiều nhất tại CTCP chứng khoán MB (MBS) với 339.968 tài khoản.

Tổng số tài khoản chứng khoán của nhà đầu tư nội đạt 7,20 triệu tài khoản (chiếm 99,3% trên tổng số tài khoản), số tài khoản của nhà đầu tư nước ngoài là 44.952 tài khoản.

Số lượng tài khoản chứng khoán tăng/giảm theo tháng





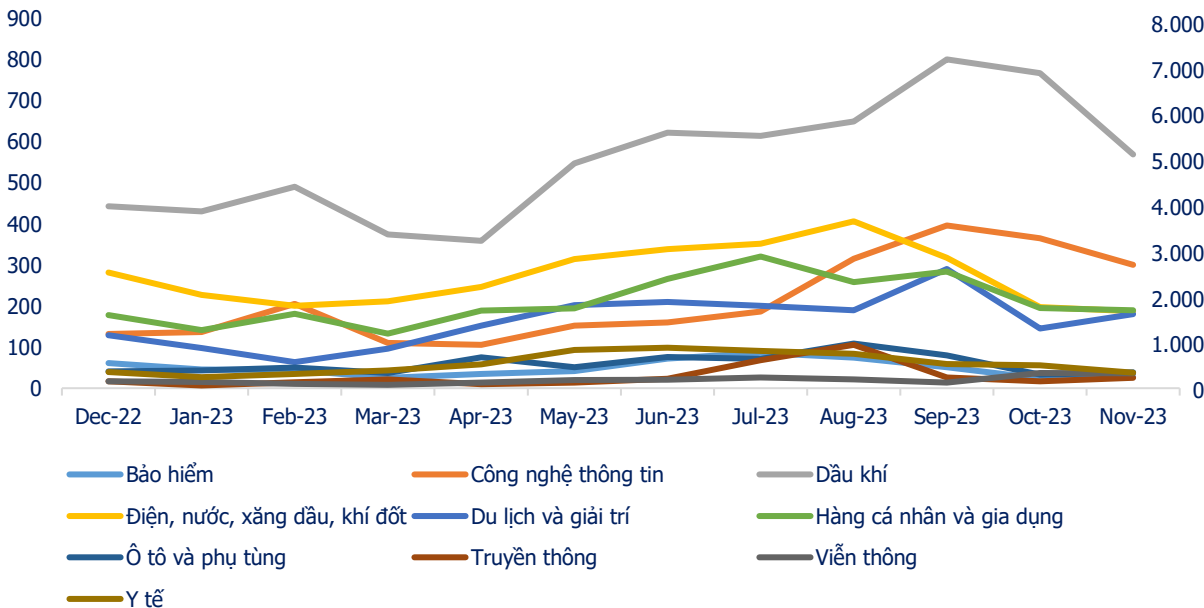


# TỔNG QUAN TTCK THÁNG 11

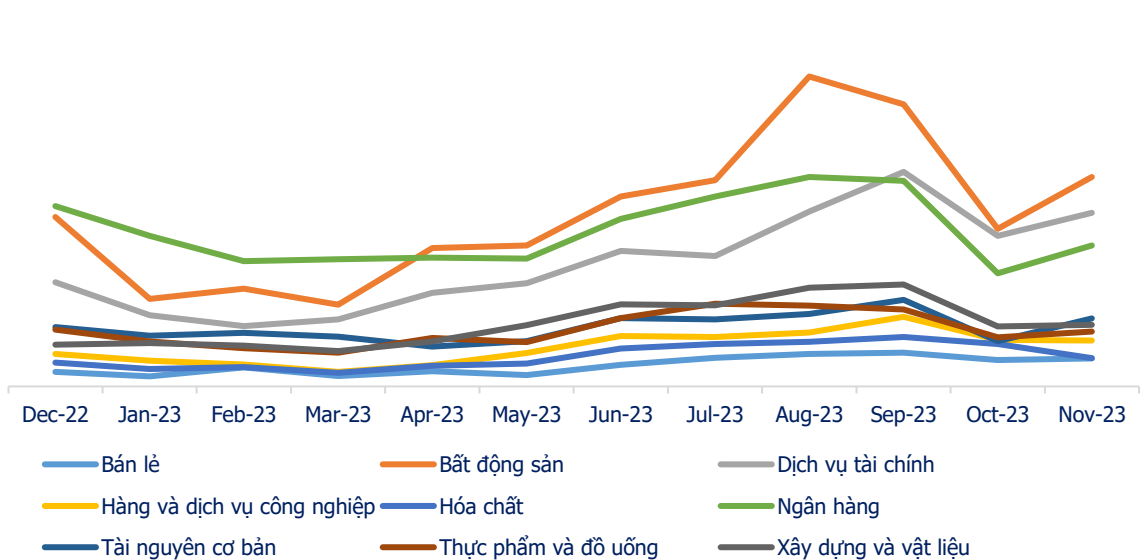
Nhóm dịch vụ tài chính trong tháng 11 có giá trị giao dịch tăng +15,3% so với tháng 10, duy trì tháng thứ ba liên tiếp có giá trị giao dịch trung bình vượt qua nhóm ngân hàng (+24,5% MoM), phản ánh mức độ phục hồi giá tốt và tâm lý kỳ vọng của thị trường chung khi nhóm dịch vụ tài chính, chứng khoán có kết quả kinh doanh Q3/2023 tích cực và kỳ vọng vào hệ thống giao dịch mới... Bất động sản (+32,9% MoM) có mức tăng mạnh và vẫn là nhóm có giá trị giao dịch bình quân cao nhất thị trường. Những diễn biến này vẫn thể hiện tính chất đầu cơ kỳ vọng cao của thị trường trong tháng 11/2023 trong nhóm bất động sản, dịch vụ tài chính.

Xét về mức tăng giá trị giao dịch bình quân trong tháng 11 thì ngành Tài nguyên cơ bản (+50,9%MoM) có mức tăng mạnh nhất, tiếp đến là Truyền thông (+48,1%MoM), Bất động sản (+32,9% MoM) và Ngân hàng (+24,5% MoM). Ở chiều ngược lại Hóa chất có mức giảm mạnh nhất -33,1% MoM, tiếp đến là Y tế (-32,2%MoM), Dầu khí (-25,8% MoM), và Công nghệ thông tin (-17,7% MoM).

### GTGD bình quân phiên theo ngành (tỷ đồng, biểu đồ 1)



### GTGD bình quân phiên theo ngành (tỷ đồng, biểu đồ 2)

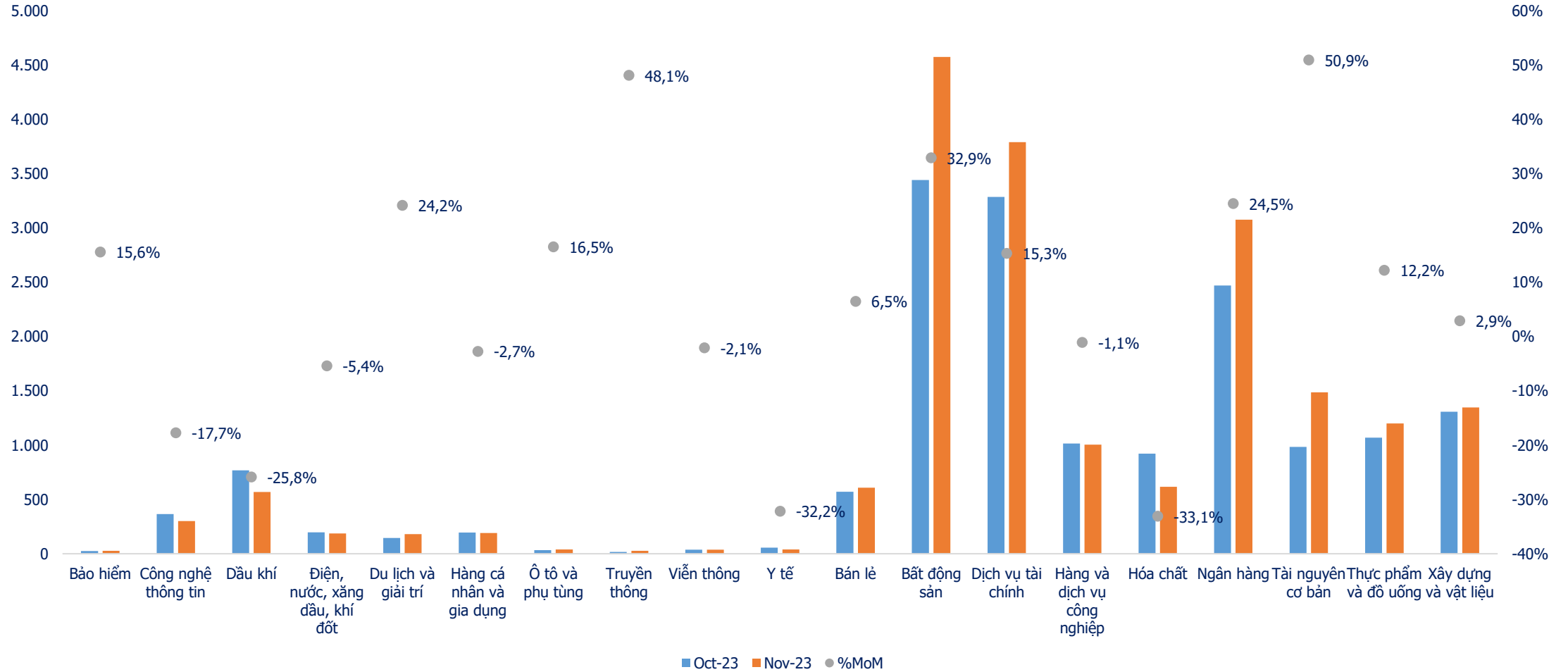


Nguồn: Bloomberg, Fiingroup, SHS Research



# TỔNG QUAN TTCK THÁNG 11

### Giá trị giao dịch bình quân phiên theo nhóm ngành

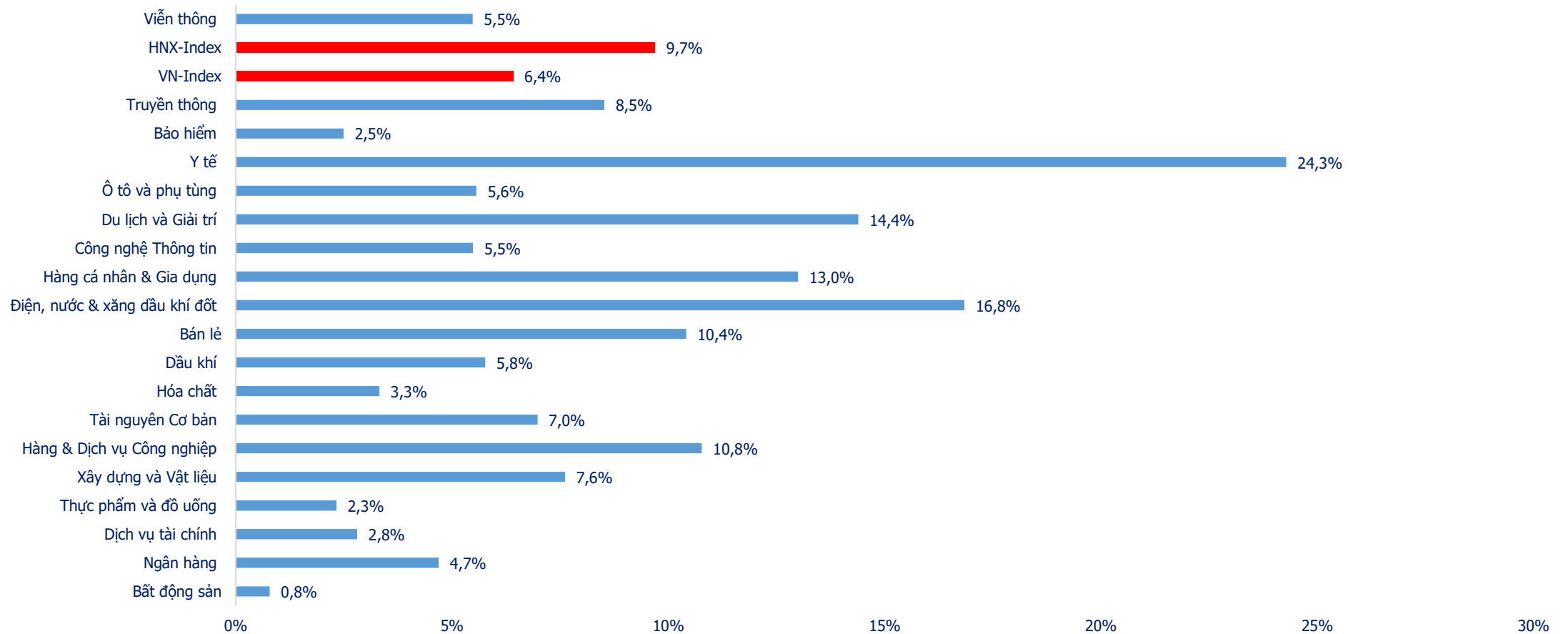


Nguồn: Bloomberg, SHS Research



# TỔNG QUAN TTCK THÁNG 11

## Tăng/giảm các nhóm ngành và chỉ số thị trường trong tháng 11/2023



Nguồn: Fiingroup, SHS Research

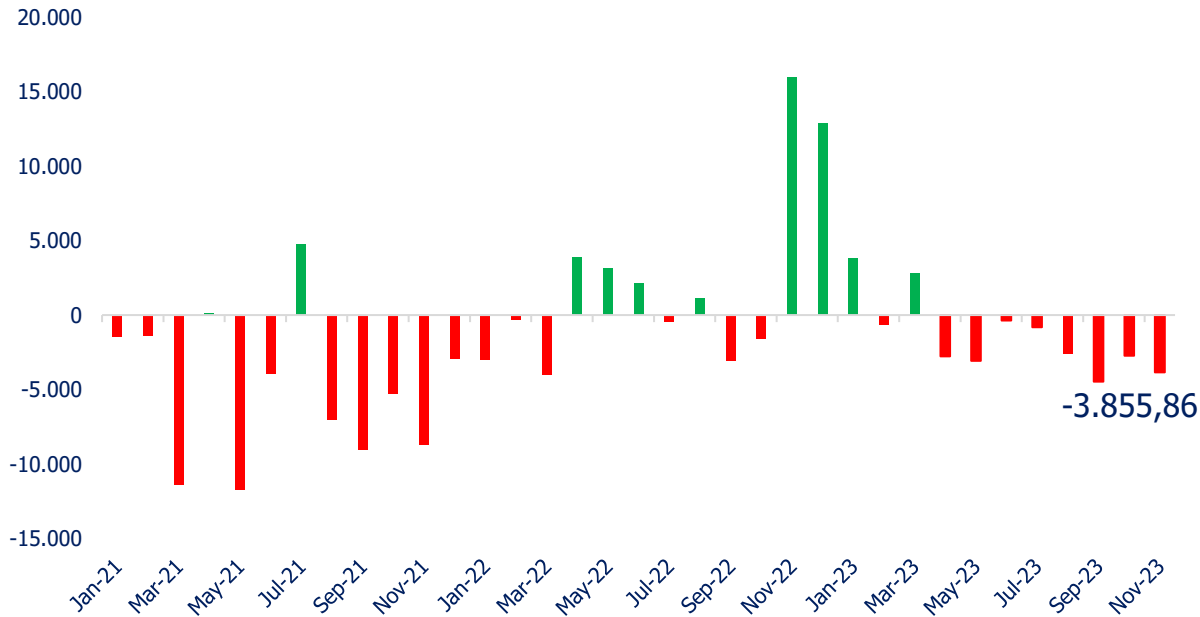


# TỔNG QUAN TTCK THÁNG 11

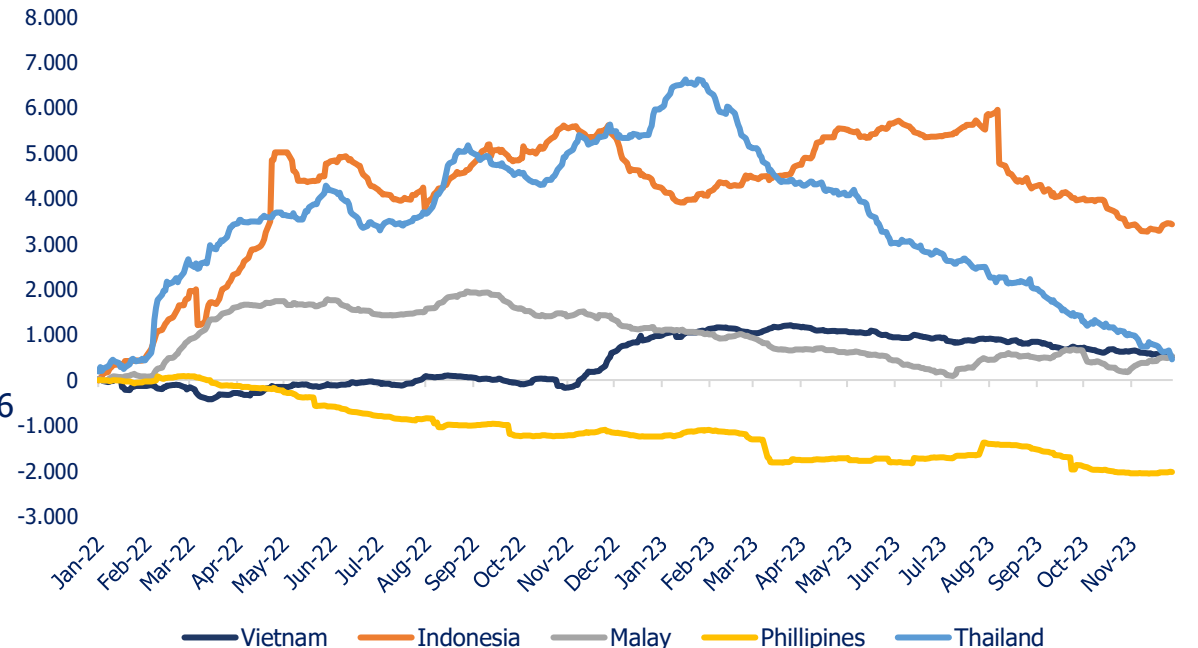
**Nhà đầu tư nước ngoài bán ròng 08 tháng liên tiếp từ tháng 4/2023:** Tính từ đầu năm 2023 đến nay, ngoại trừ tháng 01 và 03/2023 nhà đầu tư nước ngoài mua ròng với tổng giá trị 7.224 tỷ đồng, các tháng còn lại khối này đều bán ròng và đà bán ròng tiếp tục diễn ra trong tháng 11 với tổng cộng 3.531 tỷ đồng và chủ yếu tập trung tại sàn HOSE. Lũy kế 11 tháng năm 2023, nhà đầu tư nước ngoài bán ròng tổng cộng 12.722,03 tỷ đồng tại thị trường Việt Nam trong đó bán ròng 14.708,81 tỷ đồng trên sàn HOSE, mua ròng 2.893,11 tỉ đồng trên sàn HNX và bán ròng 906,33 tỉ đồng sàn Upcom.

Đối với các thị trường khác trong khu vực, khối ngoại cũng duy trì xu hướng bán ròng trong tháng 11 tại Thái Lan (-548 triệu USD) và Indonesia (-30 triệu USD) trong khi cải thiện mua ròng trở lại ở thị trường Philippines (19 triệu USD) và Malaysia (332 triệu USD).

**Giá trị mua/bán ròng của nhà đầu tư nước ngoài trên HOSE theo tháng từ 2021 (tỷ đồng)**



**Lũy kế giao dịch cổ phiếu khối ngoại (2022-2023) (Triệu USD)**

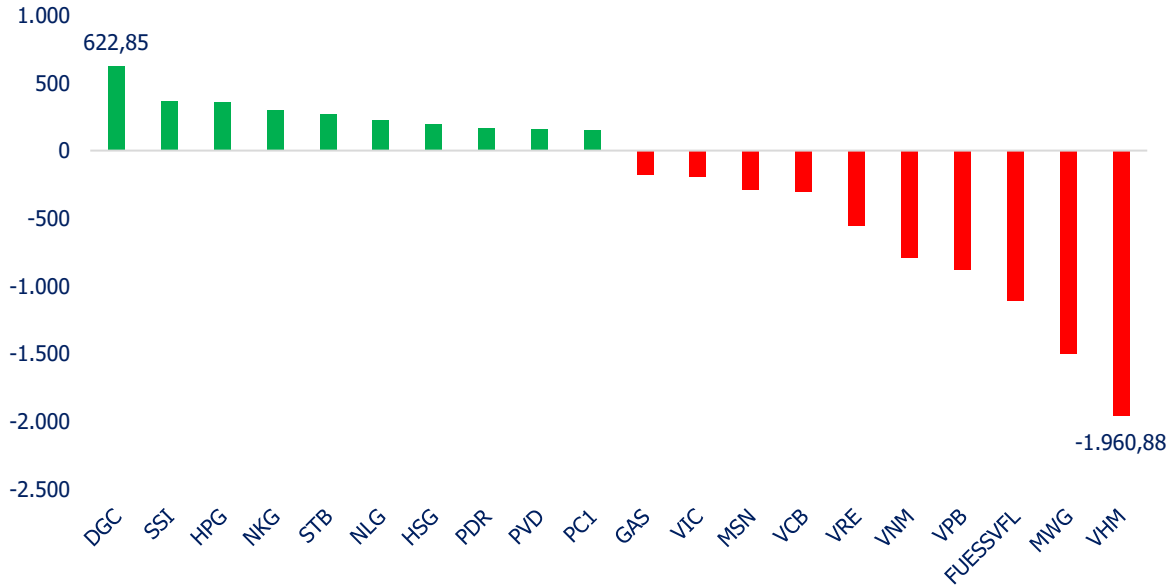


Nguồn: Bloomberg, Fiingroup, SHS Research

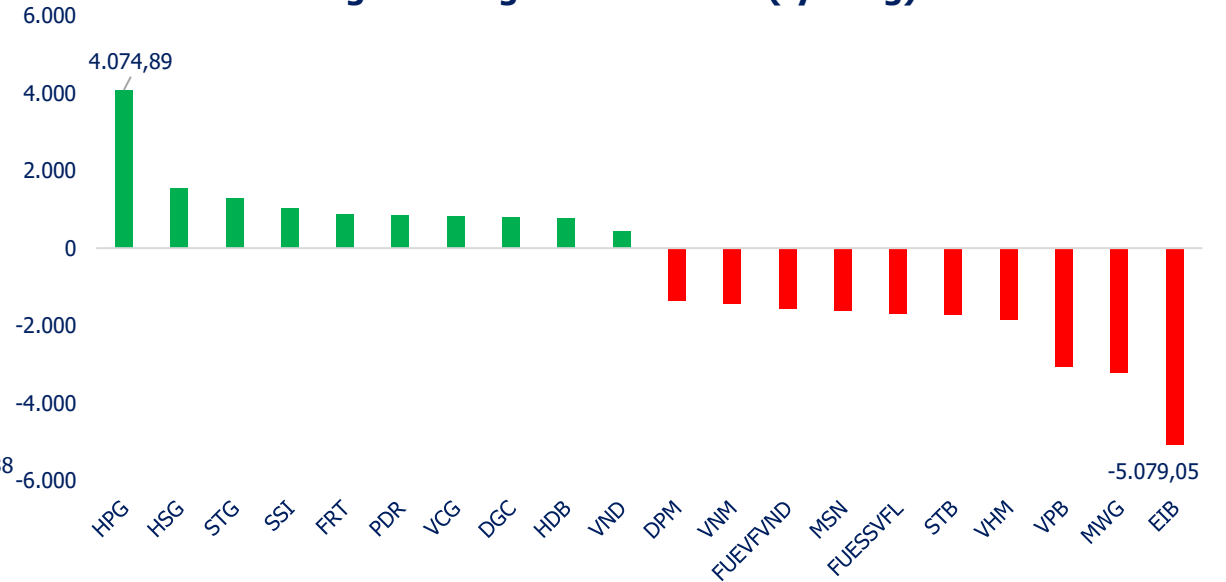


# TỔNG QUAN TTCK THÁNG 11

### Các mã được NĐTNN mua/bán ròng nhiều nhất trên HOSE trong tháng 11/2023 (tỷ đồng)



### Các mã được NĐTNN mua/bán ròng nhiều nhất trên HOSE trong 11 tháng đầu năm 2023 (tỷ đồng)



Nguồn: Fiingroup, SHS Research

Với áp lực bán ròng chủ yếu của khối ngoại, nhóm cổ phiếu bán lẻ MWG (-1.501,16 tỷ đồng), MSN (-291,90 tỷ đồng) tiếp tục chịu áp lực bán ròng mạnh trong tháng 11, bên cạnh VHM (-1.960,88 tỷ đồng) bị bán ròng mạnh nhất, tiếp đến là các chứng chỉ quỹ FUESSVFL (-1.109,64 tỷ đồng). Nhóm ngân hàng cũng chịu áp lực bán ròng mạnh với VPB (-880,38 tỷ đồng), VCB (-303,39 tỷ đồng)... Trong khi đó DGC (+622,85 tỷ đồng) được khối ngoại mua ròng mạnh tiếp tục, kế tiếp là SSI (+364,08 tỷ đồng) và nhóm thép với HPG (+359,06 tỷ đồng), NKG (297,47 tỷ đồng) được khối ngoại giải ngân tích cực.

Lũy kế 11 tháng năm 2023, khối ngoại bán ròng mạnh với EIB (-5.079,05 tỷ đồng), MWG (-3.220,71 tỷ đồng), VPB (-3.061,34 tỷ đồng) là 03 cổ phiếu chịu áp lực bán mạnh nhất, tiếp đến là các chứng chỉ quỹ FUESSVFL (-1.703,50 tỷ đồng) và FUEVFNVD (-1.572,58 tỷ đồng)... Ngược lại lũy kế nhóm thép vẫn được khối ngoại mua ròng với giá trị lớn như HPG (+4.074,89 tỷ đồng), HSG (+1.553,56 tỷ đồng) và STG (+1.284,8 tỷ đồng), SSI (+1.018,84 tỷ đồng)...



Biến cơ hội thành giá trị

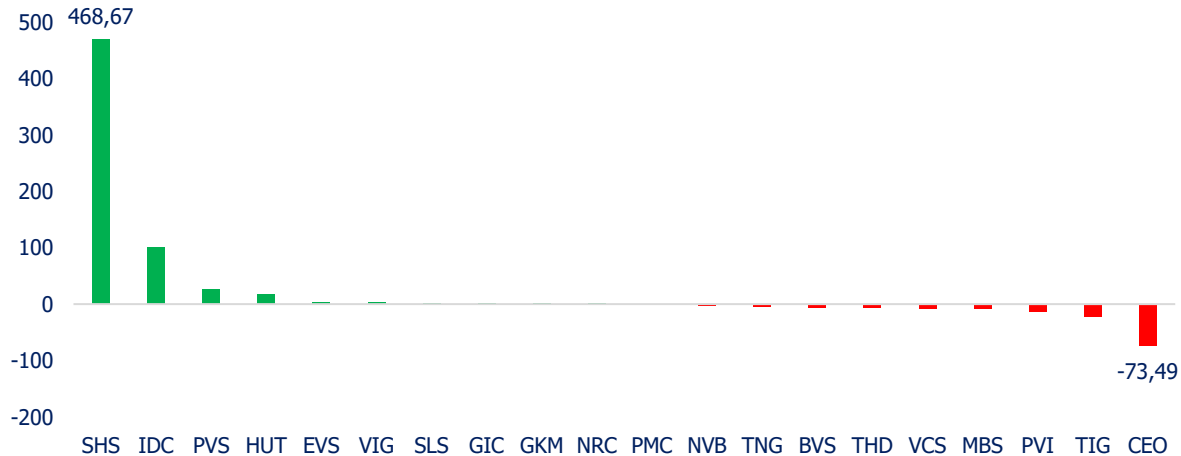
# TỔNG QUAN TTCK THÁNG 11

Trái ngược với HOSE, trên sàn HNX, khối ngoại duy trì xu hướng mua ròng liên tiếp với giá trị gia tăng trong tháng 11/2023. Trong đó nổi bật nhất là mua ròng mạnh cổ phiếu SHS (+468,67 tỉ đồng), tiếp đến là IDC (+99,75 tỉ đồng) và PVS (+22,58 tỉ đồng). Ngược lại CEO (-73,49 tỉ đồng) là cổ phiếu chịu áp lực bán ròng khá đột biến trong tháng 11.

Lũy kế 11 tháng 2023 khối ngoại duy trì mua ròng mạnh 2.893,11 tỷ đồng trên HNX, nổi bật nhất là IDC (+1.210,97 tỷ đồng), SHS (+895,51 tỷ đồng, PVS (+366,84 tỷ đồng) ... đây cũng là các mã trong những nhóm ngành có mức tăng giá vượt trội, nổi bật trong năm 2023.

Nguồn: Fiigroup, SHS Research

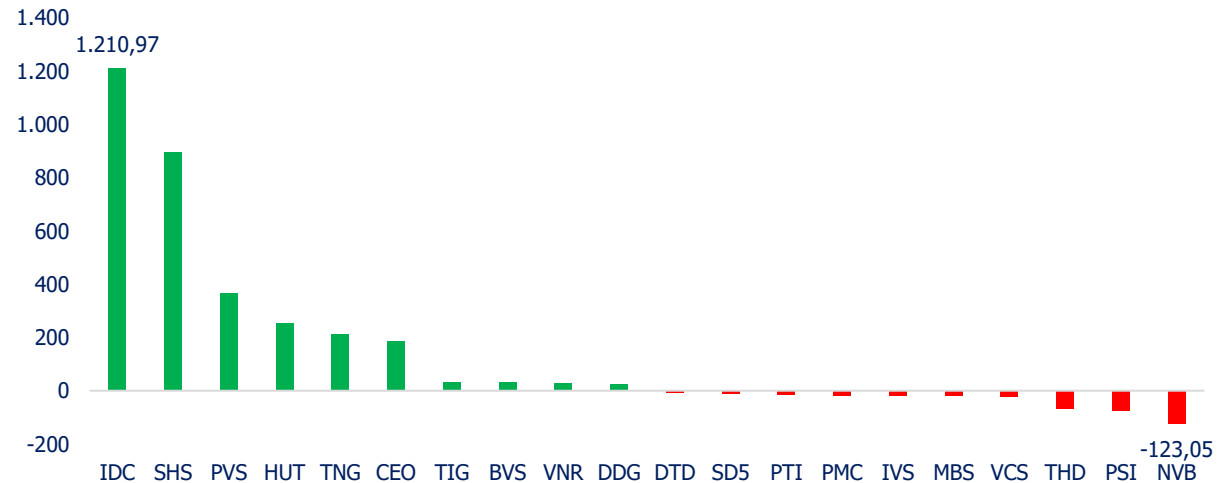
### Các mã được NĐTNN mua/bán ròng nhiều nhất trên HNX trong tháng 11/2023 (tỷ đồng)



### Giá trị mua/bán ròng của nhà đầu tư nước ngoài trên HNX theo tháng từ 2021 (tỷ đồng)



### Các mã được NĐTNN mua/bán ròng nhiều nhất trên HNX trong 11 tháng đầu năm 2023 (tỷ đồng)



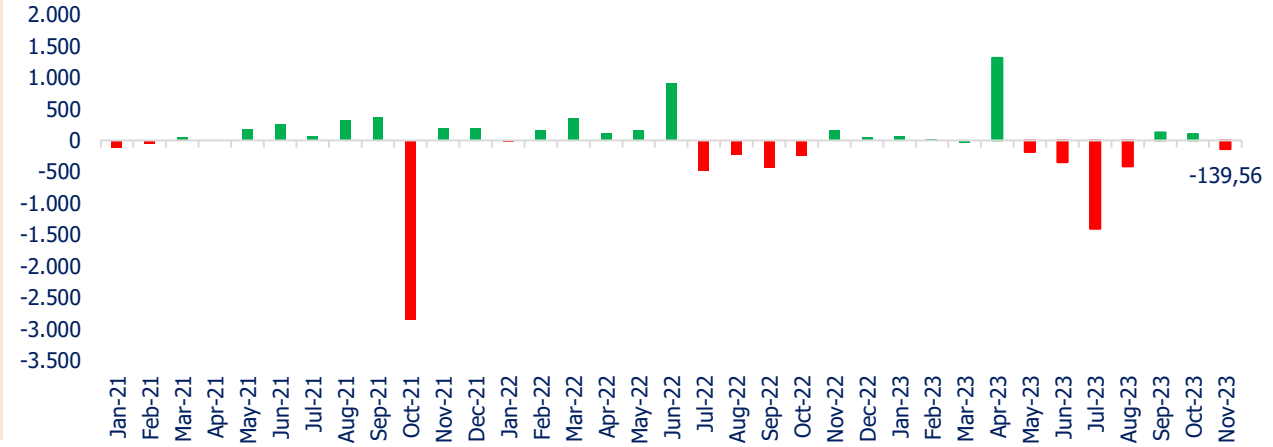


# TỔNG QUAN TTCK THÁNG 11

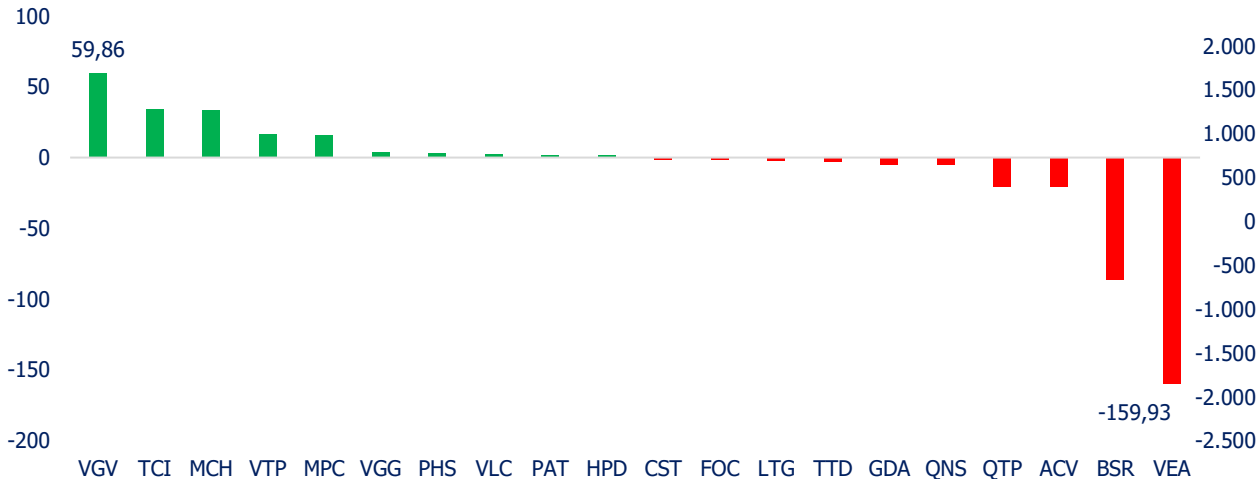
Sau 02 tháng mua ròng trên sàn Upcom, khối ngoại đã bán ròng trở lại với giá trị 139,56 tỷ đồng trong tháng 11. Trong đó trong đó gia tăng bán ròng VEA (-159,93 tỷ đồng), tiếp đến là BSR (-86,58 tỷ đồng) và ACV (-20,62 tỷ đồng), QTP (-20,57 tỷ đồng)... Trong khi mua ròng nổi bật với VGV (+59,86 tỷ đồng), TCI (+34,38 tỷ đồng), MCH (+33,89 tỷ đồng)

Lũy kế 11 tháng 2023, tổ chức nước ngoài bán ròng với giá trị 906,33 tỷ đồng trên Upcom. Chủ yếu đến từ bán ròng mạnh với VNZ (-2.203,19 tỷ đồng), VEA (-844,94 tỷ đồng), QNS (-470,97 tỷ đồng), VTP (-284,62 tỷ đồng)... Trong khi mua ròng mạnh đối với IDP (+1.345,55 tỷ đồng), SGB (+1.132,68 tỷ đồng), BSR (+307,71 tỷ đồng)...

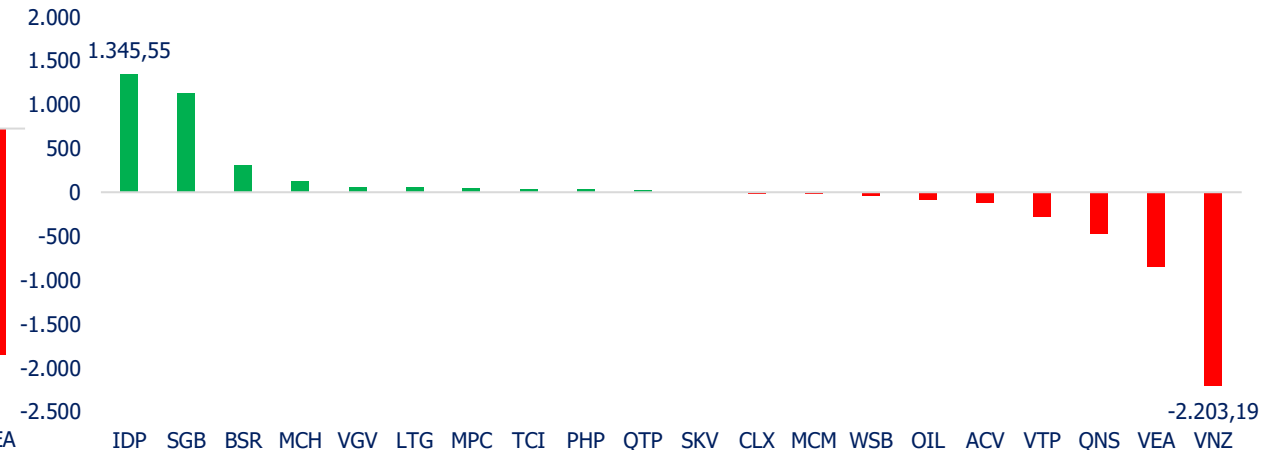
### Giá trị mua/bán ròng của nhà đầu tư nước ngoài trên UPCOM theo tháng từ 2021 (tỷ đồng)



### Các mã được NĐTNN mua/bán ròng nhiều nhất trên UPCOM trong tháng 11/2023 (tỷ đồng)



### Các mã được NĐTNN mua/bán ròng nhiều nhất trên UPCOM trong 11 tháng đầu năm 2023 (tỷ đồng)

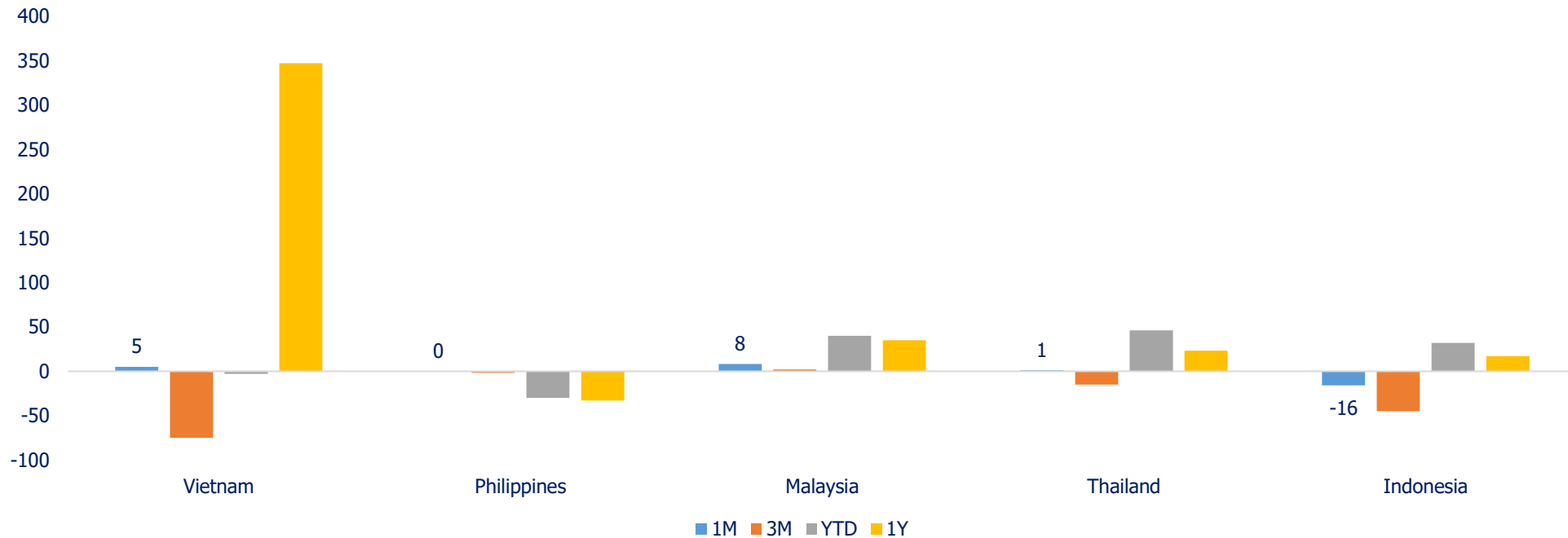




# TỔNG QUAN TTCK THÁNG 11

Tháng 11/2023 dòng tiền vào các quỹ ETF tại Đông Nam Á tiếp tục ghi nhận tiêu cực khi rút ròng 2 triệu USD. Indonesia có tháng rút ròng thứ hai liên tiếp (-16 triệu USD). Ở chiều ngược lại, Thị trường Malaysia dẫn đầu chiều hút ròng với 8 triệu USD sau đó là Việt Nam với 5 triệu USD. Dòng tiền vào các quỹ nội tại thị trường Việt Nam có tháng giao dịch khởi sắc khi đã có tín hiệu mua ròng trở lại như DCVFMVN Diamond (4,1 triệu USD) và DCVFMVN30 (14,4 triệu USD). FUBON ghi nhận tháng hút ròng thứ hai liên tiếp với 13,1 triệu USD. SSIAM VNFIN LEAD là quỹ bị rút vốn mạnh nhất thị trường trong tháng vừa qua (-34 triệu USD).

**Dòng vốn ETF theo quốc gia  
(Triệu USD)**



Nguồn: Bloomberg, SHS Research





Biến cơ hội thành giá trị

# TỔNG QUAN TTCK THÁNG 11

Tên quỹ	Loại hình	Tổng AUM	NAV	Số lượng CCQ	Dòng vốn ròng (triệu USD)			
		(triệu USD)	(tỷ USD)		1M	3M	YTD	1Y
<b>DCVFMVN Diamond ETF (VND)</b>	ETF	880	1.1	763,000,000	4.1	-57.0	-91.2	23.7
<b>Fubon FTSE Vietnam ETF (TWD)</b>	ETF	943	0.5	2,048,738,000	13.1	43.4	51.0	271.3
<b>DCVFMVN30 ETF Fund (VND)</b>	ETF	347	0.9	383,100,000	14.4	84.9	40.4	64.0
<b>VanEck Vietnam ETF (USD)</b>	ETF	626	14.8	42,350,000	-5.4	-15.8	76.7	178.5
<b>Xtrackers FTSE Vietnam Swap UCITS ETF (EUR)</b>	ETF	398	28.5	12,589,840	2.4	7.8	64.9	102.4
<b>SSIAM VNFIN LEAD ETF (VND)</b>	ETF	184	0.8	231,600,000	-34	-59.6	-62.7	-36.3
<b>KIM KINDEX Vietnam VN30 ETF (KRW)</b>	ETF	224	15	12,200,000	4.0	11.3	-20.5	61.7
<b>Premia MSCI Vietnam ETF (USD)</b>	ETF	18.3	8.8	1,980,000	-0.3	-0.3	-0.9	-2.8
<b>SSIAM VNX50 ETF (VND)</b>	ETF	6,7	0.8	8,900,000	0.0	0.3	-0.1	-3.8
<b>Asian Growth CUBS ETF (USD)</b>	ETF	10.1	21.5	520,000	0.0	0.0	0.0	0.0
<b>Global x MSCI Vietnam ETF (USD)</b>	ETF	7.8	19.5	560,000	0.0	1.4	6.1	7.6
<b>SSIAM VN30 ETF (VND)</b>	ETF	4.1	0.8	8,300,000	0.1	0.9	1.9	1.9
<b>KIM KINDEX Vietnam VN30 Fututres Leverage ETF (KRW)</b>	ETF	6.5	10.6	600,000	0.0	0.0	6.1	2.1
<b>KIM GROWTH VN30 ETF (VND)</b>	ETF	13.8	0.3	75,000,000	-2.4	-0.6	4.5	7.3

Nguồn: Bloomberg, SHS Research



**TRIỂN VỌNG  
TTCK THÁNG  
12**

Thị trường có tháng 11 hồi phục tốt sau 2 tháng liên tiếp giảm mạnh trước đó, đà giảm kết thúc khi Vn-Index tiệm cận nền tích lũy trung hạn đầu năm và được hỗ trợ phục hồi tốt từ nền tích lũy đó. Tuy nhiên nhịp hồi phục đang diễn ra mang tính kỹ thuật và về trung hạn thị trường sẽ cần phải có thêm giai đoạn tích lũy trước khi hình thành xu hướng mới.

Về góc độ kỹ thuật, Vn-Index đã xác nhận kết thúc Uptrend trung hạn và đang quá trình hồi phục sau giai đoạn giảm sâu. Với trạng thái vận động như vậy biên độ dao động của thị trường tính từ đỉnh ngắn hạn 1.250 điểm đã trở nên lỏng lẻo và thị trường sẽ cần củng cố lại. Vn-Index trong tháng 12 dự báo sẽ tiếp tục nhịp hồi phục đang diễn ra trước khi kết thúc năm 2023 trong kịch bản tích cực là phía trên khu vực 1.150 điểm. Trong kịch bản kém tích cực hơn Vn-Index sẽ nằm trong khoảng từ 1.120 điểm – 1.150 điểm.

Tình hình vĩ mô những giai đoạn cuối năm thường tích cực hơn khi các hoạt động kinh tế như đầu tư công, xuất nhập khẩu, giải ngân vốn tín dụng được tăng cường trong khi lãi suất được dự báo tiếp tục thấp và tỷ giá ổn định. Trong tháng 12, FED sẽ có cuộc họp chính sách tiền tệ vào ngày 12/12 – 13/12 và gần như tuyệt đối (99,7% theo CME Fed Watch) các nhận định đều cho rằng lãi suất sẽ tiếp tục được duy trì ở ngưỡng hiện tại (5,25% - 5,5%). Bên cạnh đó, 2 quỹ ETF là Xtracker FTSE Vietnam Swap UCITS và VanEck Vietnam cũng như một số quỹ khác cũng có các hoạt động tái cơ cấu danh mục trong tháng cuối năm. Tuy nhiên dòng tiền được dự báo sẽ tiếp tục duy trì tích cực hỗ trợ cho thị trường có năm 2023 tăng điểm trước khi có những kỳ vọng mới trong năm 2024.



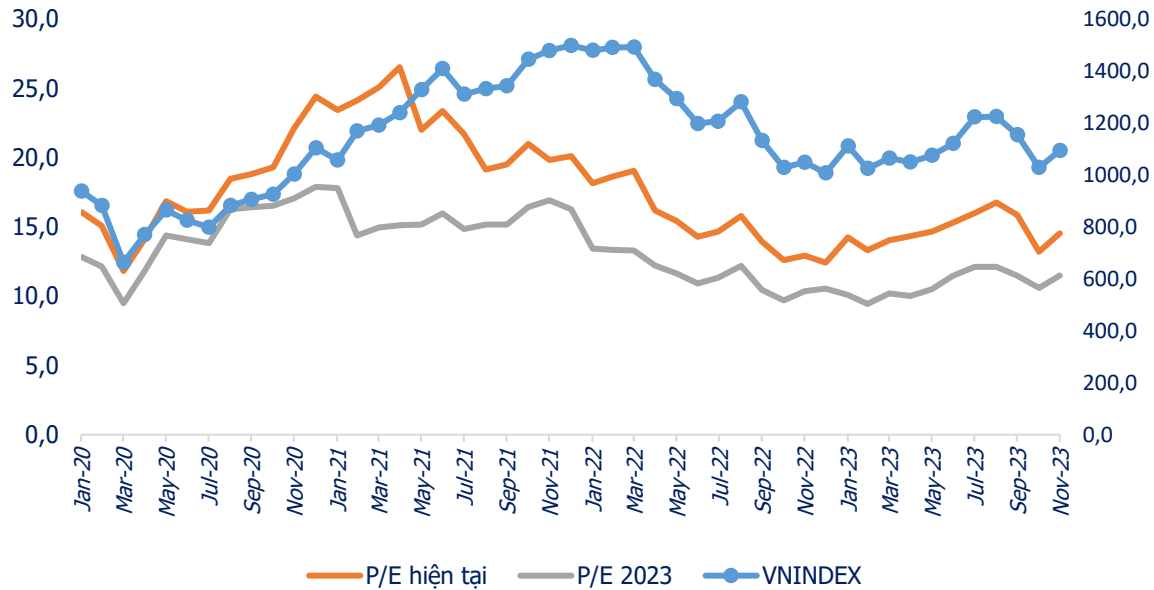


# TRIỂN VỌNG TTCK THÁNG 12

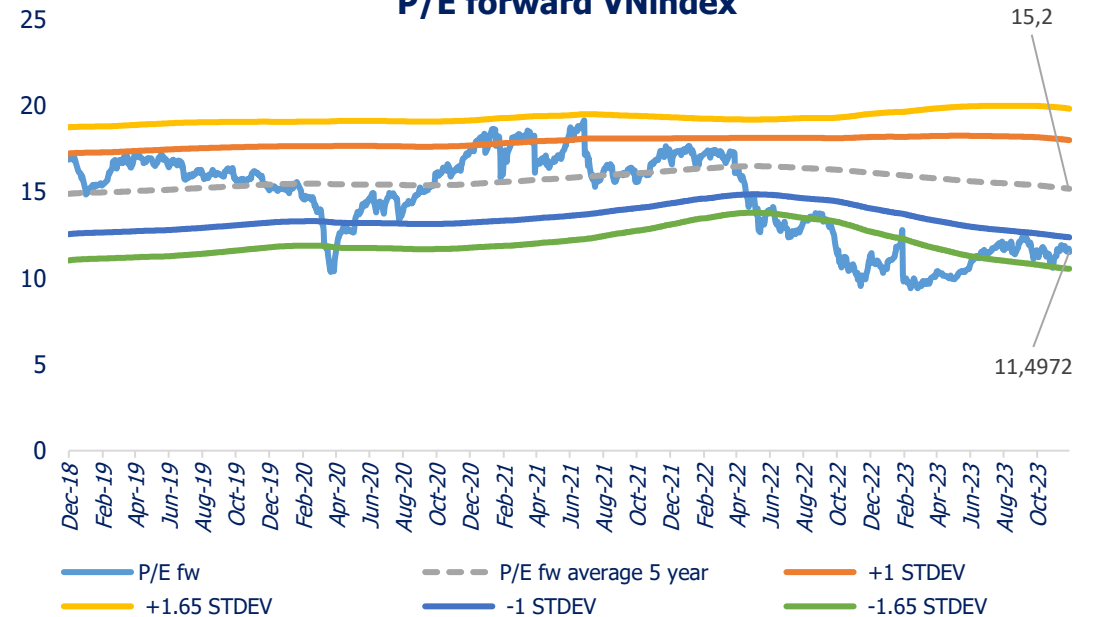
Biến cơ hội thành giá trị

Vào thời điểm kết thúc tháng 11/2023, định giá toàn thị trường đã tăng lên mức 14,5x so với mức 13,2x vào tháng trước (tăng gần 10%) và tiến gần tới mức trung bình 2 năm gần nhất (15,5x). Định giá thị trường đang ở mức phù hợp để nhà đầu tư tích lũy cổ phiếu cho mục tiêu trung hạn.

### Định giá TTCK VN



### P/E forward VNindex



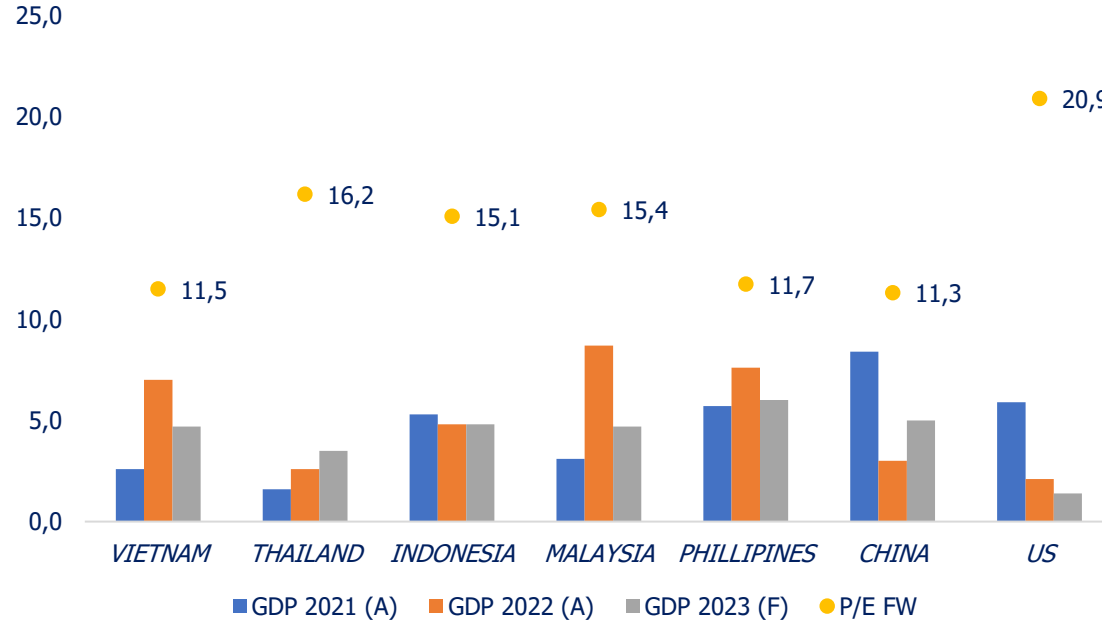
Nguồn: Bloomberg, SHS tổng hợp



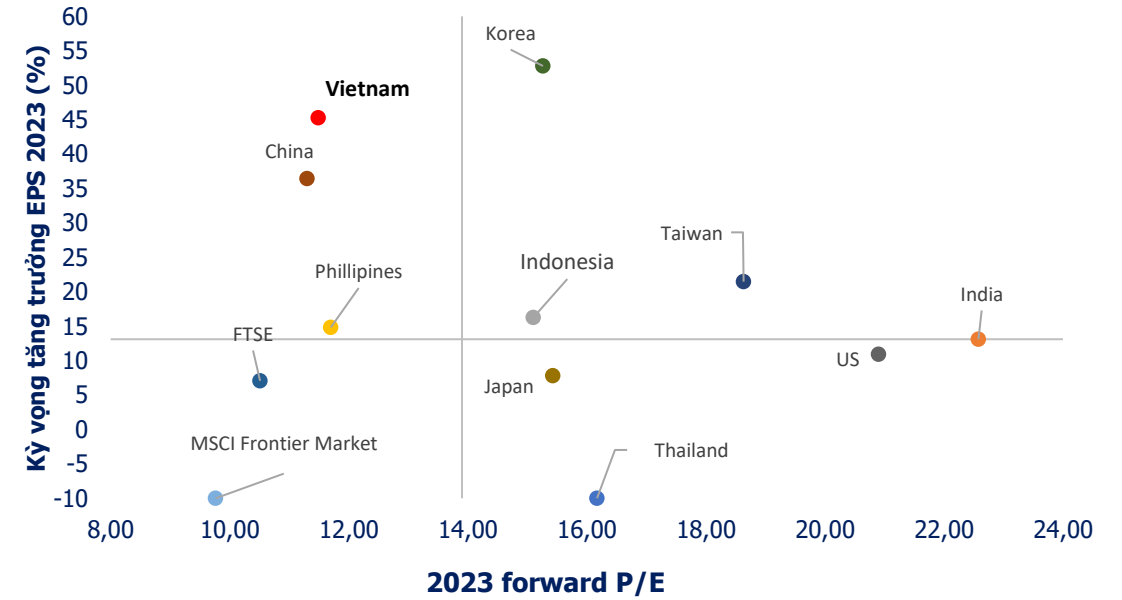
Biến cơ hội thành giá trị

# TRIỂN VỌNG TTCK THÁNG 12

### TTCK VN so với các nước trên thế giới



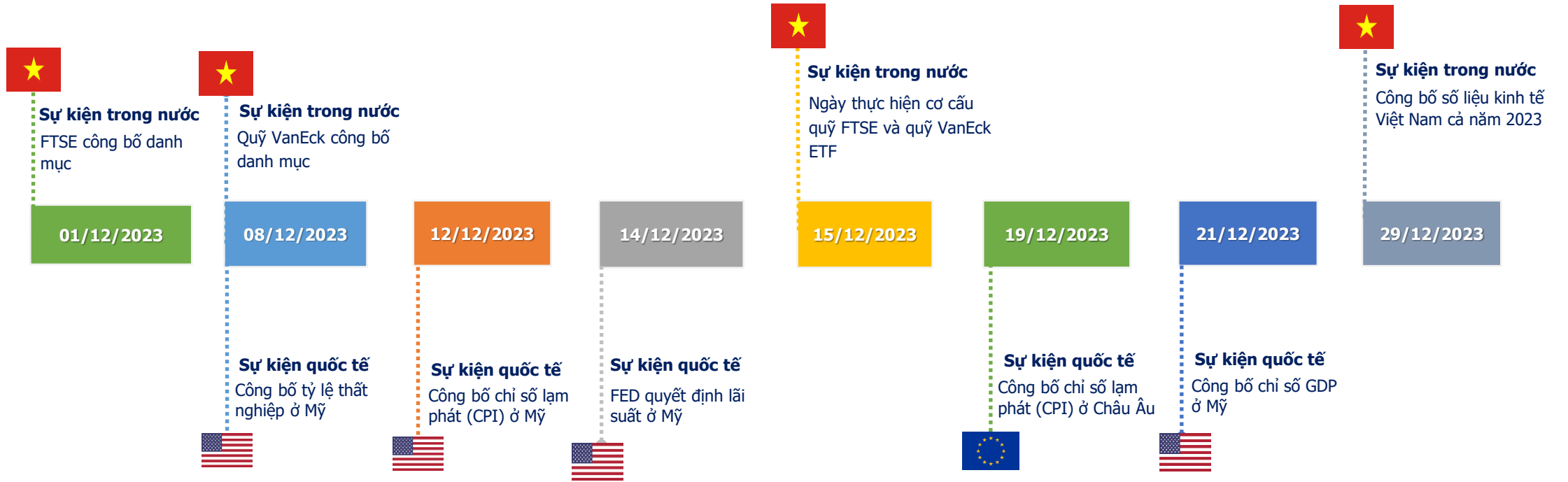
### Kỳ vọng tăng trưởng EPS, P/E Foward 2023



Nguồn: Bloomberg, SHS tổng hợp



# LỊCH SỰ KIỆN THÁNG 12





**DANH SÁCH  
MÃ KHUYẾN NGHỊ  
NĂM 2023**

Feb

Mar

Apr

May

Jun

Jul

Aug

Sep

Oct

Nov

Dec

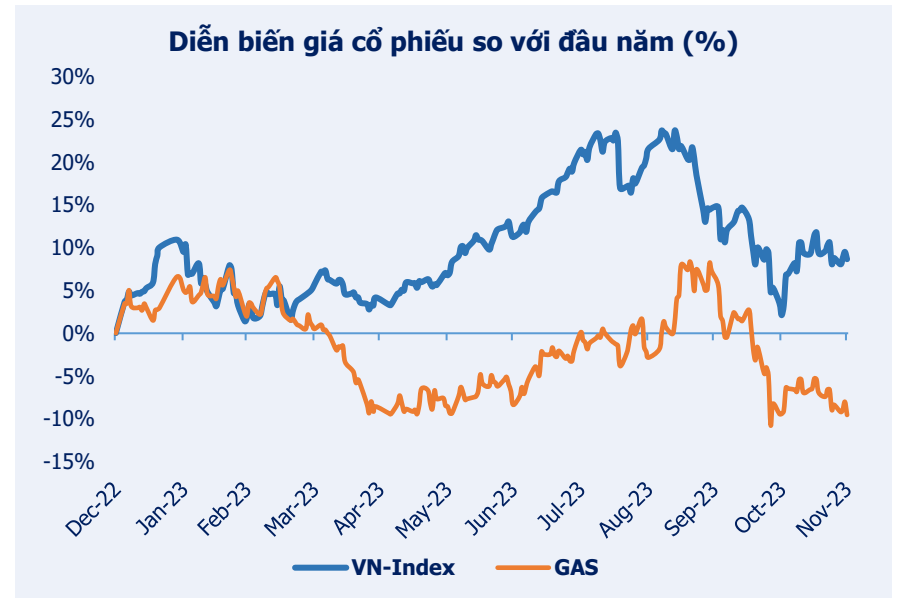


Biến cơ hội thành giá trị

# DANH SÁCH MÃ KHUYẾN NGHỊ NĂM 2023

## Tổng Công ty Khí Việt Nam – CTCP (HOSE – GAS)

<b>Giá hiện tại</b>	<b>76.500</b>	<b>(tỷ đồng)</b>	<b>Q4/2022</b>	<b>Q1/2023</b>	<b>Q2/2023</b>	<b>Q3/2023</b>	<b>KH2023</b>
<b>Giá mục tiêu PTKT</b>	<b>86.000 – 88.000</b>	<b>Doanh thu</b>	22.051,96	21.214,48	24.042,65	22.126,16	76.441,00
<b>Giá cao nhất tháng</b>	<b>80.100</b>	<b>% yoy</b>	9,29	(20,51)	(13,06)	(9,05)	(24,11)
<b>Vốn hóa</b>	<b>175.701</b>	<b>Lãi sau thuế</b>	3.336,69	3.416,83	3.196,03	2.404,26	6.539,00
<b>EPS ttm</b>	<b>5.466</b>	<b>% yoy</b>	64,41	(2,25)	(37,83)	(22,17)	(56,59)
<b>BV</b>	<b>26.768</b>	<b>Tổng tài sản</b>	82.663	84.128	88.247	84.639	
<b>PE trailing</b>	<b>14,00</b>	<b>Vốn chủ sở hữu</b>	61.174	64.570	67.451	62.671	
<b>PB trailing</b>	<b>2,86</b>	<b>ROA (%)</b>	18,33	17,39	14,47	14,29	
		<b>ROE (%)</b>	26,68	25,00	20,39	20,55	
		<b>Biên lãi gộp (%)</b>	22,08	22,83	18,06	16,64	
		<b>Biên lãi ròng (%)</b>	14,76	15,79	13,13	10,74	



- Q3/2023 Doanh thu thuần 22.126 tỷ đồng (-7,9% MoM và -9,05% YoY), lãi sau thuế 2.404 tỷ đồng (-23,8% MoM và -22,1% YoY). Lũy kế 9 tháng đầu năm 2023, doanh thu đạt 67.383 tỷ đồng (-14,3% YoY) = 88,1% KH năm, lãi sau thuế trên 9.017 tỷ đồng (-23% YoY) = 137,8% KH năm. Tiền mặt và tiền gửi NH đạt 39.759 tỷ đồng tại cuối Q3 (+16% Ytd), tương ứng 46,9% tổng tài sản và 1,8x nợ phải trả.
- 29/10/2023 GAS đã khánh thành và đưa vào vận hành kho LNG Thị Vải (công suất GĐ 1 là 1tr tấn/năm), dự án mở rộng/nâng công suất kho lên 3 triệu tấn/năm dự kiến hoàn thành 2025-2026.
- Ngày 29/08/2023 chốt quyền trả cổ tức năm 2022 bằng tiền tỷ lệ 36%, thanh toán 02/11/2023. Ngày 20/11/2023, giao dịch 382.789.847 cổ phiếu phát hành theo tỷ lệ thưởng 20%.
- Tiềm năng tương lai: Sau 2030 ngừng các dự án điện than theo QH VIII, dự án nâng công suất kho tại Thị Vải lên 3 triệu tấn/năm, dự án LNG Sơn Mỹ (Bình Thuận) công suất 3,6 triệu tấn LNG/năm và lên đến 10 triệu tấn LNG/năm cho cả 2 giai đoạn, dự án đường ống dẫn khí Lô B - Ô Môn và dự án đường ống dẫn khí mỏ Sư Tử Trắng.



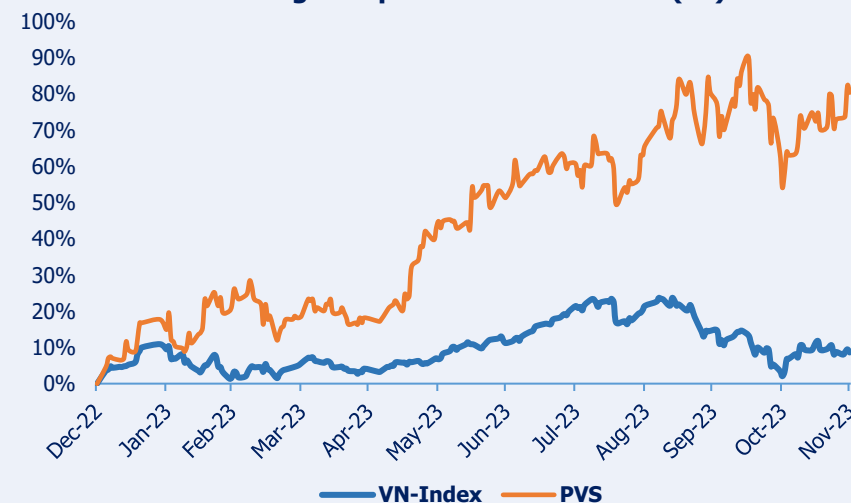


# DANH SÁCH MÃ KHUYẾN NGHỊ NĂM 2023

## Tổng CTCP Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam (HNX – PVS)

<b>Giá hiện tại</b>	<b>38.600</b>	<b>(tỷ đồng)</b>	<b>Q4/2022</b>	<b>Q1/2023</b>	<b>Q2/2023</b>	<b>Q3/2023</b>	<b>KH2023</b>
<b>Giá mục tiêu PTKT</b>	<b>38.000-39.000</b>	<b>Doanh thu</b>	5.330,74	3.703,66	4.710,58	4.175,55	13.200,00
<b>Giá cao nhất tháng</b>	<b>39.000</b>	<b>% yoy</b>	14,79	(1,74)	23,67	19,22	(19,57)
<b>Vốn hóa</b>	<b>18.449</b>	<b>Lãi sau thuế</b>	325,60	227,52	236,67	143,56	560,00
<b>EPS ttm</b>	<b>2.193</b>	<b>% Yoy</b>	217,80	(9,10)	1.431,98	(25,62)	(28,13)
<b>BV</b>	<b>26.549</b>	<b>Tổng tài sản</b>	25.828	25.635	27.057	28.564	
<b>PE trailing</b>	<b>17,60</b>	<b>Vốn chủ sở hữu</b>	12.949	13.140	13.133	13.399	
<b>PB trailing</b>	<b>1,45</b>	<b>ROA (%)</b>	3,49	3,51	4,22	3,90	
		<b>ROE (%)</b>	7,33	7,23	9,04	8,43	
		<b>Biên lãi gộp</b>	7,11	5,50	3,98	4,33	
		<b>Biên lãi ròng</b>	8,85	5,80	4,75	3,38	

### Diễn biến giá cổ phiếu so với đầu năm (%)



- Q3/2023 Doanh thu thuần 4.175 tỷ đồng (+19,2% YoY), lãi sau thuế 143,5 tỷ đồng (-25,6% YoY) do biên lãi gộp giảm (4,3% so với 5,7% cùng kỳ) và chi phí quản lý, tài chính tăng. Lũy kế 9 tháng năm 2023, doanh thu đạt 12.591 tỷ đồng (+13,6% YoY) = 95,4% KH năm, lãi sau thuế 606 tỷ đồng (+33,6% YoY) = 108,2% KH năm. Tiền mặt và tiền gửi NH đạt 10.064 tỷ đồng tại cuối tháng 9, tương ứng 35,2% tổng tài sản và 66% nợ phải trả.
- Ngày 19/5/2023, PVS ký hợp đồng (ước 300tr USD) với Orsted (Đan Mạch) chế tạo 33 kết cấu móng chân đế cho trang trại điện gió ngoài khơi Đài Loan bàn giao vào cuối năm 2025. Tập đoàn PGE (Ba Lan) và Orsted (Đan Mạch) đã ký kết thỏa thuận với liên danh của Semco Maritime (Đan Mạch) và PTSC Mechanical & Construction (công ty con của PVS) cho dự án thiết kế, chế tạo và chạy thử 4 trạm biến áp ngoài khơi từ năm 2023 đến năm 2026 cho trang trại điện gió ngoài khơi Baltica 2 ở Ba Lan.
- Dự án Lô B Ô Môn: Liên doanh PVS-McDermott đã được trao gói thầu EPCI#1, ước giá trị hợp đồng 1,1 tỷ USD ngày 30/10/2023. Ngày 29/11, PVN và PQPOC đã tổ chức trao thầu và triển khai hợp đồng EPCI#2 cho PTSC M&C, công ty thành viên của PVS.
- Dự án xuất khẩu 1,3Gw điện gió ngoài khơi sang Singapore: 29/8/2023, PVS đã được Bộ Tài nguyên và Môi trường trao giấy phép khảo sát tại khu vực biển Bà Rịa - Vũng Tàu. Ngày 27/10/2023, Chính phủ Singapore đã trao Giấy phép nhập khẩu điện có điều kiện (CA) cho Liên doanh Sembcorp Utilities – PVS. Dự kiến sẽ bắt đầu bán điện sớm nhất vào năm 2033.

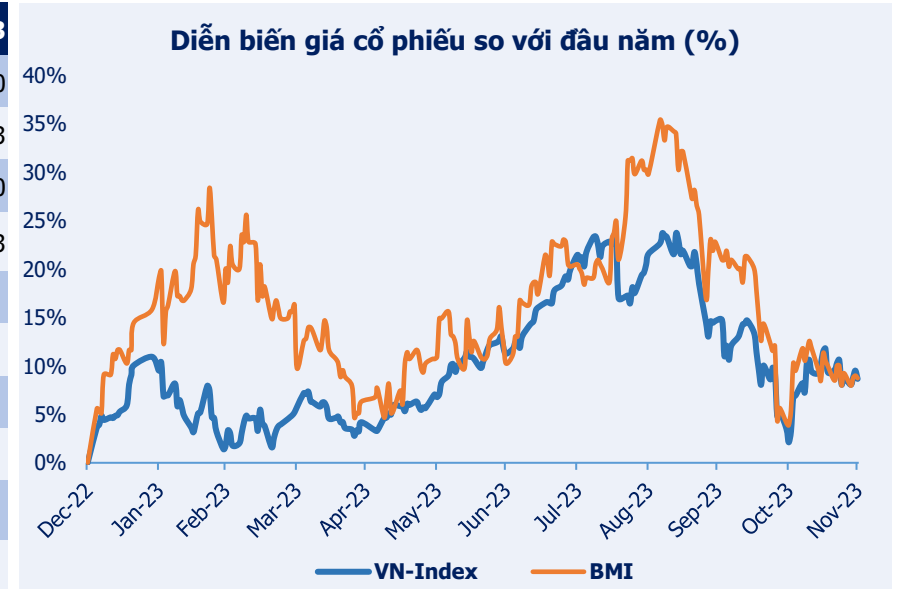


Biến cơ hội thành giá trị

# DANH SÁCH MÃ KHUYẾN NGHỊ NĂM 2023

## Tổng CTCP Bảo Minh (HOSE – BMI)

<b>Giá hiện tại</b>	<b>21,250</b>	<b>(tỷ đồng)</b>	<b>Q4/2022</b>	<b>Q1/2023</b>	<b>Q2/2023</b>	<b>Q3/2023</b>	<b>KH2023</b>
<b>Giá mục tiêu PTKT</b>	<b>24.500-25.000</b>	<b>Doanh thu</b>	1.254,41	1.125,47	1.191,33	1.156,90	6.750,00
<b>Giá cao nhất tháng</b>	<b>22,000</b>	<b>% yoy</b>	11,58	19,19	7,13	4,14	57,83
<b>Vốn hóa</b>	<b>2,562</b>	<b>Lãi sau thuế</b>	67,44	73,49	74,43	106,40	300,00
<b>EPS ttm</b>	<b>1,968</b>	<b>% Yoy</b>	1,23	3,25	8,64	203,71	2,63
<b>BV</b>	<b>21,385</b>	<b>Tổng tài sản</b>	7.037	7.402	6.896	7.042	
<b>PE trailing</b>	<b>10.80</b>	<b>Vốn chủ sở hữu</b>	2.411	2.484	2.486	2.579	
<b>PB trailing</b>	<b>0.99</b>	<b>Tỷ lệ bồi thường</b>	24,38	36,95	34,22	41,49	
		<b>Tỷ lệ kết hợp</b>	98,13	97,02	95,14	103,74	
		<b>ROE (%)</b>	9,73	9,55	10,02	10,58	
		<b>Biên lãi ròng</b>	5,16	6,27	6,00	8,14	



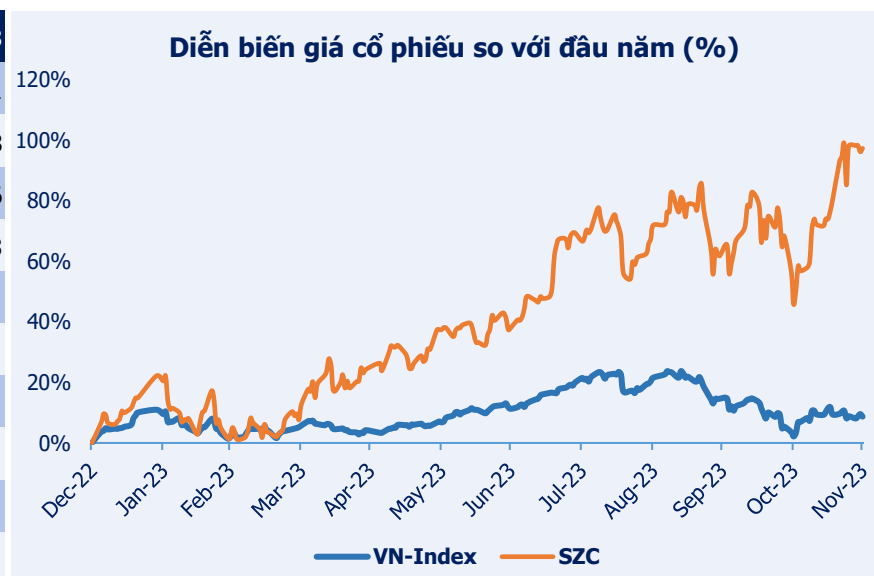
- Q3.2023, BMI ghi nhận doanh thu thuần gần 1.157 tỷ đồng, giảm nhẹ 1,4% YoY, hoạt động kinh doanh bảo hiểm lỗ gộp gần 10 tỷ đồng. BMI ghi nhận LNTT hơn 98 tỷ đồng, tăng 15% YoY nhờ ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính 211 tỷ đồng, tăng gấp 1,7 lần cùng kỳ. Lũy kế 9 tháng năm 2023, BMI ghi nhận doanh thu phí bảo hiểm gần 4.488 tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế 283 tỷ đồng, lần lượt tăng 7% và 10% so với 9 tháng đầu năm 2022, hoàn thành 66,5% kế hoạch doanh thu và 75,5% kế hoạch lợi nhuận năm.
- BMI đã hoàn thành việc phát hành cổ phiếu trả cổ tức năm 2022 tỷ lệ 10%, tăng vốn điều lệ lên 1.205,86 tỷ đồng.
- BMI đang giao dịch ở mức PB 0,99x, thấp hơn nhiều mức PB 1,52x của trung bình ngành bảo hiểm phi nhân thọ.



# DANH SÁCH MÃ KHUYẾN NGHỊ NĂM 2023

## CTCP Sonadezi Châu Đức (HOSE – SZC)

<b>Giá hiện tại</b>	<b>43.100</b>	<b>(tỷ đồng)</b>	<b>Q4/2022</b>	<b>Q1/2023</b>	<b>Q2/2023</b>	<b>Q3/2023</b>	<b>KH2023</b>
<b>Giá mục tiêu PTKT</b>	<b>41.000 – 43.000</b>	<b>Doanh thu</b>	195,66	63,16	288,17	208,10	914,51
<b>Giá cao nhất tháng</b>	<b>43.450</b>	<b>% yoy</b>	32,46	(77,23)	9,74	68,79	6,48
<b>Vốn hóa</b>	<b>5.172</b>	<b>Lãi sau thuế</b>	37,57	11,75	95,97	55,09	210,26
<b>EPS ttm</b>	<b>1.781</b>	<b>% Yoy</b>	(44,84)	(84,39)	56,89	136,25	6,53
<b>BV</b>	<b>14.010</b>	<b>Tổng tài sản</b>	6.335	6.302	6.346	6.404	
<b>PE trailing</b>	<b>24,20</b>	<b>Vốn chủ sở hữu</b>	1.534	1.546	1.626	1.681	
<b>PB trailing</b>	<b>3,08</b>	<b>ROA (%)</b>	3,30	2,24	2,75	3,22	
		<b>ROE (%)</b>	13,06	8,95	10,78	13,45	
		<b>Biên lãi gộp</b>	34,59	54,30	47,78	41,17	
		<b>Biên lãi ròng</b>	19,20	18,61	33,30	26,47	



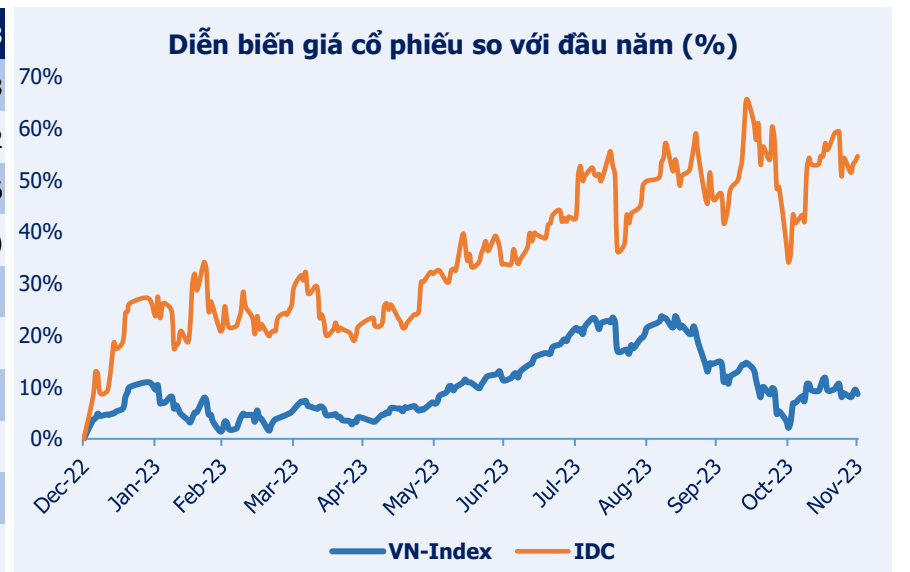
- SZC sở hữu quỹ đất cho thuê lớn với tổng diện tích khoảng 2.135 ha (trong đó khoảng 600ha để phát triển KĐT)
- KQKD Q3/2023: Doanh thu thuần đạt 208,10 tỷ đồng (+68,8% YoY). Lợi nhuận sau thuế đạt 55,09 tỷ đồng (+136,2% YoY). Doanh thu chủ yếu từ việc cho thuê đất KCN (chiếm 170,52 tỷ) và doanh thu từ KDC Hữu Phước với 21,5 tỷ. Các mảng khác như sân golf, thu phí đường bộ đóng góp tỷ trọng không đáng kể và giá vốn cao nên lợi nhuận khá khiêm tốn, thậm chí mảng kinh doanh golf vẫn đang kinh doanh dưới vốn.
- Lũy kế 9 tháng đầu năm 2023, SZC ghi nhận doanh thu thuần đạt 559,43 tỷ đồng (-15,6% YoY) và Lợi nhuận sau thuế đạt 162,81 tỷ (+1,9% YoY). Với kết quả này, SZC đã hoàn thành 61,17% kế hoạch doanh thu và 77,43% kế hoạch lợi nhuận năm 2023.
- Tổng diện tích đã ký hợp đồng nhưng chưa ghi nhận doanh thu của KCN Châu Đức tính tới cuối 2022 là 62ha, sẽ được ghi nhận dần từ 2023. Tăng tổng vốn đầu tư KĐT Châu Đức từ 1.237 tỷ đồng lên 9.804 tỷ đồng do chi phí GPMB và tiền sử dụng đất tăng
- SZC công bố nghị quyết HĐQT ngày 21/8/2023 về việc thông qua phương án chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu với tỷ lệ 2:1. Số lượng cổ phiếu dự kiến chào bán là gần 60 triệu đơn vị, tương đương 50% số cổ phiếu đang lưu hành. Giá chào bán là 20.000 đồng/cp. Thời gian triển khai dự kiến triển khai trong quý 4/2023, ngay sau khi được UBCKNN chấp thuận.



# DANH SÁCH MÃ KHUYẾN NGHỊ NĂM 2023

## Tổng Công ty IDICO – CTCP (HNX – IDC)

<b>Giá hiện tại</b>	<b>49.000</b>	<b>(tỷ đồng)</b>	<b>Q4/2022</b>	<b>Q1/2023</b>	<b>Q2/2023</b>	<b>Q3/2023</b>	<b>KH2023</b>
<b>Giá mục tiêu PTKT</b>	<b>54.000-56.000</b>	<b>Doanh thu</b>	1.207,98	1.146,68	2.407,56	1.443,47	8.276,83
<b>Giá cao nhất tháng</b>	<b>50.500</b>	<b>% yoy</b>	(58,63)	(31,48)	(27,22)	(29,68)	0,42
<b>Vốn hóa (tỷ đồng)</b>	<b>16.170</b>	<b>Lãi sau thuế</b>	231,27	175,21	662,70	194,52	2.020,16
<b>EPS ttm (đ)</b>	<b>1.533</b>	<b>% Yoy</b>	546,32	(38,25)	(54,84)	(68,32)	(22,19)
<b>BV (đ)</b>	<b>13.398</b>	<b>Tổng tài sản</b>	17.013	17.428	16.917	16.898	
<b>PE trailing</b>	<b>31,96</b>	<b>Vốn chủ sở hữu</b>	6.128	6.277	6.203	5.611	
<b>PB trailing</b>	<b>3,66</b>	<b>ROA (%)</b>	10,68	9,86	4,63	3,05	
		<b>ROE (%)</b>	39,96	35,90	14,89	10,59	
		<b>Biên lãi gộp</b>	(4,83)	26,47	37,06	28,07	
		<b>Biên lãi ròng</b>	(74,59)	12,89	22,16	11,15	



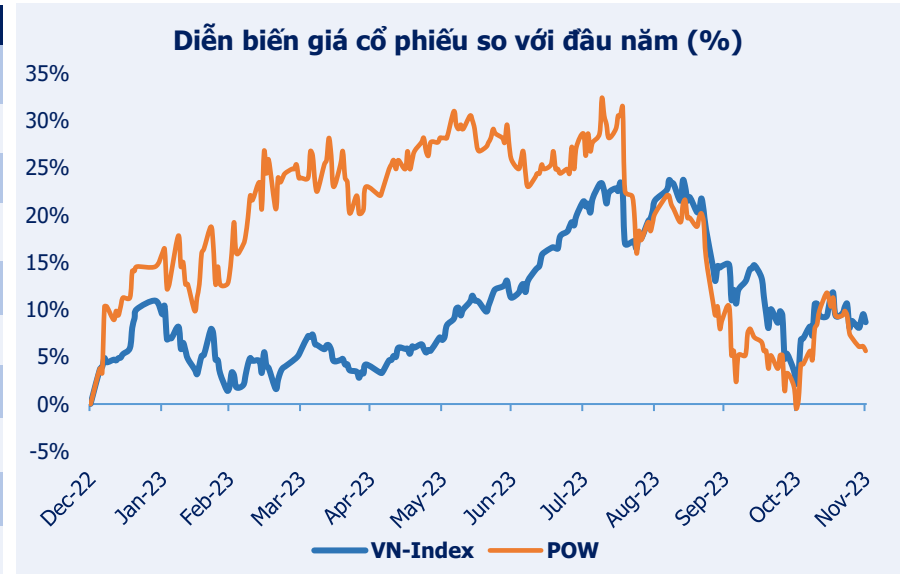
- IDC sở hữu danh mục 10 KCN nằm ở các vị trí thuận lợi với tổng diện tích khoảng 3.267ha ở miền Bắc và miền Nam. Hiện IDC còn 722,7 ha quỹ đất sẵn sàng cho thuê tại 5 dự án KCN như Phú Mỹ 2, Phú Mỹ 2 mở rộng, Hựu Thạnh, Cầu Nghìn, Quế Võ. Năm 2023, IDC dự kiến tiếp tục cho thuê khoảng 127,9ha (6T2023 đã cho thuê mới 76,8ha). Trong đó, KCN Hữu Thạnh và Phú Mỹ 2 là động lực tăng trưởng trong năm 2023.
- KQKD Q3/2023: Doanh thu thuần đạt 1.443,47 tỷ đồng (-29,68 yoy), Lợi nhuận sau thuế đạt 194,52 tỷ đồng (-68,32% yoy). Lũy kế 9T/2023, IDC ghi nhận doanh thu thuần đạt 4.997,72 tỷ đồng (-28,95% yoy). Lợi nhuận sau thuế đạt 1.032,30 tỷ đồng (-56,35% yoy). Với kết quả này, IDC đã hoàn thành 60,38% kế hoạch doanh thu và 51,10% kế hoạch lợi nhuận năm 2023.
- Cơ cấu doanh thu 9T2023: Mảng hạ tầng KCN đóng góp doanh thu lớn nhất với 2.229,12 tỷ đồng (chiếm 44,6% tổng doanh thu), giảm mạnh 45% so với cùng kỳ do các hợp đồng cho thuê chưa đến thời điểm đáp ứng điều kiện ghi nhận doanh thu một lần theo quy định. Theo sau đó là mảng kinh doanh điện với 2.069,6 tỷ đồng (chiếm 29,85%). Các mảng kinh doanh khác chiếm tỷ trọng không đáng kể.
- Dự án Khu đô thị phường 6, Tân An (Idico Linco – IDC sở hữu 51%) dự kiến sẽ được chuyển nhượng cho Aeon để phát triển trung tâm thương mại. Việc chuyển nhượng hoàn tất sẽ có tác động tích cực đến dòng tiền của IDC.



# DANH SÁCH MÃ KHUYẾN NGHỊ NĂM 2023

## Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam – CTCP (HOSE – POW)

<b>Giá hiện tại</b>	<b>11.250</b>	<b>(tỷ đồng)</b>	<b>Q4/2022</b>	<b>Q1/2023</b>	<b>Q2/2023</b>	<b>Q3/2023</b>	<b>KH2023</b>
<b>Giá mục tiêu PTKT</b>	<b>13.000 – 13.200</b>	<b>Doanh thu</b>	7.669,21	7.424,37	8.430,92	5.679,49	30.332,00
<b>Giá cao nhất tháng</b>	<b>11.900</b>	<b>% yoy</b>	113,09	5,14	12,95	(5,99)	7,43
<b>Vốn hóa</b>	<b>26.346</b>	<b>Lãi sau thuế</b>	731,82	649,98	181,63	52,38	1.118,00
<b>EPS ttm</b>	<b>680</b>	<b>% Yoy</b>	(64.790,77)	(19,10)	(68,80)	(73,98)	(51,87)
<b>BV</b>	<b>13.287</b>	<b>Tổng tài sản</b>	56.843	58.005	61.896	63.608	
<b>PE trailing</b>	<b>16,54</b>	<b>Vốn chủ sở hữu</b>	33.281	33.809	33.831	33.708	
<b>PB trailing</b>	<b>0,85</b>	<b>ROA (%)</b>	3,75	3,32	2,64	2,65	
		<b>ROE (%)</b>	6,97	6,22	5,20	5,24	
		<b>Biên lãi gộp</b>	13,93	9,14	5,57	5,40	
		<b>Biên lãi ròng</b>	11,11	7,19	1,49	1,46	



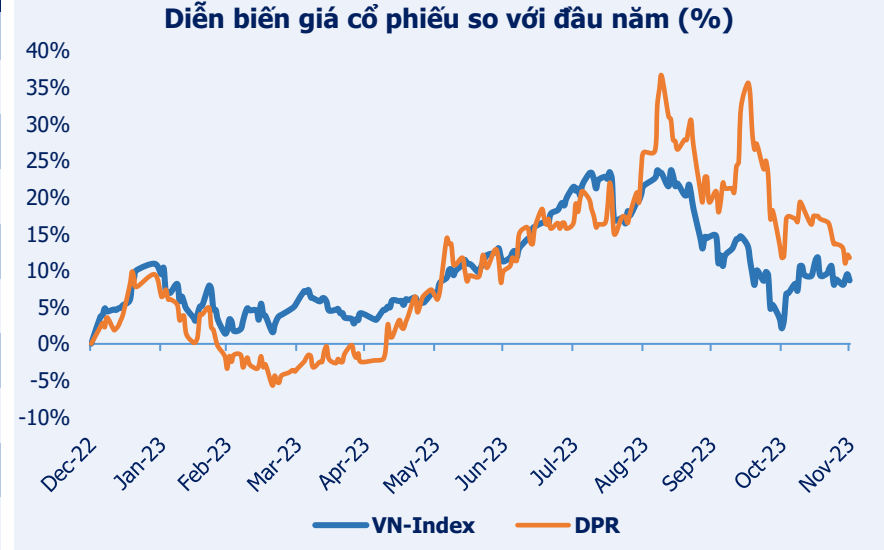
- Lũy kế 6 tháng năm 2023, doanh thu đạt 15.855 tỷ đồng (+9% YoY), lãi sau thuế 831,6 tỷ đồng (-40% YoY). Q3 doanh thu 5.679,5 tỷ đồng (-33,6% MoM, -6% YoY), lãi sau thuế đạt 52,4 tỷ đồng (-5,4% MoM, -74% YoY). Lũy kế 9 tháng, sản lượng điện đạt 11.149 triệu kWh (+9,9% YoY) = 71,5% KH, doanh thu đạt 21.533 tỷ đồng (+4,70% YoY) = 71% KH năm, lãi sau thuế 883,6 tỷ đồng (-44,45% YoY) = 79% KH năm. Tháng 10, ước đạt 2.234 tỷ đồng doanh thu (101% KH tháng), lũy kế 10 tháng ước đạt 24.354 tỷ đồng doanh thu. Tháng 11 KH đạt sản lượng 1.473 triệu kWh, 2.710 tỷ đồng doanh thu.
- Ngày 25/5/2023, Fitch Ratings năm thứ 3 liên tiếp xếp hạng tín nhiệm POW là nhà phát hành nợ dài hạn bằng ngoại tệ (IDR) tại mức BB với "Triển vọng tích cực".
- Ngày 29/06/2023, EVN và PVN đã ký biên bản bàn giao hồ sơ Dự án Nhà máy điện Ô Môn III và Ô Môn IV.
- Tình hình triển khai Dự án NT3 và NT4 (công suất 1.620 MW, tổng mức đầu tư 1,4 tỷ USD): tiến độ tổng thể thực hiện gói thầu EPC đạt 65,6% so với KH (75,1%). Ngày 29/8/2032, PV Power và VCB đã ký hợp đồng tín dụng trung dài hạn 4.000 tỷ đồng cho dự án, dự kiến phát điện thương mại NT3 tháng 11/2024 và NT4 tháng 5/2025.
- Ngày 25/8/2023, Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam (PV Power) cùng Asong Invest và PVCB Capital đã tổ chức Lễ ký kết Biên bản ghi nhớ hợp tác đầu tư, hợp tác trong ngành công nghiệp xanh Việt Nam.



# DANH SÁCH MÃ KHUYẾN NGHỊ NĂM 2023

## CTCP Cao su Đồng Phú (HOSE – DPR)

		(tỷ đồng)	Q4/2022	Q1/2023	Q2/2023	Q3/2023	KH2023
<b>Giá hiện tại</b>	<b>29.500</b>						
<b>Giá mục tiêu PTKT</b>	<b>37.000-38.000</b>						
<b>Giá cao nhất tháng</b>	<b>31.500</b>						
<b>Vốn hóa (tỷ đồng)</b>	<b>2.563</b>						
<b>EPS ttm (đ)</b>	<b>2.110</b>						
<b>BV (đ)</b>	<b>27.842</b>						
<b>PE trailing</b>	<b>13,98</b>						
<b>PB trailing</b>	<b>1,06</b>						
		<b>Doanh thu</b>	381,77	179,76	146,36	286,09	819,66
		<b>% yoy</b>	(24,41)	(11,82)	(50,64)	(16,06)	(32,93)
		<b>Lãi sau thuế</b>	62,17	61,83	41,02	56,73	220,02
		<b>% YoY</b>	(81,16)	32,43	(44,01)	(41,82)	(21,07)
		<b>Tổng tài sản</b>	4.165	4.193	4.242	4.343	
		<b>Vốn chủ sở hữu</b>	2.991	3.061	3.019	3.115	
		<b>ROA (%)</b>	6,05	6,57	5,58	4,23	
		<b>ROE (%)</b>	11,02	11,54	10,00	7,52	
		<b>Biên lãi gộp (%)</b>	26,08	38,14	21,25	22,29	
		<b>Biên lãi ròng (%)</b>	16,44	30,62	19,79	12,98	



- Lũy kế 06 tháng 2023 doanh thu thuần đạt 326,1 tỷ đồng (-34,7% YoY), LNST đạt 102,8 tỷ đồng (-14,3% YoY). Q3/2023, doanh thu đạt 286 tỷ đồng (+95,4% MoM, -16% YoY), biên lãi gộp tăng nhẹ từ 21,3% Q2 lên 22,3% trong Q3, lợi nhuận sau thuế đạt 56,7 tỷ đồng (+38,2% MoM, -41% YoY). Lũy kế 10 tháng đầu năm 2023, doanh thu tiêu thụ đạt 586,7 tỷ đồng (-11,8% YoY) = 71,6% KH năm, lợi nhuận gộp đạt 126,9 tỷ đồng (-33,5% YoY) = 46,2% KH năm. Sản lượng cao su 10 tháng đạt 9.088,6 tấn (-19,2% YoY), tiêu thụ 9.405,8 tấn (+3,8% YoY) trong đó xuất khẩu 2.782,1 tấn, giá bán trung bình 33,55 triệu đồng/tấn (-17,7% YoY).
- Ngày 11/9/2023, chốt danh sách nhận cổ tức đợt năm 2022 bằng tiền tỷ lệ 30%, dự kiến thanh toán 20/11/2023.
- Ngày 15/11/2023 được giao dịch hơn 43,4 triệu cổ phiếu thưởng tỷ lệ 1:1.
- Tiến độ triển khai 02 KCN Bắc Đồng Phú và Nam Đồng Phú: Bổ sung quy hoạch KCN của tỉnh Bình Phước đã được thực hiện. Chủ trương đầu tư 02 KCN Bắc Đồng Phú và Nam Đồng Phú phải được Thủ Tướng Chính Phủ phê duyệt. Hiện tại dự án mở rộng KCN Bắc Đồng Phú đã có báo cáo của Bộ Kế hoạch và Đầu tư trong tháng 05/2023 với diện tích 317 ha, có khả năng triển khai thực hiện trong năm 2023. Dự án KCN Nam Đồng Phú dự kiến tăng vốn điều lệ trong năm 2023 "là điều kiện đủ để nộp hồ sơ xin chủ trương đầu tư".

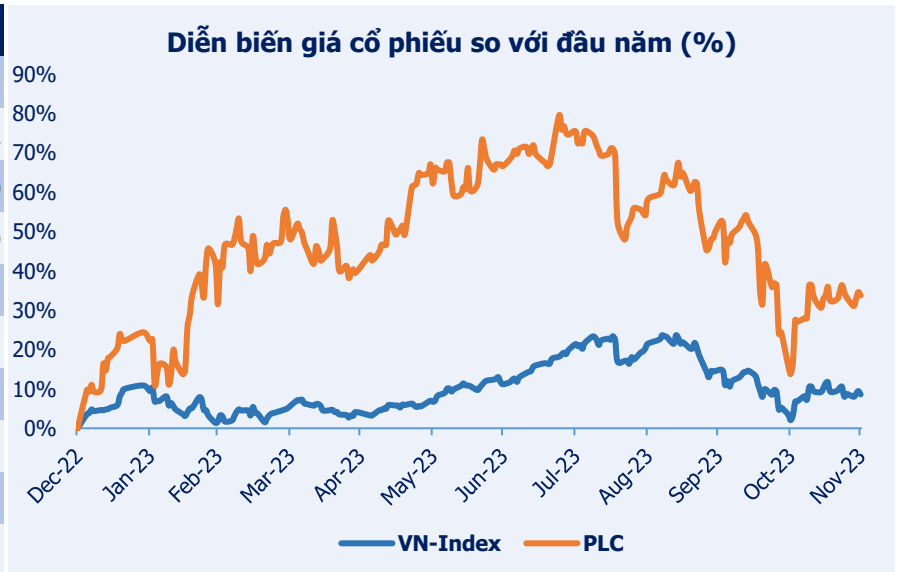


Biến cơ hội thành giá trị

# DANH SÁCH MÃ KHUYẾN NGHỊ NĂM 2023

## Tổng Công ty Hóa dầu Petrolimex – CTCP (HNX – PLC)

Giá hiện tại	30.100	(tỷ đồng)	Q4/2022	Q1/2023	Q2/2023	Q3/2023	KH2023
Giá mục tiêu PTKT	35.000-36.000	<b>Doanh thu</b>	2.606,90	1.968,41	1.881,34	1.924,14	8.903,53
Giá cao nhất tháng	30.700	<b>% yoy</b>	30,46	(5,98)	(10,98)	7,66	3,52
Vốn hóa (tỷ đồng)	2.432	<b>Lãi sau thuế</b>	22,75	33,25	35,63	16,53	160,00
EPS ttm (đ)	1.086	<b>% Yoy</b>	5,48	241,49	(12,27)	(24,34)	20,09
BV (đ)	15.996	<b>Tổng tài sản</b>	4.621	4.392	4.281	4.382	
PE trailing	27,72	<b>Vốn chủ sở hữu</b>	1.229	1.262	1.270	1.292	
PB trailing	1,88	<b>ROA (%)</b>	2,48	2,33	1,97	1,86	
		<b>ROE (%)</b>	8,99	8,19	7,25	6,72	
		<b>Biên lãi gộp</b>	12,51	12,64	13,59	11,54	
		<b>Biên lãi ròng</b>	0,25	1,69	1,67	0,86	



- Màng nhựa đường là lợi thế chính của PLC, đóng góp ~50% doanh thu 2022 của PLC. Thị phần nhựa đường PLC chiếm 28-30% thị phần với hệ thống kho – phân phối rộng khắp cả nước.
- Hưởng lợi trực tiếp từ hoạt động đầu tư các tuyến cao tốc giai đoạn 2023-2025 của Chính phủ khi PLC là nhà cung cấp nguyên vật liệu cho nhiều dự án trọng điểm, đặc biệt các dự án thành phần Cao tốc Bắc Nam GĐ1 và GĐ2.
- Rủi ro: (1) Rủi ro tỷ giá và giá nguyên vật liệu đối với mảng mỡ nhờn, (2) Rủi ro cạnh tranh mảng hóa chất, và (3) Rủi ro chậm giải ngân đầu tư công đối với mảng nhựa đường.
- KQKD Q3/2023: Doanh thu thuần đạt 1.923,14 tỷ đồng (+7,66% YoY), lãi sau thuế đạt 16,52 tỷ đồng (-24,35% YoY). Nguyên nhân do chi phí bán hàng tăng mạnh so với cùng kỳ, ở mức 7,32% doanh thu so với mức 6,27% năm trước.
- Lũy kế 09 tháng 2023, doanh thu thuần đạt 5.773,88 tỷ đồng (-3,67% YoY), lợi nhuận sau thuế đạt 81,26 tỷ đồng (-26,44 YoY), tương ứng 64,85% KH doanh thu và 50,78% KH lợi nhuận năm.

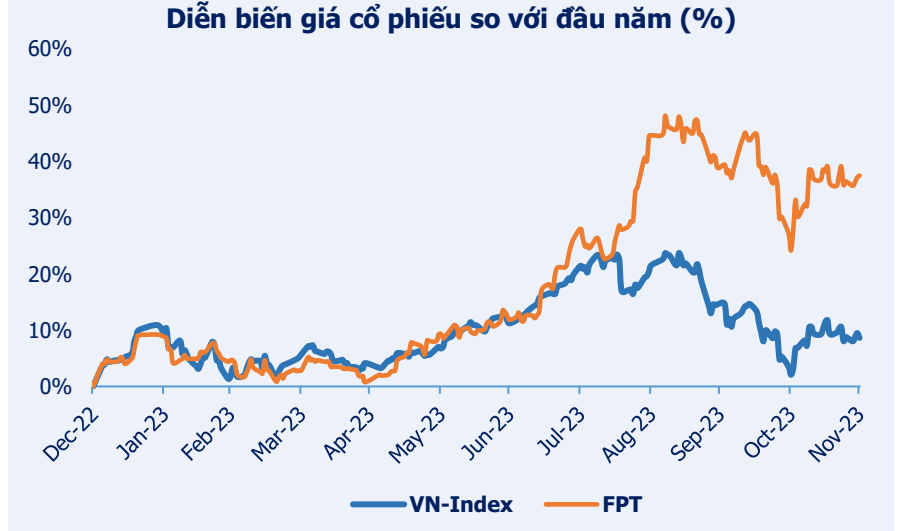


Biến cơ hội thành giá trị

# DANH SÁCH MÃ KHUYẾN NGHỊ NĂM 2023

## CTCP FPT (HOSE – FPT)

<b>Giá hiện tại</b>	<b>91.900</b>	<b>(tỷ đồng)</b>	<b>Q4/2022</b>	<b>Q1/2023</b>	<b>Q2/2023</b>	<b>Q3/2023</b>	<b>KH2023</b>
<b>Giá mục tiêu PTKT</b>	<b>95.000-100.000</b>	<b>Doanh thu</b>	13.042,43	11.681,38	12.484,36	13.761,74	52.289,00
<b>Giá cao nhất tháng</b>	<b>93.000</b>	<b>% yoy</b>	21,77	20,05	23,66	23,44	18,79
<b>Vốn hóa</b>	<b>116.710</b>	<b>Lãi sau thuế</b>	1.619,89	1.809,80	1.855,58	2.075,87	7.244,00
<b>EPS ttm</b>	<b>4.830</b>	<b>% Yoy</b>	17,84	16,03	20,61	18,22	11,86
<b>BV</b>	<b>18.610</b>	<b>Tổng tài sản</b>	51.650	50.741	60.524	62.113	
<b>PE trailing</b>	<b>19,03</b>	<b>Vốn chủ sở hữu</b>	25.356	27.061	28.595	28.406	
<b>PB trailing</b>	<b>4,94</b>	<b>ROA (%)</b>	10,08	10,47	9,97	10,42	
		<b>ROE (%)</b>	27,24	26,64	26,64	28,07	
		<b>Biên lãi gộp</b>	38,45	39,10	37,12	39,94	
		<b>Biên lãi ròng</b>	10,49	12,79	12,09	12,64	



- Nằm trong số những công ty công nghệ, nhà cung cấp Internet hàng đầu Việt Nam. Các mảng hoạt động chủ đạo (xuất khẩu phần mềm, hệ thống thông tin, đường truyền Internet..) được hưởng lợi từ xu hướng chuyển đổi số diễn ra mạnh mẽ trên thế giới và Việt Nam. Tình hình tài chính vững mạnh, lượng tiền mặt gần 26.700 tỷ đồng, (chiếm 44% tổng tài sản và tương đương 83% tổng nợ phải trả), nợ vay được kiểm soát ở mức thấp (32% tổng vốn)
- Tháng 3/2023 FPT mua lại mảng dịch vụ công nghệ của Intertec International (Mỹ), 10/2023 trở thành nhà đầu tư chiến lược tại Landing AI - công ty startup phần mềm thị giác máy tính và trí tuệ nhân tạo (AI) tại Mỹ, 11/2023 mua lại công ty cung cấp dịch vụ kỹ thuật công nghệ Cardinal Peak (Mỹ) và kỳ vọng tăng gấp đôi doanh thu dịch vụ kỹ thuật sản phẩm (tư vấn, thiết kế, phát triển, thử nghiệm các công nghệ mới) tại Mỹ trong vòng hai năm tới.
- Quý 3/2023 Doanh thu thuần 13.760 tỷ đồng (+10,2% MoM, +23,4% YoY), lãi sau thuế 2.077 tỷ đồng (+11,9% MoM, +18,2% YoY). Lũy kế 9 tháng năm 2023, doanh thu đạt 37.927 tỷ đồng (+22,4% YoY) = 72,5% KH năm, lãi sau thuế 5.741 tỷ đồng (+18,2% YoY) =79,2% KH năm, EPS tăng hơn 19% lên 3.744 đồng. Doanh thu 10 tháng đạt 42.465 tỷ đồng (+21% YoY), lãi sau thuế 6.529 tỷ đồng (+17,8% YoY). Khối công nghệ đóng góp lớn nhất với 59% doanh thu và 46% lợi nhuận trước thuế, trong đó mảng dịch vụ cho thị trường nước ngoài tăng 29,8% doanh thu chủ yếu đến từ thị trường Nhật Bản và APAC, giá trị hợp đồng ký mới đạt 23.123 tỷ đồng (+26,5%).
- Ngày 25/8/2023, GDKHQ tạm ứng cổ tức đợt 1/2023 bằng tiền tỷ lệ 10%. Kế hoạch cổ tức năm 2023 là 20%.

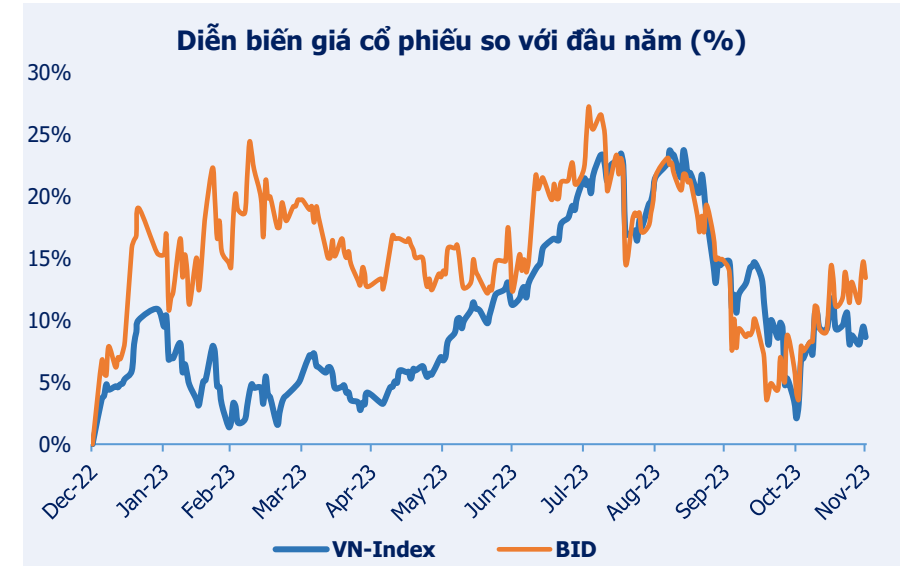




# DANH SÁCH MÃ KHUYẾN NGHỊ NĂM 2023

## Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (HOSE – BID)

<b>Giá hiện tại</b>	<b>38,850</b>	<b>(tỷ đồng)</b>	<b>Q4/2022</b>	<b>Q1/2023</b>	<b>Q2/2023</b>	<b>Q3/2023</b>	<b>KH2023</b>
<b>Giá mục tiêu PTKT</b>	<b>48.000-49.000</b>	<b>Doanh thu</b>	19.086,90	18.368,26	18.601,73	18.967,47	-
<b>Giá cao nhất tháng</b>	<b>39,300</b>	<b>% yoy</b>	27,11	35,03	30,50	23,27	-
<b>Vốn hóa</b>	<b>221,463</b>	<b>Lãi sau thuế</b>	4.151,53	5.468,48	5.426,13	4.582,88	21.168,28
<b>EPS ttm</b>	<b>3,443</b>	<b>% Yoy</b>	85,65	52,82	5,57	(11,70)	14,71
<b>BV</b>	<b>20,042</b>	<b>Tiền gửi khách hàng</b>	1.473.605	1.497.395	1.545.569	1.583.544	
<b>PE trailing</b>	<b>11.28</b>	<b>Cho vay khách hàng</b>	1.522.229	1.597.152	1.629.067	1.653.452	
<b>PB trailing</b>	<b>1.94</b>	<b>Nợ xấu (%)</b>	1,16	1,55	1,59	1,60	
		<b>ROE (%)</b>	19,89	20,93	20,29	18,65	
		<b>NIM</b>	3,07	3,02	2,83	2,76	
		<b>Biên lãi ròng</b>	21,75	29,77	29,17	24,16	



- Theo BCTC Q3.2023, tổng tài sản hợp nhất của BIDV đạt trên 2,13 triệu tỷ đồng, tiền gửi của khách hàng và phát hành giấy tờ có giá đạt gần 1,75 triệu tỷ đồng, tăng 7% YTD, dư nợ tín dụng tăng 8,4% YTD, trong đó cho vay khách hàng đạt 1,65 triệu tỷ đồng, tăng 8,6%, tích cực hơn so với trung bình ngành. Tổng nợ xấu tính đến 30/09/2023 của BIDV là 26.393 tỷ đồng, tăng 50% YTD, tỷ lệ nợ xấu 1,6%, tăng khá mạnh so với mức 1,16% thời điểm đầu năm, tỷ lệ bao phủ nợ xấu 158%. Thu nhập lãi thuần 9 tháng của BID đạt 41.266 tỷ đồng, giảm 1% YoY, lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước trích lập dự phòng là 35.172 tỷ đồng, giảm 5% YoY, tuy nhiên LNTT tăng 11% YoY, đạt 19.763 tỷ đồng do mức trích lập dự phòng giảm.
- BID hiện đang giao dịch ở mức PB 1,94x, cao hơn trung bình ngành (1,65x) nhưng vẫn ở mức hợp lý khi so sánh vị thế của BID trong top Ngân hàng Big4.
- Ngày 28/11/2023, BID đã chốt danh sách cổ đông để trả cổ tức năm 2021 bằng cổ phiếu tỷ lệ 12%. Ngân hàng cũng có kế hoạch chào bán ra công chúng hoặc chào bán riêng lẻ tỷ lệ 9%. Việc Ngân hàng tăng vốn và hệ số CAR tăng sẽ tạo điều kiện cho BID tăng trưởng tín dụng.

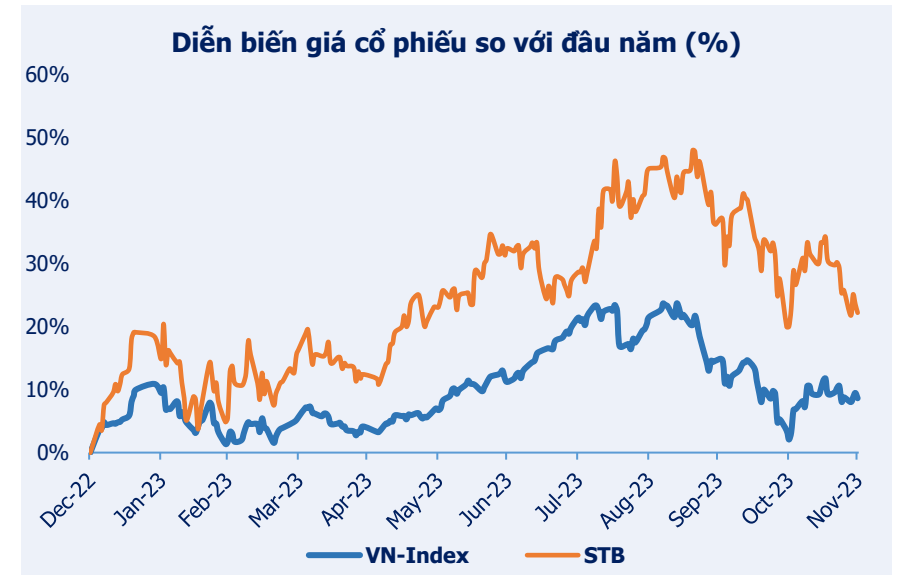


Biến cơ hội thành giá trị

# DANH SÁCH MÃ KHUYẾN NGHỊ NĂM 2023

## Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín (HOSE – STB)

<b>Giá hiện tại</b>	<b>27,500</b>	<b>(tỷ đồng)</b>	<b>Q4/2022</b>	<b>Q1/2023</b>	<b>Q2/2023</b>	<b>Q3/2023</b>	<b>KH2023</b>
<b>Giá mục tiêu PTKT</b>	<b>33.000-34.000</b>	<b>Doanh thu</b>	8.896,74	7.671,15	7.696,85	6.769,55	-
<b>Giá cao nhất tháng</b>	<b>30,200</b>	<b>% yoy</b>	60,23	50,56	45,65	21,98	-
<b>Vốn hóa</b>	<b>51,843</b>	<b>Lãi sau thuế</b>	1.751,12	1.899,96	1.925,13	1.634,59	7.600,00
<b>EPS ttm</b>	<b>3,825</b>	<b>% Yoy</b>	104,13	49,12	139,48	34,91	50,77
<b>BV</b>	<b>23,186</b>	<b>Tiền gửi khách hàng</b>	454.740	478.789	501.583	507.833	
<b>PE trailing</b>	<b>7.19</b>	<b>Cho vay khách hàng</b>	438.628	448.469	460.471	472.073	
<b>PB trailing</b>	<b>1.19</b>	<b>Nợ xấu (%)</b>	0,98	1,19	1,79	2,20	
		<b>ROE (%)</b>	13,83	14,90	17,50	17,88	
		<b>NIM</b>	3,44	3,87	4,36	4,08	
		<b>Biên lãi ròng</b>	19,68	24,77	25,01	24,15	



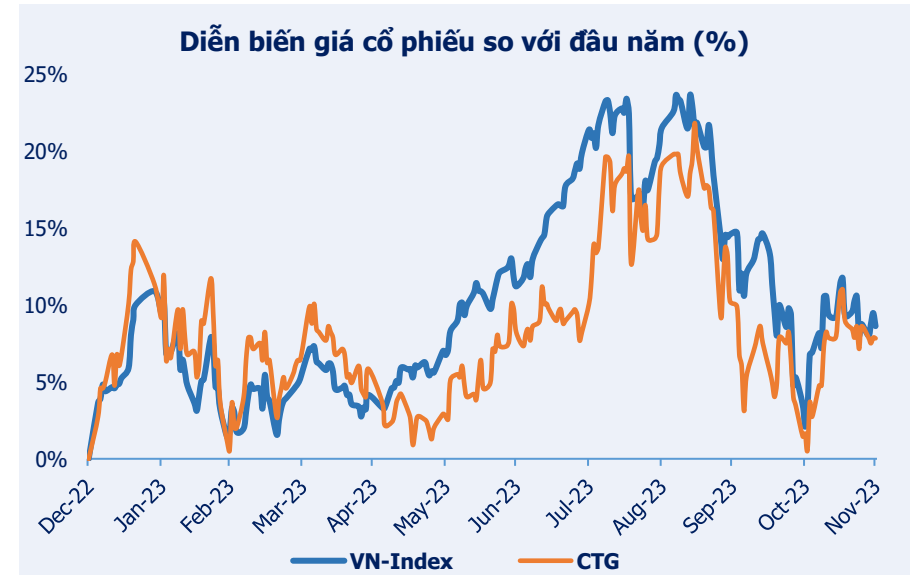
- Theo BCTC Q3.2023, tại thời điểm cuối tháng 9, tổng tài sản hợp nhất 651.000 tỷ đồng, tăng 10% YTD, tiền gửi khách hàng 507.833 tỷ đồng, tăng 11% YTD, dư nợ cho vay khách hàng 472.073 tỷ đồng, tăng 7,6% YTD, lợi nhuận trước thuế 6.840 tỷ đồng, tăng 54% YoY và hoàn thành 72% kế hoạch năm. Cùng xu hướng toàn ngành, tỷ lệ nợ xấu của STB tăng mạnh từ 0,98% cuối năm trước lên 2,2%, tỷ lệ bao phủ nợ xấu giảm xuống 64%.
- Dragon Capital tiếp tục mua vào cổ phiếu STB trong tháng 11 với tỷ lệ sở hữu 6,05% vốn điều lệ tương đương 114,08 triệu cổ phiếu. Hiện STB đang được giao dịch ở mức PB 1,19x, thấp hơn trung bình ngành (1,65x).
- Câu chuyện đầu tư. Định hướng trình NHNN phương án xử lý 32% cổ phiếu đảm bảo do VAMC quản lý, đấu giá KCN Phong Phú để xử lý nợ. Chia cổ tức, bán cổ phần cho cổ đông chiến lược sau khi tái cơ cấu.
- Điểm cần lưu ý: STB có đề xuất đầu tư vào Bamboo Airways, hiện đang gặp nhiều khó khăn về dòng tiền và hiệu quả hoạt động.



# DANH SÁCH MÃ KHUYẾN NGHỊ NĂM 2023

## Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam (HOSE – CTG)

<b>Giá hiện tại</b>	<b>26,300</b>	<b>(tỷ đồng)</b>	<b>Q4/2022</b>	<b>Q1/2023</b>	<b>Q2/2023</b>	<b>Q3/2023</b>	<b>KH2023</b>
<b>Giá mục tiêu PTKT</b>	<b>34.000-35.000</b>	<b>Doanh thu</b>	18.618,49	18.277,30	18.818,36	18.475,92	-
<b>Giá cao nhất tháng</b>	<b>27,071</b>	<b>% yoy</b>	36,87	42,27	33,63	16,08	-
<b>Vốn hóa</b>	<b>141,231</b>	<b>Lãi sau thuế</b>	4.127,43	4.806,38	5.203,31	3.863,08	-
<b>EPS ttm</b>	<b>3,352</b>	<b>% Yoy</b>	43,14	2,84	12,45	17,34	-
<b>BV</b>	<b>22,564</b>	<b>Tiền gửi khách hàng</b>	1.249.181	1.272.350	1.310.048	1.310.324	-
<b>PE trailing</b>	<b>7.85</b>	<b>Cho vay khách hàng</b>	1.274.822	1.333.109	1.359.357	1.386.280	-
<b>PB trailing</b>	<b>1.17</b>	<b>Nợ xấu (%)</b>	1,24	1,28	1,27	1,37	-
		<b>ROE (%)</b>	16,74	16,13	15,94	15,89	-
		<b>NIM</b>	3,03	3,02	3,01	2,95	-
		<b>Biên lãi ròng</b>	22,17	26,30	27,65	20,91	-



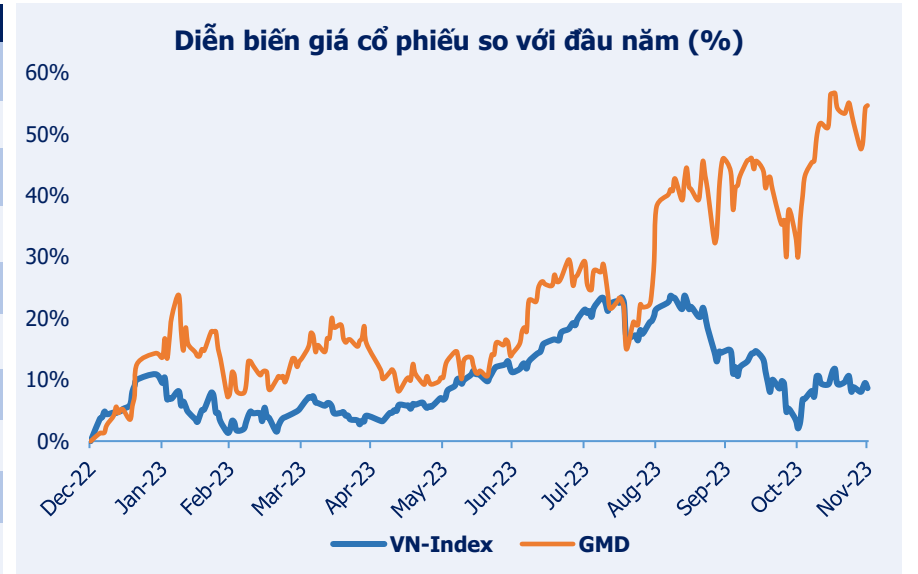
- Theo BCTC Q3.2023, tại thời điểm cuối tháng 9, tổng tài sản của CTG đạt gần 1,89 triệu tỷ đồng, tăng 4% YTD, cho vay khách hàng 1,39 triệu tỷ đồng, tăng 9% YTD, tiền gửi khách hàng 1,31 triệu tỷ đồng, tăng 5% YTD, tăng trưởng tín dụng tích cực so với trung bình ngành. Tổng nợ xấu 18,941 tỷ đồng, tăng 20% YTD, tỷ lệ nợ xấu 1.37%, tốc độ tăng tỷ lệ nợ xấu ở mức thấp trong ngành, tỷ lệ bao phủ nợ xấu 172%. 9 tháng năm 2023, CTG đạt 38.511 tỷ đồng thu nhập lãi thuần, tăng 10% YoY, lợi nhuận trước thuế 17.401 tỷ đồng, tăng 10% YoY.
- Cuối tháng 10.2023, CTG đang giao dịch ở mức PB 1,17x, thấp hơn mức 1,65x của trung bình ngành.
- Ngày 30/11/2023, CTG đã chốt danh sách cổ đông thực hiện phát hành cổ phiếu trả cổ tức từ nguồn lợi nhuận còn lại sau thuế, sau trích lập các quỹ và chia cổ tức tiền mặt năm 2020 với tỷ lệ 11,7415%. Sau khi hoàn tất phát hành, vốn điều lệ VietinBank sẽ tăng thêm gần 5.643 tỷ đồng, từ 48.057 tỷ đồng lên hơn 53.700 tỷ đồng.



# DANH SÁCH MÃ KHUYẾN NGHỊ NĂM 2023

## CTCP Gemadept (HOSE – GMD)

<b>Giá hiện tại</b>	<b>70.200</b>	<b>(tỷ đồng)</b>	<b>Q4/2022</b>	<b>Q1/2023</b>	<b>Q2/2023</b>	<b>Q3/2023</b>	<b>KH2023</b>
<b>Giá mục tiêu PTKT</b>	<b>69.000-70.000</b>	<b>Doanh thu</b>	1.065,89	901,97	912,15	997,92	3.920,00
<b>Giá cao nhất tháng</b>	<b>71.100</b>	<b>% yoy</b>	0,97	2,51	(6,72)	0,60	0,11
<b>Vốn hóa</b>	<b>21.474</b>	<b>Lãi sau thuế</b>	215,55	254,84	1.711,49	338,45	908,80
<b>EPS ttm</b>	<b>7.344</b>	<b>% Yoy</b>	3,28	(20,15)	412,16	17,73	(21,45)
<b>BV</b>	<b>27.560</b>	<b>Tổng tài sản</b>	13.031	13.266	14.011	13.245	
<b>PE trailing</b>	<b>9,56</b>	<b>Vốn chủ sở hữu</b>	7.948	8.200	9.777	9.553	
<b>PB trailing</b>	<b>2,55</b>	<b>ROA (%)</b>	8,37	7,61	17,99	18,36	
		<b>ROE (%)</b>	13,81	12,37	28,49	28,62	
		<b>Biên lãi gộp</b>	50,31	47,29	50,37	46,57	
		<b>Biên lãi ròng</b>	17,90	22,41	180,93	25,47	



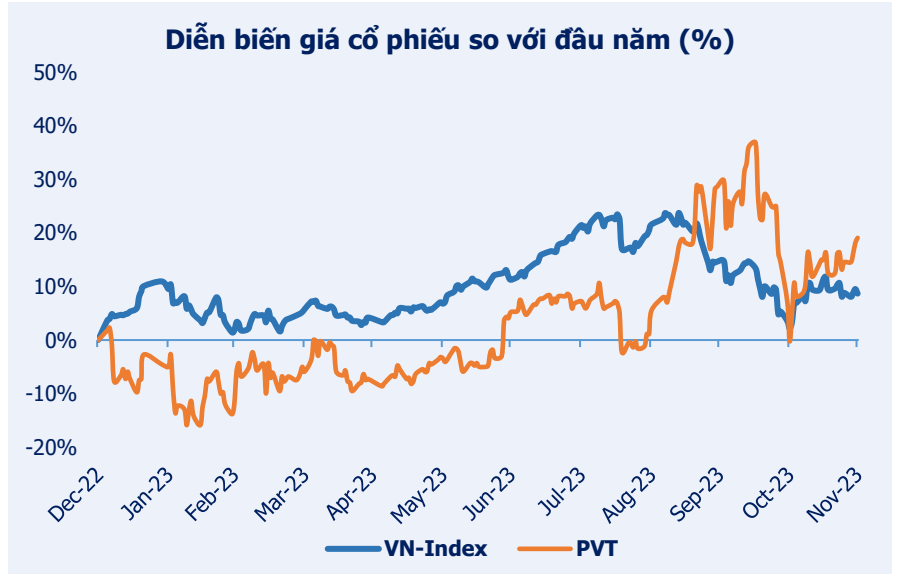
- Một trong các nhà khai thác cảng biển và logistics hàng đầu tại Việt Nam với 8 cảng biển (năng lực 3,45 triệu TEU, 2 triệu tấn hàng rời) trong đó Gemalink nằm trong Top 19 cảng trên thế giới có khả năng tiếp nhận tàu Megaship (250.000 Dwt).
- Lũy kế 6 tháng năm 2023, doanh thu đạt 1.814 tỷ đồng (-2,3% YoY), lãi sau thuế 1.966 tỷ đồng (+201% YoY), Quý III doanh thu 998 tỷ đồng (+9,4% MoM, +0,7% YoY), lãi sau thuế 1.711 tỷ đồng (-80% MoM, +17,7% YoY). Lũy kế 9 tháng năm 2023, doanh thu đạt 2.812 tỷ đồng (-1,3% YoY) = 71,7% KH năm, lãi sau thuế 2.310 tỷ đồng (+145% YoY) = 254% KH năm. GMD ước lãi trên 3.000 tỷ năm 2023.
- Ngày 24/5/2023 khai thác GD2 cảng Nam Đình Vũ có công suất tương đương cảng Nam Hải Đình Vũ (1,4tr TEU/năm). Ngày 22/9/2023 GMD chốt danh sách cổ đông chia cổ tức năm 2022 bằng tiền tỷ lệ 20%. HĐQT công bố Nghị quyết sẽ chuyển nhượng toàn bộ 99,98% cổ phần tại CTCP Cảng Nam Hải (NHP) vốn điều lệ 100 tỷ đồng, công suất 200.000 Teus/năm.
- Câu chuyện đầu tư: Dự thảo sửa đổi Thông tư 54/2018/TT-BGTVT tăng 10% giá sàn đối với phí bốc dỡ container quốc tế (riêng khu vực Cái Mép-Thị Vải nâng cả giá trần thêm 10% và cảng Gemalink có thể tăng thêm 10% so với khung giá thông thường) hiệu lực từ 2024; Dự án GD3 cảng Nam Đình Vũ (600.000TEU/năm) dự kiến vận hành từ 2025. Dự án Gemalink - Giai đoạn 2 (39ha, 1,5 triệu TEU/năm) dự kiến hoàn thành 2025-2027; Thoái vốn tại dự án trồng cao su tại Campuchia (30.000ha) trong năm 2023; Thoái vốn mảng bất động sản; Khả năng chia cổ tức đặc biệt năm 2023.



# DANH SÁCH MÃ KHUYẾN NGHỊ NĂM 2023

## Tổng Công ty cổ phần Vận tải Dầu khí (HOSE – PVT)

Giá hiện tại	26.200	(tỷ đồng)	Q4/2022	Q1/2023	Q2/2023	Q3/2023	KH2023
Giá mục tiêu PTKT	26.000-28.000	<b>Doanh thu</b>	2.438,72	2.043,03	2.097,84	2.550,62	6.800,00
Giá cao nhất tháng	26.200	<b>% yoy</b>	12,39	1,05	(6,28)	9,45	(24,84)
Vốn hóa	8.480	<b>Lãi sau thuế</b>	276,40	240,16	375,62	321,04	538,00
EPS ttm	2.988	<b>% Yoy</b>	17,90	23,70	41,47	(16,83)	(51,73)
BV	19.938	<b>Tổng tài sản</b>	14.252	14.176	15.152	16.965	
PE trailing	8,77	<b>Vốn chủ sở hữu</b>	8.014	8.250	8.418	8.675	
PB trailing	1,31	<b>ROA (%)</b>	6,41	6,57	6,85	6,20	
		<b>ROE (%)</b>	15,31	15,37	16,71	15,90	
		<b>Biên lãi gộp</b>	20,87	15,98	23,18	20,22	
		<b>Biên lãi ròng</b>	9,31	8,90	14,62	9,77	



- PVTTrans là công ty vận tải dầu khí hàng đầu chuyên chở dầu thô, khí, hóa chất, than cho các đơn vị trong và ngoài tập đoàn PVN, sở hữu đội tàu hàng lỏng lớn nhất Việt Nam. Trong 7 tháng đầu năm 2023, PVT đã đầu tư thêm 3 tàu dầu/hóa chất (91.721 DWT), thuê thêm 2 tàu dầu/hóa chất (20.000DWT) đưa tổng số tàu hiện có lên 46 chiếc (1,2 triệu DWT). Ngày 1/8, PVT đã nhận thêm 01 tàu chở LPG loại VLGC (Very Large Gas Carrier) sức chở 84.597 m<sup>3</sup> và sau đó đã cho thuê định hạn. Ngày 1/9, PVT đã nhận thêm 01 tàu chở khí hóa lỏng (LPG Coaster) đóng mới sức chở 5.150 m<sup>3</sup> theo hợp đồng thuê mua 10 năm.
- Q3/2023 Doanh thu thuần 2.250 tỷ đồng (+7,2% MoM, +9,4% YoY), biên lãi gộp cải thiện từ 17,8% lên 20,2% nhờ gia tăng hiệu quả khai thác đội tàu. Chi phí tài chính tăng mạnh từ 102 tỷ đồng lên 162 tỷ đồng (chí phí lãi vay và lỗ chênh lệch tỷ giá tăng), hoạt động khác giảm lãi từ 211 tỷ đồng về 42,3 tỷ đồng (cùng kỳ năm trước công ty thanh lý tàu), lãi sau thuế 321 tỷ đồng (-14,4% MoM, -16,8% YoY). Lũy kế 9 tháng năm 2023, doanh thu đạt 6.708 tỷ đồng (+1,5% YoY) = 98,7% KH năm, lãi sau thuế 958 tỷ đồng (+15,2% YoY) = 178% KH năm.
- 15/9/2023 là ngày đăng ký cuối cùng nhận cổ tức năm 2022 bằng tiền tỷ lệ 3%. Trong đợt review tháng 8/2023, PVT đã được thêm vào rổ chỉ số MSCI Frontier Market Index.
- Catalyst: việc mở rộng đội tàu giúp gia tăng doanh thu và lợi nhuận, có thể ghi nhận lợi nhuận bất thường trong năm từ việc thanh lý tàu chở dầu thô Athena, nhu cầu vận tải dầu khí hồi phục. Tiềm năng từ chính sách phát triển nhiệt điện chạy khí LNG theo quy hoạch VIII kéo theo nhu cầu chuyên chở LNG tăng cao.

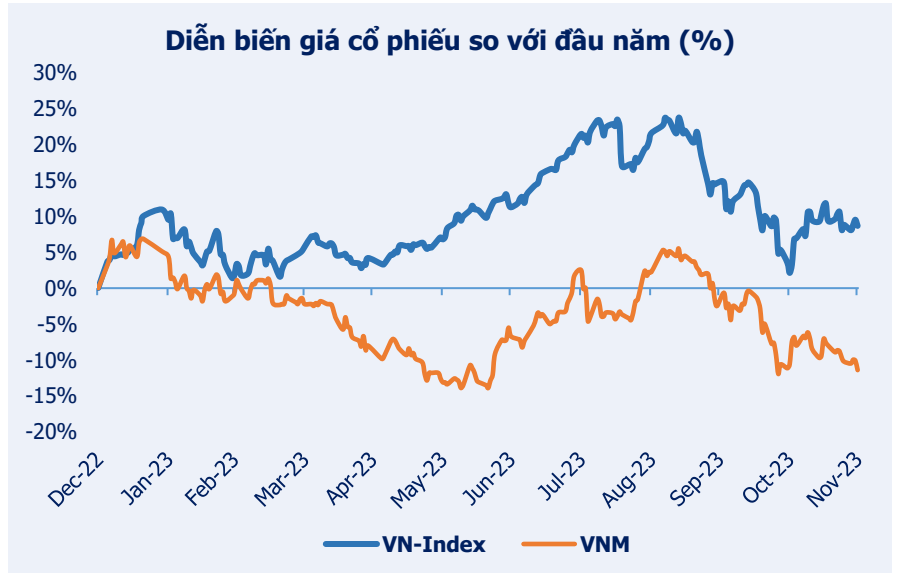


Biến cơ hội thành giá trị

# DANH SÁCH MÃ KHUYẾN NGHỊ NĂM 2023

## CTCP Sữa Việt Nam (HOSE – VNM)

<b>Giá hiện tại</b>	<b>67.400</b>	<b>(tỷ đồng)</b>	<b>Q4/2022</b>	<b>Q1/2023</b>	<b>Q2/2023</b>	<b>Q3/2023</b>	<b>KH2023</b>
<b>Giá mục tiêu PTKT</b>	<b>88.000-89.000</b>	<b>Doanh thu</b>	15.068,65	13.918,39	15.194,82	15.636,99	63.380,00
<b>Giá cao nhất tháng</b>	<b>71.400</b>	<b>% yoy</b>	(4,74)	0,29	1,77	(2,75)	5,71
<b>Vốn hóa</b>	<b>140.863</b>	<b>Lãi sau thuế</b>	1.869,12	1.906,23	2.229,16	2.533,26	8.622,00
<b>EPS ttm</b>	<b>3.593</b>	<b>% Yoy</b>	(15,52)	(16,51)	6,04	9,06	0,52
<b>BV</b>	<b>14.668</b>	<b>Tổng tài sản</b>	48.483	49.265	50.969	54.967	
<b>PE trailing</b>	<b>18,76</b>	<b>Vốn chủ sở hữu</b>	32.817	34.510	36.660	34.003	
<b>PB trailing</b>	<b>4,60</b>	<b>ROA (%)</b>	16,73	15,86	15,69	15,86	
		<b>ROE (%)</b>	24,13	22,68	21,72	24,31	
		<b>Biên lãi gộp</b>	38,79	38,78	40,48	41,92	
		<b>Biên lãi ròng</b>	12,40	13,34	14,47	15,94	



- Doanh nghiệp hàng đầu Việt Nam và sản xuất sữa và các sản phẩm từ sữa với 15 trang trại, tổng đàn 36.000 con bò sữa, 16 nhà máy tại Việt Nam, Lào, Campuchia, Mỹ.
- Doanh thu Q3/2023 đạt 15.637 tỷ đồng (+3,07% MoM, -2,4% YoY), lợi nhuận sau thuế đạt 2.533 đồng (+13,6% MoM, +9,05% YoY). Lũy kế 9 tháng, doanh thu đạt 44.750 tỷ đồng (-0,3% YoY) = 70,6% KH năm, lợi nhuận sau thuế 6.668 tỷ đồng (-0,6% YoY) = 77,3% KH năm. Doanh thu thị trường nước ngoài đạt 2.384 tỷ đồng (-1% MoM) và 9 tháng đạt 7.218 tỷ đồng, Màng xuất khẩu tăng 5% nhờ sự phục hồi tích cực từ một số thị trường có tình hình chính trị ổn định hơn. Biên lãi gộp tăng từ 40,5% quý II lên 41,9% trong quý III và 9 tháng 2023 đạt 40,45% (cùng kỳ 2022 là 40,2%). Doanh thu 9 tháng của sữa đặc Ông Thọ và sữa Sure Prevent tăng trưởng gần hai chữ số, doanh số Quý 3/2023 của sữa Super Nut 9 loại hạt và sữa tươi Green Farm tăng lần lượt gần gấp ba lần và hai lần so với cùng kỳ 2022. Vinamilk ra mắt giao diện mua hàng trực tuyến mới trong dự án tái định vị thương hiệu, liên kết với chuỗi cửa hàng để đẩy mạnh các chương trình kích cầu. Tính đến cuối quý 3/2023, Công ty đang vận hành 657 cửa hàng Giấc Mơ Sữa Việt, tăng 11 cửa hàng so với đầu năm.
- Ngày 03/08/2023 là ngày GDKHQ nhận cổ tức còn lại 9,5% năm 2022 và tạm ứng cổ tức 15% đợt 1/2023 bằng tiền.
- Ngày 26/9, VNM đã ký kết biên bản ghi nhớ hợp tác với 2 doanh nghiệp hàng đầu trong lĩnh vực nhập khẩu – phân phối sữa và nông sản tại Trung Quốc, để xuất khẩu thêm sản phẩm sữa chua Vinamilk vào Trung Quốc, ngoài sản phẩm sữa ông Thọ hiện tại.

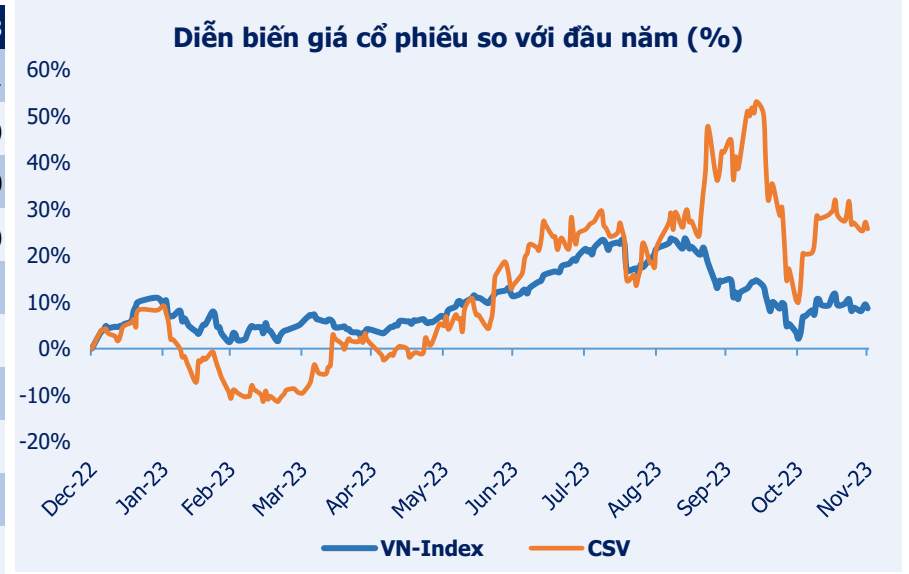


Biến cơ hội thành giá trị

# DANH SÁCH MÃ KHUYẾN NGHỊ NĂM 2023

## CTCP Hóa chất Cơ bản Miền Nam (HOSE – CSV)

<b>Giá hiện tại</b>	<b>38.100</b>	<b>(tỷ đồng)</b>	<b>Q4/2022</b>	<b>Q1/2023</b>	<b>Q2/2023</b>	<b>Q3/2023</b>	<b>KH2023</b>
<b>Giá mục tiêu PTKT</b>	<b>38.000-40.000</b>	<b>Doanh thu</b>	485,58	391,62	357,79	407,71	1.956,71
<b>Giá cao nhất tháng</b>	<b>40.000</b>	<b>% yoy</b>	(6,91)	(18,84)	(36,30)	(29,03)	(7,01)
<b>Vốn hóa (tỷ đồng)</b>	<b>1.684</b>	<b>Lãi sau thuế</b>	49,30	70,90	57,08	51,08	216,30
<b>EPS ttm (đ)</b>	<b>4.383</b>	<b>% YoY</b>	(40,48)	(36,88)	(55,62)	(56,07)	(46,80)
<b>BV (đ)</b>	<b>31.160</b>	<b>Tổng tài sản</b>	1.718	1.694	1.682	1.659	
<b>PE trailing</b>	<b>8,69</b>	<b>Vốn chủ sở hữu</b>	1.429	1.461	1.461	1.424	
<b>PB trailing</b>	<b>1,22</b>	<b>ROA (%)</b>	22,33	19,88	15,22	12,02	
		<b>ROE (%)</b>	27,77	23,96	18,62	14,21	
		<b>Biên lãi gộp (%)</b>	22,88	30,78	25,88	22,75	
		<b>Biên lãi ròng (%)</b>	9,13	16,01	13,99	11,83	



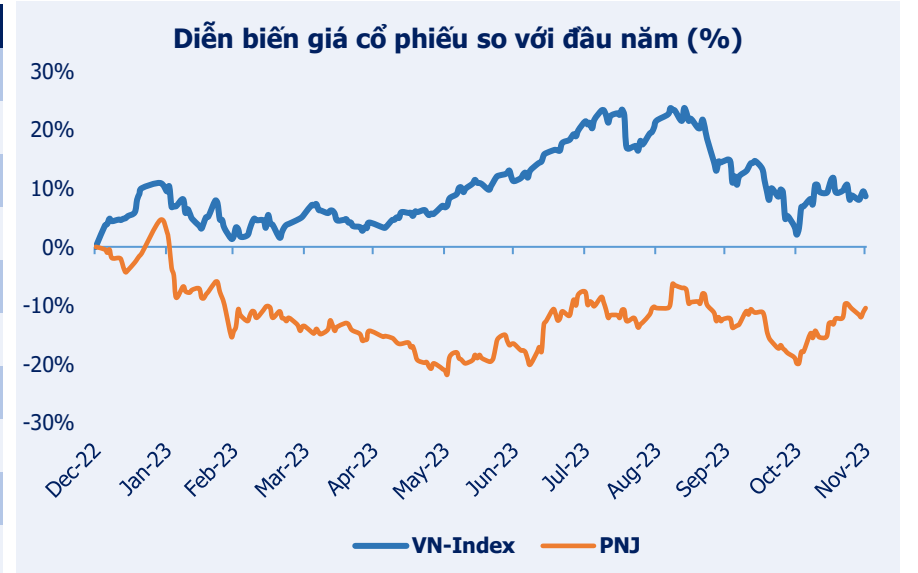
- Dự án Nhà máy Hóa chất Nhơn Thạch sẽ đầu tư trước dây chuyền sản xuất Xút-Clo công suất 20.000 tấn NaOH/năm, tiếp theo sẽ di dời cuốn chiếu các dây chuyền sản xuất khác tại KCN Biên Hòa 1 về KCN Nhơn Thạch 6.
- Ngày 28/08/2023 CSV sẽ chốt danh sách cổ đông nhận cổ tức đợt 3/2022, bằng tiền với tỷ lệ 15%, dự kiến thanh toán 13/9/2023.
- Lũy kế 06 tháng 2023, doanh thu thuần đạt 749,40 tỷ đồng (-28,2% YoY), LNTT đạt 159,8 tỷ đồng (-46,9%YoY). Q3 doanh thu đạt 407,7 tỷ đồng (+13,9% MoM, -29,03% YoY) do sản lượng và giá bán bình quân giảm, lãi sau thuế đạt 51,08 tỷ đồng (-10,5% MoM, -56,07% YoY). Lũy kế 9 tháng, doanh thu CSV đạt 1.157,12 tỷ đồng (-28,51 YoY) = 59,14% kế hoạch năm, lãi sau thuế đạt 177,57 tỷ đồng (-50,29%YoY) 82,09% kế hoạch năm.
- Ngày 29/12/2023, giao dịch không hưởng quyền trả cổ tức năm 2023, tỷ lệ 3,5% bằng tiền; ngày thanh toán dự kiến 09/01/2024.



# DANH SÁCH MÃ KHUYẾN NGHỊ NĂM 2023

## CTCP Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận (HOSE – PNJ)

<b>Giá hiện tại</b>	<b>80.500</b>	<b>(tỷ đồng)</b>	<b>Q4/2022</b>	<b>Q1/2023</b>	<b>Q2/2023</b>	<b>Q3/2023</b>	<b>KH2023</b>
<b>Giá mục tiêu PTKT</b>	<b>88.000-90.000</b>	<b>Doanh thu</b>	8.301,98	9.795,69	6.663,32	6.917,55	35.597,95
<b>Giá cao nhất tháng</b>	<b>81.200</b>	<b>% yoy</b>	18,04	(3,42)	(17,41)	(6,06)	5,08
<b>Vốn hóa</b>	<b>26.404</b>	<b>Lãi sau thuế</b>	470,31	748,59	337,59	253,34	1.937,20
<b>EPS ttm</b>	<b>5.338</b>	<b>% Yoy</b>	3,75	3,82	(8,02)	0,42	7,22
<b>BV</b>	<b>28.771</b>	<b>Tổng tài sản</b>	13.337	12.831	13.493	13.055	
<b>PE trailing</b>	<b>15,08</b>	<b>Vốn chủ sở hữu</b>	8.444	9.193	9.194	9.437	
<b>PB trailing</b>	<b>2,80</b>	<b>ROA (%)</b>	15,12	15,17	14,76	14,18	
		<b>ROE (%)</b>	25,05	21,37	21,00	20,39	
		<b>Biên lãi gộp</b>	17,70	19,40	18,15	17,31	
		<b>Biên lãi ròng</b>	5,67	7,64	5,07	3,66	



- Công ty hàng đầu về sản xuất và kinh doanh trang sức tại Việt Nam.
- Lũy kế 6 tháng năm 2023, doanh thu đạt 16.459 tỷ đồng (-9,6% YoY), lãi sau thuế 1.083 tỷ đồng (-0,5% YoY). Quý III/2023 Doanh thu thuần 6.918 tỷ đồng (+3,82% MoM, -6,1% YoY) do doanh thu các kênh đều giảm, chỉ có doanh thu bán vàng 24k tăng, lãi sau thuế 253 tỷ đồng (-24,5% MoM, +0,4% YoY). Doanh thu tháng 10 tăng 1,6% YoY tuy nhiên lãi sau thuế +31,6%. Lũy kế 10 tháng 2023, doanh thu ước đạt 26.384 tỷ đồng (-7,5% YoY) = 74,1% KH năm, lãi sau thuế 1.533 tỷ đồng (+3,1% YoY) = 79,1% KH năm, biên lãi gộp trung bình 10 tháng đạt 18,5% (cùng kỳ 2022 đạt 17,4%). Trong 10 tháng công ty mở mới 38 cửa hàng, đóng cửa 8 cửa hàng, tổng cộng có 394 cửa hàng độc lập bao gồm 382 cửa hàng PNJ, 3 CH CAO Fine Jewellery, 5 CH Style by PNJ, 1 CH PNJ Watch và 3 CH PNJ Art.
- Sprucegrove Investment Management Ltd (Canada) đã mua 650.300 cổ phiếu PNJ ngày 22/06/2023, nâng sở hữu từ 4,86% (15,93 triệu cp) lên 5,06% (16,58 triệu cp), qua đó trở thành cổ đông lớn của PNJ. Nhóm cổ đông DC đã mua thêm 1.172.200 cổ phiếu nâng tỷ lệ từ 8,78% lên 9,14% ngày 1/8/23.
- Ngày 20/10, GDKHQ trả cổ tức đợt 3 năm 2022 bằng tiền tỷ lệ 8%.

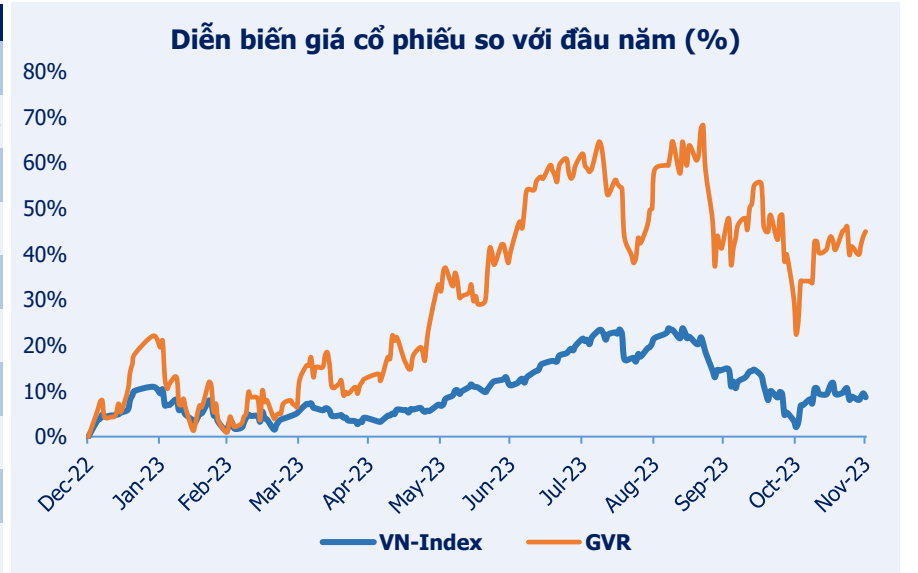




# DANH SÁCH MÃ KHUYẾN NGHỊ NĂM 2023

## Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam (HOSE – GVR)

		(tỷ đồng)	Q4/2022	Q1/2023	Q2/2023	Q3/2023	KH2023
<b>Giá hiện tại</b>	<b>20.000</b>	<b>Doanh thu</b>	9.012,78	4.135,17	4.272,64	6.195,32	27.527,00
<b>Giá mục tiêu PTKT</b>	<b>22.000-24.000</b>	<b>% yoy</b>	(3,91)	(15,50)	(25,24)	5,95	8,74
<b>Giá cao nhất tháng</b>	<b>20.150</b>	<b>Lãi sau thuế</b>	1.310,88	755,68	717,30	493,61	4.264,00
<b>Vốn hóa (tỷ đồng)</b>	<b>80.000</b>	<b>% YoY</b>	(26,63)	(42,56)	(40,18)	(50,33)	(11,13)
<b>EPS ttm (đ)</b>	<b>587</b>	<b>Tổng tài sản</b>	78.377	77.043	76.664	77.797	
<b>BV (đ)</b>	<b>12.611</b>	<b>Vốn chủ sở hữu</b>	53.466	54.291	54.175	55.290	
<b>PE trailing</b>	<b>34,05</b>	<b>ROA (%)</b>	4,88	4,26	3,69	3,01	
<b>PB trailing</b>	<b>1,59</b>	<b>ROE (%)</b>	7,92	6,71	5,80	4,70	
		<b>Biên lãi gộp (%)</b>	19,95	24,32	21,78	19,93	
		<b>Biên lãi ròng (%)</b>	10,21	13,30	13,42	5,05	



- Doanh thu thuần 06 tháng 2023 đạt 8.408 tỷ đồng (-19,6% YoY), LNST 06 tháng 2023 đạt 1.473 tỷ đồng (-40,9%YoY). Q3 doanh thu đạt 6.195 tỷ đồng (+45% MoM, +5,95% YoY), LNST đạt 493,6 tỷ đồng (-31,1% MoM, -50,3% YoY). Lũy kế 9 tháng 2023 đạt 14.488 tỷ đồng doanh thu (-11% YoY), 1.953 tỷ đồng lãi sau thuế (-43,9% YoY).
- Dự án KCN Nam Tân Uyên mở rộng GD2 (344 ha) đã được TT phê duyệt chủ trương đầu tư và UBND tỉnh Bình Dương đã có quyết định cho thuê đất để thực hiện dự án; Các dự án đã được trình Thủ tướng Chính phủ gồm: Dự án đầu tư KCN 317 ha do CTCP KCN Bắc Đồng Phú làm chủ đầu tư; Dự án KCN Rạch Bắp mở rộng 360 ha (Bình Dương); Dự án KCN Hiệp Thạnh giai đoạn 1 ở tỉnh Tây Ninh quy mô 495,17 ha; Dự án KCN Minh Hưng III mở rộng (577,53 ha).
- Ngày 28/7/2023, Công ty C.R.C.K (GVR nắm 100% vốn) khánh thành nhà máy chế biến mủ cao su 6.000 tấn/năm tại Campuchia, diện tích khai thác 4.107 ha, vốn đầu tư 77,4 tỷ đồng.
- Ngày 16/11/2023, giao dịch không hưởng quyền trả cổ tức năm 2022, tỷ lệ 3,5% bằng tiền; ngày thanh toán dự kiến 08/12/2023.
- Triển vọng: 1/Nhu cầu cao su tự nhiên từ Trung Quốc phục hồi sau giai đoạn phòng chống Covid, giá cao su tăng từ tháng 8 và duy trì ở mức cao nhất trong 1 năm; 2/Mở rộng diện tích các KCN thông qua chuyển đổi đất trồng cây cao su và phát triển mới. GVR đang khai thác 3.932ha các KCN, mục tiêu tới năm 2025 sẽ phát triển thêm 19.513ha, nâng tổng diện tích các KCN lên 23.444ha (1.734ha đang triển khai các thủ tục đầu tư); 3/Nghị định 10 bổ sung Luật Đất đai sẽ giúp đẩy nhanh tiến độ triển khai các dự án KCN của GVR.



# TUYÊN BỐ MIỄN TRỪ

**Website:** [www.shs.com.vn](http://www.shs.com.vn)

*Chịu trách nhiệm nội dung:*

**Phó phòng phụ trách: Ngô Thế Hiển**  
[Hien.nth@shs.com.vn](mailto:Hien.nth@shs.com.vn)

**Phó phòng: Hồ Ngọc Việt Cường**  
[Cuong.hnv2@shs.com.vn](mailto:Cuong.hnv2@shs.com.vn)

**Trưởng nhóm: Phan Tấn Nhật**  
[Nhat.pt@shs.com.vn](mailto:Nhat.pt@shs.com.vn)

**Trưởng nhóm: Đoàn Thị Ánh Nguyệt**  
[Nguyet.dta@shs.com.vn](mailto:Nguyet.dta@shs.com.vn)

**Chuyên viên: Nguyễn Khắc Thành**  
[Thanh.nk@shs.com.vn](mailto:Thanh.nk@shs.com.vn)

**Chuyên viên: Trần Hồng Mây**  
[May.th@shs.com.vn](mailto:May.th@shs.com.vn)

**Chuyên viên: Bùi Mạnh Kiên**  
[Kien.bm@shs.com.vn](mailto:Kien.bm@shs.com.vn)

*Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.*

*Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin mà không hàm ý khuyến người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo.*

*SHS có thể có những hoạt động hợp tác kinh doanh với các đối tượng được đề cập đến trong báo cáo này. Người đọc cần lưu ý rằng SHS có thể có những xung đột lợi ích đối với các nhà đầu tư khi thực hiện báo cáo nghiên cứu phân tích này.*

*Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi Bloomberg, FiinGroup và Fialda*

Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ:  
**Phòng Phân tích - Công ty Cổ Phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội**

## **Trụ sở chính tại Hà Nội**

Tầng 1-5, Tòa nhà Unimex Hà Nội  
Số 41 Ngô Quyền, Hàng Bài,  
Q. Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội  
Tel: 84.24.38181888  
Fax: 84.24.38181688  
Email: [contact@shs.com.vn](mailto:contact@shs.com.vn)

## **Chi nhánh Hồ Chí Minh**

Tầng 3, Cao Ốc Sài Gòn Metropolitan  
Số 235 Đồng Khởi, P. Bến Nghé, Q1,  
Thành phố Hồ Chí Minh  
Tel: 84.28.39151368  
Fax: 84.28.39151369  
Email: [contact-hcm@shs.com.vn](mailto:contact-hcm@shs.com.vn)

## **Chi nhánh Đà Nẵng**

Tầng 8, Tòa nhà Thành Lợi 2  
Số 03 Lê Đình Lý, Phường Vĩnh  
Trung, Quận Thanh Khê, Thành  
phố Đà Nẵng  
Tel: 84.236.3525777  
Fax: 84.236.3525779  
Email: [contact-dn@shs.com.vn](mailto:contact-dn@shs.com.vn)